

Nữ tướng thời Trưng Vương

Nguyễn Khắc Xương

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Mục lục

THÁNH THIÊN

LÊ CHÂN

BÁT NẠN

NÀNG NỘI

LÊ THỊ HOA

HỒ ĐỀ

XUÂN NƯƠNG

NÀNG QUỲNH, NÀNG QUẾ

ĐÀM NGỌC NGA

THIỀU HOA

QUÁCH A

VĨNH HOA

LÊ NGỌC TRINH

LÊ THỊ LAN

PHẬT NGUYỆT

PHƯƠNG DUNG

TRẦN NANG

NÀNG QUỐC

Nguyễn Khắc Xương
Nữ tướng thời Trưng Vương
THÁNH THIÊN
NỮ TƯỚNG

Trong đêm thanh vắng của đêm trăng sông vắng lên tiếng vó ngựa trên mặt đường. Eo óc gà gáy rộn lên rồi tắt, nhưng tiếng vó ngựa không tắt mà lại càng rõ, càng vội, càng lúc càng gấp.

Trên ngựa ; một tên lính đô hộ cuối rạp mình, mặt sát vào bờm ngựa, tay cầm một thanh đao to bản và ngắn, sống dày có đường gờ nổi lên là kiểu đao thông dụng của quân lính đô hộ trong các huyện miền Hải Đông, quận Giao Chỉ.

Chợt có tiếng mõ nổi lên cắt ngang tiếng vó ngựa. Mặt đường ngập trăng, lỗ nhố những người cầm giáo và gậy. Có tiếng quát : " Ai đó ? Xuống ngựa ! ".

Con ngựa chồm lên, hất tung hai vó trước lên trời rồi đập mạnh xuống mặt đất, dừng lại, mũi thở phì phì. Tên lính đô hộ dướn thẳng người trên mình ngựa cất cao giọng nói tiếng Việt rất sôi : " Cho ta đi, có hỏa bài của Sái huyện úy đây ! ".

Nghe nói tới hỏa bài của huyện úy, đám người cầm giáo vây kín lấy tên lính đô hộ và tiếng ào ào nổi lên. Tên lính hỏi, giọng hách dịch : " Đây là đâu ? Các anh là tuần dũng làng nào ? ". Một người nói buông thõng : " Làng Kèo ! ". Tên lính Hán tỏ vẻ vui mừng : " Kèo rồi à ? Được, được ! ", bèn hất chiếc nón rộng vành xuống đất và nói : " Đây, anh em cả đây, hãy cho xin bát nước đã ! ". Mọi người đưa tên lính vào điểm. Ánh đuốc bật lên.

Một lát sau, tiếng ngựa lại rộn vang trong đêm cuối thu trời se lạnh. Ba con ngựa như ba mũi tên lao đi, và một người trong bọn cất tiếng : " Không

phải tới Sêu nữa ! Tới ngã ba Cây đa, chúng ta rẽ tay phải ! "

* * *

Nàng chủ ngồi im lặng, cặp mắt đen láy nghiêm nghị nhìn thẳng vào mắt người lính đô hộ hay đúng hơn người lính Việt ở huyện mặc bộ binh phục Hán. Nàng chủ lại mỉm cười hiền hậu khi thấy người này không chịu nổi ánh mắt của mình vội cúi đầu xuống. Trầm ngâm một lúc, nàng quay lại nhẹ giọng nói với một nữ vệ quân đứng mé sau : " Em Nấp à, mời Nguyễn đầu mục tới ! "

Người lính huyện không khỏi ngạc nhiên khi thấy Nàng chủ vẫn thản nhiên như không trước một tin quan trọng và khẩn cấp như thế. Trước ánh sáng của những đĩa đèn dầu dọc, khuôn mặt Nàng chủ như vầng trăng hiện ra trong một đêm trời quang đãng, với đôi mày đen nhánh, đôi mắt trầm tư và cặp môi mỏng màu hoa đào.

Người lính có tuổi cuối đầu không dám nhìn lâu khuôn mặt đẹp đẽ ấy, khuôn mặt vừa hiền từ vừa nghiêm trang của người con gái mới 19 tuổi mà dân trong toàn huyện đều chỉ tôn xưng là Nàng chủ, chẳng ai dám gọi tới tên húy của nàng là Thánh Thiên.

Người con gái ấy mồ côi cả bố lẫn mẹ. Từ năm 16 tuổi, Nàng đã cầm đầu dân chúng một vùng, bắt trói viên quan từ huyện về đòi khám muối các nhà, và chống lại lệnh nộp vải quã, trâu và người làm cống phẩm gửi đi Tràng An. Vụ mùa năm ngoái, Sái Ngạc Hoa mang quân tiểu phạt Thánh Thiên, hai lần đánh đều vớt giáo quay về.

Nguyễn đầu mục hỏi người lính huyện : " Bác Nhạc à, quan quân từ Phủ đô úy về do tên nào cầm đầu ? "

- " Mã Giang Long, tên này vẫn tự xưng là Hồ Mắt Đỏ, vì tính tình hăn hung dữ mà hay rượu, mắt lúc nào cũng đỏ vẩn lên. Trong số tám trăm

quân hãn mang về, có đội thân quân chuyên dùng khiên da trâu và đao ngắn là lợi hại hơn cả ". Nàng chủ cất tiếng : " Mã Giang Long, ta vẫn có nghe nói tới hãn. Nhưng hữu dũng vô mưu, hãn cũng không đáng sợ lắm ! ". Người lính huyện gật đầu : " Mã Giang Long tự cao, hống hách và cậy khỏe, nhưng hãn có một tên mưu sĩ mặt choắt như mặt dơi rất thâm hiểm. Tôi chắc lần này, chúng dùng kỳ binh đấy, ta chớ coi thường ".

Bác Nhạc đứng dậy : " Tôi phải về. Xin Nàng chủ cẩn thận giữ gìn. Lần đánh này không phải như hai lần trước đâu. Mã Giang Long sẽ cất quân ngay đêm mai và mở trận đánh trước lúc trời sáng ".

Mã Giang Long chỉ huy tám trăm quân từ Phủ đô úy về, hợp với năm trăm quân của Sái Ngạc Hoa, chia quân làm ba đạo tiến đánh Thánh Thiên.

Đạo thứ nhất do Sái Ngạc Hoa cầm đầu tiến thẳng đến làng Sêu là căn cứ của Thánh Thiên.

Đạo thứ hai do Mã Giang Long chỉ huy năm trăm thân binh mở một mũi nhọn bất ngờ thọc vào mặt sau căn cứ.

Đạo thứ ba do phó tướng Chu Bảo Ngọc sẽ đánh vào phía đông căn cứ, làng Trạm.

Sau khi Sái Ngạc Hoa mở cuộc tập kích bất ngờ thì Mã Giang Long cho bắn tên buộc mỗi lửa vào làng Sêu rồi đưa thân binh tiến vào dùng đoản đao đánh giáp lá cà quét giết nghĩa quân và dân chúng trong cơn hoảng hốt.

Mã Giang Long hạ lệnh bắt sống Thánh Thiên.

Giặc định đánh bất ngờ nhưng quân ta lại biết trước.

Phán đoán giặc đánh đêm tất phải dùng nghi binh, Thánh Thiên bèn rút

quân chủ lực về đóng ở Trạm và giao Nguyễn đầu mục cầm đầu một đội nghĩa quân phục ở cánh đồng phía Tây làng chờ khi lửa cháy ở Sêu thì bọc vào đánh Mã Giang Long.

Việc cầm cự trong làng giao cho nữ đầu mục Ngọc Thuyền.

Lại nói Mã Giang Long thấy tên lửa bắn vào làng Sêu đã gây những đám cháy lớn vội thúc quân tiến mau : trống trận nổi vang trợ oai cho quân Mã xông vào làng. Trong làng, tiếng tù và của nghĩa quân cũng vang lên inh ỏi. Mã Giang Long tiến sâu vào làng chỉ thấy tre đổ ngổn ngang, ngô sâu hun hút, tên từ các ngách bắn ra mười phút trúng chín. Quân Mã chùn lại, đoản đao không gặp địch thủ. Mã đang lúng túng thì thấy Sái Ngạc Hoa hoảng hốt chạy tới nơi : " Chu Bảo Ngọc đã bị Thánh Thiên chém rụng đầu rồi. Quân ta đang bị vây khốn. Tướng quân hãy rút mau, nếu chần chừ sẽ bị nguy hại đấy ! ". Sái vừa dứt lời thì Mã đã thấy quân Nam từ ngoài vào, từ trong các ngõ xông ra, quây kín quân Mã. Đội thân binh liều chết mở đường máu đưa Mã Giang Long ra khỏi trận.

Trận đánh này, Thánh Thiên tuy không bắt được Mã Giang Long nhưng đánh bại quân của Phủ đô úy. Oai danh Thánh Thiên trăm phần lừng lẫy, dân chúng các nơi đều phấn khởi, hào kiệt xứ Hải Đông tìm đến ứng nghĩa dưới cờ của Thánh Thiên.

Quân Hán tiến đánh quân Nam nhiều trận, chặn các ngã đường, cướp phá thóc lúa, cấm chợ ngăn sông. Thánh Thiên một hôm họp với các đầu mục, nói rằng : " Ta xem vùng này là bình địa, bốn mặt thụ địch, nếu ta đánh lâu tất có cái nguy bị diệt vong. YU ta muốn tìm nơi hiểm địa lập căn cứ mới, các đầu mục nghĩ thế nào ? ". Bàn tán một hồi, mọi người nhất trí đi tìm địa bàn hoạt động mới, tạm rời quê hương. Bấy giờ có Lý đầu mục xin đưa Thánh Thiên về thăm đất ở huyện Bắc Đái (nay là tỉnh Hà Bắc) là vùng Lý đầu mục có nhiều họ hàng và người quen biết.

Mùa thu, Thánh Thiên cùng Lý đầu mục và một số nghĩa quân thân tín đóng vai khách thương quang gánh lên đường, từ biển tìm lên rừng. Chẳng bao lâu, các hào kiệt đã tới vùng đất mới, chỉ thấy rừng tiếp rừng, đồi núi hoang vu, ngàn lau san sát, làng xóm thưa thớt rải rác từng chòm, nhà thì vách nửa, cột lim, lại có những xóm trâu buộc cột nhà, lợn thả dưới sàn. Khi đi đường thỉnh thoảng họ lại nghe có tiếng mõ lốc cốc. Lý đầu mục nói đó là mõ trâu. Không còn thấy nữa những cánh đồng bát ngát, những bến sông tấp nập, những thôn làng trù phú với lũy tre bao quanh. Cảnh đẹp vẻ hoang sơ, mỗi bước chân đi quang cảnh lại một khác, không bằng phẳng đồng đều như ở đồng bằng. Thánh Thiên lần đầu tới vùng đồi núi không khỏi ngỡ ngàng, nhưng nàng không chỉ ham mê cảnh lạ mà suy nghĩ tìm một nơi lập căn cứ có thể công thủ lâu dài.

Một buổi chiều, Lý đầu mục đưa Thánh Thiên cùng các bạn chiến đấu vượt qua mấy quả đồi lau lán bước theo một lối hẹp ven gò. Những bông lau màu tím bạc đọng ánh nắng chiều óng ánh loà xoà che khuất lối chen với cỏ gianh cây dại. Mọi người phải lấy tay gạt, dao phát mới đi được. Bước lên một quả đồi hoang trọi chỉ nhìn thấy những tảng đá lớn nhỏ nằm ngổn ngang, mọi người có thể thu được cảnh vật khắp vùng vào trong tầm mắt. Lý đầu mục chỉ những ngôi nhà nhỏ ẩn hiện sau lớp cây rừng xa xa nói với Thánh Thiên : " Kia là Trại Cỏ, người anh em tôi ở đó. Cách Trại Cỏ một thôi đường là Trại Hái và gần đó là Trại Cây Lai. Ba trại này ở theo thế chân kiềng trong lòng rừng núi, gần dòng sông Nhật Đức. Trước kia, nơi đây chỉ có lợn rừng và cọp, sau rồi những người đói khổ, những kẻ tội đồ và các khách giang hồ lục lâm mới tìm đến lập trại. Địa thế vùng này vừa hiểm vừa kín, lại là đầu mối nhiều ngã đường xuôi ngược, dân ở đây ngang tàng, thích nói thẳng và ưa sức mạnh ". Thánh Thiên đưa mắt ngắm xem địa thế, lại nghe Lý đầu mục chỉ dẫn, vừa ý gật đầu. Mọi người cùng nhau rảo bước về phía Trại Cỏ.

Tới bên một khe nước lượn quanh co, Thánh Thiên thấy hai người con gái trạc tuổi mình đang bắt cá khe. Những con cá nhỏ vảy đen lượn đặc dưới

chân những tảng đá rêu xanh. Một cô cầm cây gậy chọc vào các khe đá dồn cá xuống một cái vũng mà các cô đã lấy đá xếp chặn lại. Cô gái kia nhỏ tuổi hơn, cầm một thứ đồ đan bằng tre xúc lấy cá đổ vào một đồng lá xếp trên bờ. Khi thấy những người lạ đi tới, hai cô ngừng tay chăm chú nhìn. Các cô đặc biệt ngắm nghía Thánh Thiên rồi vụt chạy về phía xóm. Chốc lát nghe có tiếng mõ gõ đồ hồi. Lý đầu mục mỉm cười : " Họ sắp tiếp đón chúng ta đó ! ".

Thu qua đông tới, Khu Ba trại đã trở thành căn cứ của nghĩa quân Thánh Thiên. Mọi người đốt rừng làm nương, mùa xuân tra hạt, mùa hạ gặt lúa. Nhiều tràn ruộng độc đã được cuốc và cấy lúa hai vụ. Thánh Thiên cho đi mua trâu về thả hàng đàn, lại đón người về mở xưởng lò rèn nông cụ và khí giới. Tới khi gặt lúa vụ thu thì quê hương mới của Thánh Thiên đã đông vui, Thánh Thiên tiếp tục mở rộng căn cứ, tích trữ lương thực, một dải núi dài Yên Dũng, huyện Bắc Đái đã trở nên thành lũy kiên cố của những người dân Việt bất khuất mài gươm rèn giáo chờ buổi diệt thù.

Thánh Thiên có năm đầu mục, trong đó có một nữ đầu mục là Nguyễn Ngọc Thuyền, người cùng họ, hơn Thánh Thiên hai tuổi và bốn vị đầu mục Nguyễn, Lý, Trần, Lê, đều đứng tuổi đã có vợ con. Tối hôm đó các đầu mục được mời đến để tiếp khách ở đại trại. Xôi thơm phưng phức, thịt lợn rừng chấm muối, rượu nếp men lá, đèn đuốc sáng trưng, mọi người chuyện trò thân mật. Khách tự xưng họ là Đào Quang Thái, đầu mục của Trần Công. Sau khi nghĩa quân Yên Tử bị đánh thất tán, Đào Quang Thái bị giặc bắt giữ, tra tấn nhục hình rồi đưa vào đoàn phu đi khai mỏ An Bình, Đào Quang Thái xúi giục mọi người đánh giết quan quân áp giải rồi bỏ trốn. Nghe mong manh Trần Công đang len lỏi ở vùng rừng núi Yên Dũng, Đào Quang Thái bèn tìm tới vùng này. Khách nói : " Tôi đã được nghe Trần chủ tướng nói về cháu gái là Thánh Thiên. Tôi không ngờ tới đây lại được gặp nữ hào kiệt ". Mọi người vui vẻ nâng chén rồi bàn cách tìm gặp Trần Công.

Một tháng sau, hai cậu cháu Thánh Thiên gặp nhau trong một xóm nhỏ ở

Ký Hợp. Trần Công nói : " Ta không sợ thất bại, nhưng giặc kia đã đóng kín toàn cõi Giao Châu, đè đầu cưỡi cổ dân ta ngót hai trăm năm. " Trừng chọi với đá " khó lắm ! ". Thánh Thiên nói : " Ngày nay đâu phải chỉ có cậu cháu ta dám mưu việc lớn ! Chấn chấn nhân dân bất bình, lời hờn căm nói ra miệng. Giặc càng vơ vét càng hà hiếp, nhân dân càng căm phẫn. Bốn bề đang như nồi nước bắt đầu sôi ! Không đứng dậy lúc này còn chờ lúc nào nữa ? ". Thánh Thiên và Đào Quang Thái ở lại với Trần Công ba ngày bàn tính mọi việc.

Sau đó, Thánh Thiên lại đến đất Ký Hợp bốn tháng cùng cậu xây dựng căn cứ tự nghĩa, đưa Lý đầu mục đến giúp cậu. Đào Quang Thái cũng về với chủ tướng, Thánh Thiên bàn với cậu mộ dân lưu tán vỡ đất làm ruộng lấy lương và tổ chức nghĩa binh. Sau đó Thánh Thiên lại nói với cậu : " Muốn lật đổ nền đô hộ ngoại tộc, phải biết nhẫn nại, dưỡng uy xúc nhuệ chờ thời cơ thuận lợi. Nếu giặc Hán mạnh kéo đến, ta chớ khinh địch, tạm lánh đi là hơn. Căn cứ của cậu cháu ta xa nhau, xin cậu cẩn thận giữ gìn, khi tán khi tụ, lúc này chưa nên bàn chuyện ra quân vội ". Ông cậu nhất nhất nghe lời. Hai cậu cháu và các vị đầu mục chuyện trò cho tới khi gà gáy sáng mới thôi.

Giặc Hán hoảng hốt trước các cuộc nổi dậy của nhân dân càng thẳng tay đàn áp. Chúng càng đàn áp nhân dân càng bất bình. Phu khai mỏ, phu chuyển cống phẩm, phu xây dựng thành lũy dinh thự cho giặc càng ngày càng bỏ trốn nhiều. Những vụ phu trói đánh quan lính đô hộ rồi bỏ đi cả đoàn đã xảy ra ở nhiều nơi.

Thánh Thiên nhận định lúc này phát cờ khởi nghĩa sẽ thắng lợi. Thánh Thiên hội quân với Trần Công ở Ký Hợp. Ngày rằm tháng Ba, nghĩa quân tế cờ khởi nghĩa Trần Công được tôn là Nam Thành Vương và Thánh Thiên được suy tôn là Thiên Nữ. Các vị đầu mục cả nam lẫn nữ đều phong là tướng quân.

Ngày mười sáu, nghĩa quân tiến đánh trại lương của giặc ở chân núi Lạng Thái, giết một viên phó tướng và nhiều lính đô hộ, thu hai chục ngựa chiến và hai ngàn học thóc.

Ngày mười bảy, nghĩa quân phục ở đường hẻm Đào Thâu, đánh giết quan quân áp giải, cứu thoát nhiều người bị địch bắt lao dịch, cướp được nhiều trâu mộng và gỗ quý.

Ngày mười chín, nghĩa quân xuôi sông Nhật Đức đánh đồn Tháp Khẩu là đồn chứa lâm thổ sản của giặc giành lại nhiều bè gỗ lim, táu và chò hoa, cùng các kho móc, mây, nâu, khúc khắc, mật ong, lông trĩ và bảy bộ da cạp.

Nam Thành Vương và Thiên Nữ đánh trận nào thắng trận nấy. Nhân dân các nơi mong mỏi nghĩa quân, dắt trâu gánh gạo đến dâng nộp nghĩa quân.

Trước những cuộc nổi dậy liên tiếp của nhân dân Âu Lạc, thêm việc bắt tráng đinh, thợ khéo, nô tì và thu nộp cống phẩm của Giao Chỉ để đưa về Tràng đô, đều bị chậm trễ và thiếu hụt, vua Hán nổi giận triệu thái thú Giao Chỉ về trị tội và cử tên Tô Định sang thay thế.

Tô Định là một tên quan đại gian đại ác, lòng tham vô đáy. Hắn cho rằng tình hình Giao Chỉ sở dĩ rối loạn chính vì tên thái thú cũ " mềm " quá, còn chưa hiểu nổi như hắn rằng cái giống " Nam man " (!) cõi lĩnh Ngoại này là phải trị bằng tay, phải đàn áp bằng sắt và máu, phải vơ vét cho thật kiệt quệ. Hắn sang Giao Chỉ không có gì đổi mới trong chính sách mà càng đàn áp khốc liệt hơn và bóc lột tàn nhẫn hơn. Hắn bắt hàng vạn phu để xây thêm thành lũy, lập cung lầu tráng lệ, hắn mộ bọn cướp núi, tướng rừng ở hai quận Điền, Quế sang Giao Chỉ bổ sung cho quân lính đô hộ, hắn vét vàng bạc châu báu của các lạc tướng và huyện lệnh người Việt. Phủ thái thú có nhiều đồ quý chất như núi, tiền của nhu nước. Nô tì của Tô Định có hàng trăm.

Thánh Thiên nhận định rằng thế nào Tô Định cũng cất quân đánh dẹp quân khởi nghĩa, bèn bàn với Nam Thành Vương củng cố lực lượng ở Ký Hợp, còn mình thì về Kinh Môn chiêu mộ nghĩa binh, lập thêm căn cứ và mở rộng hoạt động bên sông Hồng. Thánh Thiên dặn đi dặn lại Nam Thành Vương không được khinh địch và phải đề phòng Tô Định đánh bất ngờ.

Nhưng Thánh Thiên vừa đi khỏi Ký Hợp được ba ngày thì Tô Định thân đem đại quân đến đánh Nam Thành Vương. Gà chưa gáy sáng, quân Tô Định đã ồ ạt tràn vào Ký Hợp. Quân Nam chống lại quyết liệt. Nam Thành Vương bị vây khốn, tử trận ngay trên mình ngựa, tay không rời kiếm. Đào tướng quân tả xung hữu đột, khắp mình thương tích, cướp được xác Nam Thành Vương đặt lên ngựa, đi chân đất múa thanh kích, không cho giặc xâm phạm thi hài chủ tướng. Đào đang trong cơn nguy khốn thì nữ tướng Ngọc Thuyền phóng ngựa tới cùng Quang Thái xông xáo như hai con hổ dữ giữa đàn dê, cuối cùng đưa được thi hài Nam Thành Vương vào một khu rừng hẻo lánh. Chôn cất cho Nam Thành Vương xong, Đào Quang Thái nghiêng răng dậm chân mà rằng : " Ta không bảo vệ được chúa công, quân tan chúa mất, còn sống làm gì nữa ? " bèn rút kiếm ngăn định đâm vào họng mình. Ngọc Thuyền vội đưa tay gạt kiếm mà nói : " Chết thì dễ, nhưng nếu hiền huynh chết, giặc lại càng mừng, hỏi chết như thế có ích lợi gì hay chỉ mang cái tiếng hèn nhát ? Chi bằng ta thu thập tàn quân về Kinh Môn tạ tội với nữ chủ soái, xin lập công chuộc tội, lấy máu giặc mà trả thù cho Nam Thành Vương chẳng hơn ư ! ". Đào Quang Thái nghĩ ra, bèn tạ lỗi với Ngọc Thuyền, rồi hai người tìm đón các nghĩa quân tản lạc, kéo về Ba Trại gặp Lý đầu mục.

* * *

Khu Ba Trại có tên chữ là Ngọc Lâm, nhưng nhân dân ở đây vẫn quen gọi là Ba Trại. Ba Trại thoát đầu nằm gọn trong lòng một vùng đồi hoang rộng, ít người biết tới, còn tên Ngọc Lâm là chỉ chung cả vùng này. Ở rừng Ngọc tuy chưa ai tìm thấy ngọc nhưng của rừng thì quý giá vô vàn. Đây thật là nơi anh hùng dụng võ vì địa thế hiểm trở, đường lối quanh co, nhiều tràn

lầy trên khô dưới thụt. Lau và cỏ dại mọc đầy. Sông Nhật Đức cuộn cuộn đổ về xuôi lượn sát khu Ba Trại.

Lý tướng quân trấn giữ căn cứ quan trọng này là người mưu trí, quen thuộc thung thỗ, được nhân dân địa phương vô cùng quý trọng. Khi tiếp Đào tướng quân và Ngọc Thuyền nữ tướng, Lý tướng quân an ủi hai người, lại khen họ là có công bảo vệ được thi hài chủ soái.

Sau đó, Lý tướng quân dục Đào Quang Thái đi nghỉ vì Đào tướng quân thương tích khắp mình, cơn sốt nổi lên nóng bừng bừng cả người, lại bảo Ngọc Thuyền về ngay Kinh Môn báo tin báo tin dữ cho Thiên Nữ được hay.

Thánh Thiên nhận được tin Ký Hợp thất thủ vội đi suốt ngày đêm về Ngọc Lâm. Các tướng ra đón, mọi người bàn ngay việc bố phòng căn cứ. Tô Định đánh xong Ký Hợp, bắt dân chúng chém giết, không từ đàn bà, trẻ nhỏ. Dân chạy trốn tìm về Ngọc Lâm. Các tướng đều căm giận, ai nấy hăm hở xin với Thiên Nữ cho tiến đánh Tô Định. Thánh Thiên đoán chắc Tô Định sẽ thừa thắng đánh Ngọc Lâm luôn, bèn họp các tướng bàn kế bố phòng đợi giặc.

Quả nhiên, Thánh Thiên vừa họp xong với các tướng được hai ngày thì Tô Định mang quân đến Ngọc Lâm cờ giông trống đánh, khí thế nghênh ngang tự đắc. Quân ta đã chuẩn bị sẵn sàng tiến đánh Tô Định. Ai nấy đều thề trả thù cho Nam Thành Vương và dân chúng Ký Hợp bị giặc tàn sát. Tô Định đắc chí, khinh địch, đóng quân lại nghỉ, đưa thư cho Thánh Thiên dụ đầu hàng, và dọa nếu trái lời thì : " Ngọc đá đều tan, bắt Thiên Nữ dong về hầu hạ ! ". Các tướng được thư đều nổi giận bừng bừng đòi mang quân đánh ngay với Tô Định một trận sống mái.

Thánh Thiên bảo với các tướng : " Giặc coi thường ta, thế là ta sẽ thắng đấy. Lúc này mà xốc nổi là hỏng việc. Nay ta đưa thư ôn tồn xin khất một

hai ngày nhưng chỉ tối nay sẽ đánh ngay vào đại trại bắt sống Tô Định, các tướng nghĩ thế nào ? ". Mọi người đều kính phục Thiên Nữ suy nghĩ sâu xa. Thiên Nữ bèn cho người mang trâu rượu đến cửa quân Tô Định xin hạn trong hai ngày sẽ trả lời. Tô Định càng giương giương đắc chí, cho quân mổ trâu sắp rượu, cùng các bộ hạ say sưa chè chén chờ lúc Thiên Nữ đến hàng. Chẳng ngờ tiệc rượu vừa tàn, quân tướng mê mết, cờ trống trống trảng, chợt tù và rúc vang, trống khua như sấm, quân Nam bốn mặt ập tới, gươm chém giáo đâm không khác thiên thần từ trời rơi xuống, ma vương tự đất chui lên, tung hoành chém giết, bao nhiêu căm giận bấy lâu trút hết vào đầu giáo, lưỡi đao.

Quân của Tô Định vốn là quân thiện chiến của Trường Sa, Quế Dương, đi với Tô Định trận này lại có Mã Giang Long và đội thân binh của hắn, nhưng vì bị đánh bất ngờ trong khi không phòng bị, tướng say quân mệt nên Tô Định không sao giữ được cho quân khỏi đại bại.

Mã Giang Long hò hét đội thân binh liều chết chặn đường cho Tô Định rút chạy. Chợt Mã thấy một tướng dừng ngựa sát ngay bên mình, y tròn mắt nhìn thì ra đó là một người con gái mặc võ phục màu đen, ngực mang yếm tâm kính bằng đồng chạm hình đầu hổ. Nữ tướng mày cong, mắt sếch, lông liệp uy phong, tay vung đôi kiếm. Mã đưa đao chặn kiếm, quát hỏi : " Mày có phải là con hổ dữ Thánh Thiên đó không ? ". Nữ tướng dựng ngược mày ngài nói : " Ta là Ngọc Thuyền đây. Nữ chủ soái ta đâu có để gươm bắn máu hạng mày. Trông đây ! ". Chỉ thấy gươm lóe ánh chớp, bảo đao của Mã Giang Long rơi ngay xuống đất. Mã vội rút kiếm bên sườn nhưng kiếm chưa ra khỏi vỏ, đầu Mã Giang Long đã rụng bên chân ngựa.

Bấy giờ các tướng của Thánh Thiên phấn chấn thần oai chém giết quân giặc thế như chẻ tre, như ngả rạ, dồn địch về bên sông Nhật Đức.

Cuộc hỗn chiến bên sông diễn ra vào lúc trời tờ mờ sáng. Máu giặc loang đỏ mặt sông.

Trận này Tô Định thoát chết. Về được Phủ thái thú, y ốm nằm liệt giường suốt ba tháng.

* * *

Sau trận đại phá quân Tô Định ở Ngọc Lâm, Thánh Thiên lại về Ký Hợp, xây mộ dựng bia cho cậu là Nam Thành Vương Trần Lộ. Thánh Thiên dựng đồn đắp lũy, lại mộ thêm quân, trừ lương thực, xây dựng căn cứ Ký Hợp thành một căn cứ quan trọng. Tiếng tăm Thánh Thiên lừng lẫy cả quận Giao Chỉ. Khắp hai huyện Long Biên, Bắc Đái bọn quan quân đô hộ nghe nhắc tới Thánh Thiên là tái mặt, rụt cổ, nhón nha nhón nhác.

Từ Ký Hợp, Thánh Thiên đem quân đánh phá các đồn trại của địch. Tô Định, sau trận Ngọc Lâm, chỉ co mình ở Phủ thái thú. Suốt từ đó cho tới khi y bị Hai Bà Trưng đánh bại ở Luy Lâu phải chạy về Nam Hải, y không bao giờ cầm quân ra trận nữa. Y giao mọi việc tiểu phạt các đạo quân khởi nghĩa cho Phủ đô úy và các huyện lệnh, huyện úy. Y chỉ phát lệnh và ngày càng vơ vét cho đầy túi tham, càng đắm mình trong các cuộc truy hoan, càng làm đổ máu nhân dân vô tội.

Quan quân đô hộ cũng không còn tên nào dám lần đến Ngọc Lâm và Ký Hợp 1.

Chú thích:

(1) Thánh Thiên không những là một đại công thần khai quốc mà còn là một tướng lĩnh cao cấp đã được Hai Bà Trưng giao phó những trọng trách trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mã Viện. Truyền thuyết dân gian cho biết chính Thánh Thiên đã đánh tan quân Mã Viện ở Hợp Phố và sau đó đã dự trận Lãng Bạc với Hai Bà Trưng. Cũng có truyền thuyết nói Thánh Thiên đã chặn đánh quân Mã Viện ngay ở Quỷ Môn Quan (Lạng Sơn) khiến Mã Viện phải lui lại và tìm đường khác vào Âu Lạc.

Nguyễn Khắc Xương
Nữ tướng thời Trưng Vương
LÊ CHÂN
TƯỚNG QUÂN MIỀN BIỂN

Người con gái ấy tóc đen như mun, lông mày đen nhánh và có nước da hồng như hoa phù dung. Người con gái ấy đậm và chắc. Tên nàng là Lê Chân.

Nước biển xanh màu rêu. Nhưng Lê Chân nghĩ rằng biển đã hoà nước mình với máu con người. Máu những người Âu Lạc đã đổ ra tan trong sóng biển. Đứng giữa những tảng đá lớn như bầy voi quây quần, Lê Chân nhìn không chớp mắt người con trai vừa bị sóng biển đánh dạt vào.

Người ấy chống tay cổ gượng dậy. Lê Chân đỡ lên cho ngồi tựa vào tảng đá, rồi nàng bước lên một mỏm đá cao, khum bàn tay kề miệng và cất tiếng hú.

Hú tới tiếng thứ ba thì có tiếng hú xa đáp lại.

Những người mới đến đều đeo vòng tai bằng đá, cả trai và gái. Họ cởi trần, cầm lao nhọn. Họ đưa người mà biển cả mang đến cho họ đặt vào một hốc đá rộng, lấy củi khô đốt lửa lên, và yên lặng chờ. Từ lúc đến theo tiếng hú của Lê Chân, họ cứ lặng lẽ làm, không ai nói một tiếng.

Người của biển là một anh con trai lực lưỡng, trán có một vết sẹo nằm chéo từ chân tóc bên phải tới đầu lông mày trái. Tay người ấy có dây buộc, loại dây chèo dùng buộc thuyền lớn. Một bên chân hơi teo. Khi người ấy bắt hơi lửa ấm mở mắt ra nhìn xung quanh, cặp mắt đen thăm ngơ ngác, đượm vẻ lo sợ.

Mọi người vất thêm cành khô vào đống lửa, lửa bốc cao, lửa nhảy nhót và

mọi người đều thấy vui. Chàng là một trong số những người bị giặc bắt đi mò ngọc trai, đi đánh cá mực và mò san hô cho chúng. Họ đang làm ở đảo Ngọc, và tám người lừa khi biển động và gió mùa từ Đông Bắc thổi về đã rủ nhau trốn trong đêm qua.

Lê Chân bảo mọi người xung quanh :

- Hãy đưa người của biển về làng của chúng ta. Anh ấy sẽ ở lại và là người của làng !

Làng mới chưa có tên. Từ ngày làng đặt chiếc cột đầu tiên trên nền cát cho tới hôm nhận được người của biển đưa vào vừa tròn ba tháng. Tối hôm đó, làng họp nhận người mới và đặt tên làng. Họ đặt tên làng là An Biên, vì An Biên là tên làng cũ của họ và cũng là của chủ làng bây giờ : Lê Chân.

Làng mới ven biển chỉ là sáu túp lều nhỏ, cột lều mái lều là những thân cây, cành cây còn nguyên vỏ hoặc đẽo sơ sài. Làng nằm dựa rừng, núp vào rừng và đá lớn, và cát trải trắng làng, gió mặn thổi suốt ngày đêm qua làng, sóng biển ì ầm không bao giờ dứt tiếng hát với làng, nói chuyện với làng, ru làng ngủ và đánh thức làng dậy, gọi làng ra với biển.

Biết bao nhiêu công việc của một làng mới, và việc quan trọng nhất là làm ra lương ăn. Nơi đây chỉ có cát và sóng biển, có đá và cây rừng. Núi đá phủ cây từng mảng chạy ra biển như muốn chặn đứng biển lại. Biển tung sóng mạnh vào đá, thách thức.

Người con trai được Lê Chân cứu tên là Vạn. Vạn thuộc các mùa cá biển, các loài cá biển, thuộc các gỗ rừng, cây rừng ở quê cũ Đông Triều núi cao, rừng già. Lê Chân giao cho Vạn hướng dẫn mọi người đóng thuyền đóng mảng ra lộing ra khơi, may buồm và dệt lưới. Lê Chân nói với mọi người :
" Biển cả sẽ nuôi chúng ta như mẹ hiền nuôi các con mình ".

Mười tám người dân làng mới toàn người trẻ tuổi nói với Lê Chân :

- Làng ta ít người quá ! Ít người thì không làm gì nổi. Làng ta không có người già. Không có người già là không có người dạy dỗ nên khôn.

Lê Chân nói :

- Các người nói đúng. Chúng ta hãy về quê cũ rủ về đây họ hàng và những người khổ cực. Chúng ta hãy tìm đón những người của biển đưa đến và tiếp đón tất cả những trốn tránh, lang thang.

Ngày tháng qua, những túp lều mới mọc lên. Ban đêm có tiếng chó sủa, sớm mai có tiếng gà gáy. Buổi chiều, trẻ con ríu rít đi đón lưới. Quanh làng trồng khoai, trên núi trồng lúa. Tết năm ấy, Lê Chân nói với mọi người : " Chúng ta ăn ba cái tết ở đây rồi. Làng ta đã ba tuổi. Năm đầu, tết không có bánh tét và thịt lợn. Bây giờ chúng ta có cả ". Mọi người đều vui và một cụ già nhất làng nói : " Nàng chủ đã dựng lên làng này từ năm nàng 19 tuổi. Nàng là người vất vả nhất trong chúng ta, người lo nghĩ nhất làng, người con gái tài giỏi của rừng và biển. Sớm mai làng hãy ra khơi đánh mẻ cá đầu năm mừng tuổi chủ làng và lấy may cho cả làng ".

Mười chín chiếc buồm in hình đen thẫm trên nền trời xanh. Chân trời đông hửng dần màu đỏ lửa và da cam. Mặt biển chuyển dần từ đen sang xanh lam như màu da trời. Trời biển một màu xanh thẫm. Đoàn thuyền cười sóng ra khơi.

*

* *

Cụ già nhất làng đã nói đúng. Lê Chân là người vất vả và lo nghĩ nhất làng, nhưng Lê Chân còn là người kiên nghị nhất. Khi 18 người trai gái theo nàng tới đây, họ chỉ thấy cát trắng và sóng biển. Cát và sóng biển thờ ơ với

họ, và hình như còn đe dọa họ. Sống ở nơi đây ? Bằng cách nào ?

Một vụ đói đã qua và thiếu đói kéo dài. Không có lúa, không có thịt và muối. Cát và núi đá không cho họ gạo. Biển cả bao nhiêu cá và của chìm nhưng nó đòi trả bằng máu con người.

Những lúc khó khăn, Lê Chân ngồi bên bờ sóng và nghĩ. Nàng thấy những con dã tràng xe cát ngày đêm không mỏi. Những con vật tí ti da màu cát ấy không sợ sóng biển hung dữ cứ xóa đi xóa mãi những công trình của chúng. Những con vật tí ti ấy không chịu thua biển cả. Và hóa ra chính là biển cả đã nhọc công mất sức vì không thắng nổi chúng, những con dã tràng bé tí tẹo.

Biển động, nuốt bớt số dân ít ỏi của làng mới. Mùa lúa nương đầu tiên không thu hoạch nhiều được vì không có thức gì ăn. Bão biển kéo đổ những túp lều mảnh dẻ và xóa đi màu xanh của khoai và bí mới trồng.

Những người ở làng mới nhớ quê cũ làng xưa, nhớ mùi rơm thàng chín, mùi cỏ thàng giêng, nhớ làn khói trên những mái tranh và những cánh cò trắng liệng nắng lóa sáng.

Thế nhưng họ vẫn theo Lê Chân. Người con gái chủ làng nói với họ về những con dã tràng bé tí tẹo và nói lên những món nợ máu phải tính toán với quân đô hộ ngoại tộc. Họ theo Lê Chân và sẽ theo nàng tới cùng trời cuối đất bởi vì họ không thể sống chung một bầu trời với kẻ thù.

Và những người cũ ở làng mới kể với những người mới đến về người con gái là chủ làng.

◆ Nàng đẹp và khỏe. Mùa xuân, con trai các nơi tìm đến hát với nàng và nàng thì chẳng hát với trai nào. Nàng chỉ hát một mình và hát với các bạn gái của nàng. Khi sáu người con trai không nhắc nổi đòn khiêng một cây

thủy tùng, nàng ghé mình vào và cây gỗ nhẹ đi trên vai những người trai lực lưỡng. Có ai cấy nhanh hơn nàng ? Và có ai gói bánh chưng ngày tết khéo hơn nàng ? Bánh tết nàng gói tròn như ống mai ống vầu, đường sống lá chạy thẳng tắp chia đôi chiếc bánh. Nàng ngủ khi con cọp bắt đầu lần rừng và nàng thức trước khi con gà chuồng gọi mặt trời dậy.

Hãy nhìn nàng đi săn. Chiếc áo màu lá rừng bó sát người và chiếc váy ngắn gọn sóng trên đầu gối, tay nàng cầm lao và lưng đeo lao. Khi tiếng tù và rúc lên, nàng dẫn đầu đoàn người săn, bước chân thoăn thoắt. Theo hiệu lệnh của nàng, những chiếc lưới mở ra, và con thú hồng hộc chạy, con lợn rừng nhanh sắc như mác xông thẳng vào nàng. Nàng chạy xuống mé chân rừng và ngoắt mình lại phóng một mũi lao. Lưới khép lại. Đây, nàng là người đã dử con thú vào lưới và phóng mũi lao đầu tiên đánh ngã thú. Mọi người nhảy và hát quanh con vật bị thương. Con lợn rừng có đôi nhanh sắc như hai lưới kiếm nằm chềnh ềnh như một quả gò.

Các tên quan đô hộ trong địa hạt đều biết tiếng nàng và lui tới nhà nàng. Nhưng chúng biết bắt cọp dễ hơn bắt nàng. Và chúng " tâu " với Tô Định về Lê Chân, người con gái đẹp nhất Đông Triều, tóc đen như mun, mày đen như cánh nhạn và nước da hồng như hoa phù dung.

Khi viên thừa sai Phủ thái thú đến đưa lễ vật và nói với ông Lê Thái Bảo xin nàng về " hầu hạ " quan thái thú, ôn đã khéo léo lựa lời từ chối. Ba tháng sau Lê Thái Bảo bị bắt và bị giết. Lê Chân trốn được. Nàng tới mồ mẹ khóc lóc khẩn xin mẹ phù hộ trả được thù nhà và cùng những người thân tín ra đi...

Đoàn thuyền ra khơi đầu năm đã trở về. Biển trao lễ vật cho đoàn thuyền đem về đưa nàng, người con gái kiên cường, người chủ làng anh hùng đang mài giáo cho sắc.

*

* *

Nhà ở đây mái chằm gần sát đất, cửa ra vào ở đầu chái nhà. Cả làng chung một giếng. Lưới dăng quanh làng. Ban ngày làng quạnh vắng, chỉ chiều mới đem lại tiếng ồn ào, tiếng người và ngọn lửa ấm cúng. Nhưng làng mỗi ngày một đông vui hơn và bây giờ là năm thôn năm giếng nước ngọt. Nhà chủ làng ở thôn Giữa, bốn thôn Đông, Nam, Đoài, Bắc vây xung quanh. Thôn Bắc có lò rèn, thôn Nam vá lưới. Nhà chủ làng có treo đôi mồi trên vách và trống da trâu bên cửa. Làng có một ngôi đình nhỏ mái tranh thờ chung cả Sơn thần và Ông cá voi. Tháng giêng làng mở hội có đấu vật, trai gái kéo dè (kéo co), tung quả còn qua vòng tre. Giết trâu tế thần, chủ làng tung búa cho trai làng cướp đánh đầu trâu, mổ trâu lấy da làm nồi nấu thịt.

Chủ làng lo mọi việc, lo mở rộng làng, lo cho làng thêm người thêm của. Cái lo nhất lúc này là lo đối phó với kẻ thống trị dị tộc.

Lẽ nào từ nay trai làng lại phải lui tới ở năm ở tháng trên các hòn đảo xa vắng để mò ngọc trai, săn cá biển và tìm san hô, sò huyết nộp cho kẻ thù ?

Lẽ nào từ nay dân làng phải leo lên những vách đá cheo leo heo hút chìa ra biển để bắt những ỗ yến về cho giặc tiệt yến phè phỡn với nhau trên xương máu của dân mình ?

Lẽ nào từ nay lại phải nộp lúa nộp mình cho giặc ? Và những ai sẽ từ bỏ An Biên đi theo đoàn cống phẩm vượt nơi " phân mao cỏ rễ " về tới Tràng An ?

Bọn chúng sẽ lại mò tới An Biên, nhâng nháo, hạch sách, nạt nộ tìm cách vét của hiệp người !

Con trăng mùa xuân treo cao trên bầu trời yên tĩnh gọi nước triều lên. Triều dâng ào ào cuộn sóng xô bờ. Đêm rộng vang tiếng biển. Tiếng biển cả đầy

ngập không gian❖

Lòng Lê Chân lúc này còn xao động hơn biển lớn.

*

* *

Lê Chân vừa là người chủ làng vừa là người thủ lĩnh. Khi nàng mới lần đầu đặt chân tới đây, nàng chỉ gặp biển lớn và cát trắng. Ngày nay An Biên đã có lúa có khoai, có trâu có lợn, có bãi xú, có thuyền đi khơi, có mảng đi lộng.

Nhưng nàng đến nơi đây không phải là để trốn kẻ thù mà là để đánh chúng.

Đánh bằng cách nào ?

Đã năm nay, từ khi lễ mờ mịt và khấn vong bố ra đi, nàng vẫn nghĩ tới điều đó. Trả thù cho mình và cho nhân dân bằng cách nào ?

Câu hỏi nóng bỏng đó lúc này như ngọn lửa cháy đỏ trong đầu óc những người trách nhiệm ở An Biên.

Sau khi bàn đi tính lại, mọi người đồng lòng cử cụ Hạp, cụ già 70 tuổi có đôi lông mày trắng như bông và nước da đỏ như đất nung làm chủ làng thay Lê Chân để giao dịch với các quan chức của giặc. Lê Chân là con gái, gặp bọn kẻ cướp hiếu sắc tham lợi hàng ngày, rõ ràng là không tiện.

Cụ già Hạp chỉ là người đứng ra giao dịch với giặc, còn mọi việc quyết định vẫn do Lê Chân.

Và một đội nghĩa dũng quân ra đời do Lê Chân đứng đầu với một chức mà dân tự đặt ra để phong cho Lê Chân : Đô lĩnh ! Cái chức ấy không thấy có

trong hệ thống các võ chức hiện hành. Trong công việc hàng ngày, mọi người vẫn gọi Lê Chân là chủ làng hay chủ tướng.

Nghĩa dũng quân của An Biên ra đời chỉ có 31 người trong đó có 8 cô gái khỏe mạnh được chọn làm nữ vệ quân. Em gái họ Lê Chân là Lê Ngà, con ông chú cũng ở trong số này. Còn những nghĩa quân nam đều là những người được tuyển lựa kỹ càng, vừa gan dạ, vừa khỏe mạnh.

Bây giờ Lê Chân phải lo cho nghĩa quân tập dượt, lại lo gạo cho dân làng ăn lâu dài. Nghĩa quân vẫn đi biển, vẫn cắt củ nhưng tối tối lại cùng nhau tập vật, tập đao, tập múa khiên, tập đánh gậy. Họ tập rất hăng, rất say, và họ dạy lẫn nhau, ai biết thế nào dạy thế ấy.

Lê Chân lo nhất là khoản gạo. Đánh giặc lâu dài phải có gạo. Làng biển không có gạo, vẫn lấy cá đổi gạo. Lại còn phải tìm một chỗ nào cho nghĩa quân ẩn náu, bởi không thể đem cái làng biển An Biên nhỏ bé và trống trải này ra để chọi nhau với giặc.

Còn dân làng ? Dân chỉ thấy sung sướng khi đội nghĩa quân của mình ra đời. Đêm nào dân cũng đến xem " quân mình " tập, dân hỏi lòng hỏi dạ nhìn " quân mình " khoẻ biết bao, nhanh nhẹn biết bao, và mọi người trầm trồ khen anh này lặn khiên khéo, anh kia có đường gậy mới kín làm sao ! Lê Chân sợ việc lộ, bèn ra lệnh cho dân không được xem " quân mình " luyện tập nữa, và nói rõ cho mọi người biết phải kín đáo như thế nào, phải cẩn thận như thế nào mới có thể chống chọi được với kẻ thù hung ác và xảo quyệt.

Làng biển lúc này vừa phải chống đỡ với những yêu sách những nhiễu của giặc, vừa lo tìm cách đánh giặc và phòng giặc đánh.

Chính Lê Chân, người chủ làng gái 22 tuổi phải gánh những mối lo nặng nề đó.

Và cả làng cùng lo với Lê Chân.

*

* *

Gió biển gầm suốt đêm. Gió mặn cuồng loạn chạy bốc cát cuộn mù trời và cát đập rào rào vào những túp lều mái úp sát đất. Gió thổi ù ù như có hàng ngàn chiếc cối xay đang cùng quay tít. Gió thổi thốc thổi quét, gió lồng lên, gió hồng hộc chạy, rít lên, xoáy tít rồi quật mạnh.

Và biển cả cũng giận dữ nổi sóng, sóng vỗ tung trời.

Không gian chuyển động trời đất rung lên.

Rồi bình minh đến trên những xe mây hồng phớt, da cam và đỏ lửa. Nào ai nhớ đích xác tiếng gầm dữ tợn của gió mặn và biển cả tắt tự lúc nào ? Có lẽ tất cả cảnh tàn phá và nỗi hoảng sợ đêm qua chỉ là một giấc mơ ? Trời đất trong, biển rất xanh, và đàn hải âu lại tung những chiếc cánh trắng đùa với sóng biển.

Nhưng đâu có phải là cơn ác mộng ! Kìa làng biển đổ sập, úp sụp, chìm ngập trong gió bão, làng biển năm kia, tươi tắn

Bình minh đã ngạc nhiên biết bao khi ánh sáng trong trẻo hiền hậu của mình gặp những mái nhà bị quăng xa, bị xé ra, những con người ướt át, lấm láp, bơ phờ, mắt trĩu lo âu, mắt tối xăm giận dữ.

Lê Chân tóc chảy xoa trên lưng, ướt bết vào lưng, Lê Chân người chủ làng kiên cường ấy lúc này đứng giữa đổ vỡ, lòng không khỏi bàng hoàng.

Họ lại dựng làng. Và những con dã tràng màu cát, bé tí ti cũng lại lẳng

xãng vê cát làm những căn nhà tí tẹo của chúng.

Con người không chịu thua thiên nhiên. Họ không chịu như những con dã tràng cứ để cho thiên nhiên phá mãi những công trình của mình. Họ học tập tính kiên nhẫn lạ lùng của dã tràng và khác hẳn với dã tràng là họ quyết làm cho những công trình của họ có thể chống được với tàn phá của thiên nhiên.

Làng mới lại cười với nắng biển gió biển, làng mới lại ấm tiếng người, hơi người. Làng trồng rất nhiều cây ngăn gió. Làng làm nhà chạy dọc với chiều ngang bờ biển để bớt sức gió phá. Mỗi nhà có một cái hồ nhỏ, và các vò, chóc đựng lúa, đồ được đặt xuống đó.

Đội nghĩa quân lại ra đi, đi để đón giặc bằng những mũi giáo của căm thù.

*

* *

Nghĩa quân tìm giặc mà đánh. Sức còn mỏng, nghĩa quân không thể đánh thành lũy và đồn trại kẻ thù. Nghĩa quân đón những con đường giặc đi, đón những đoàn chuyên lương chuyên thuế, những đoàn cống phẩm, những đoàn giải tù, giải phu mà đánh.

Giặc tiến qua một khu rừng trúc. Đi đầu là một toán lính đô hộ cầm giáo dài, mang cung tên. Xe vận tải đi, theo sau chở toàn lúa mới, chúng chuyển về huyện thành. Một tên hộ tướng cười trên mình ngựa tay cầm đại đao đi quăng giữa và rồi lại xe, lại lính.

Chúng tiến sâu vào rừng trúc, mệt mỏi, vội vã. Chúng thúc giục và quát roi vào mình những người phu đẩy xe. Tên tướng cười ngựa mắt gườm gườm nhìn quanh. Chúng không sợ hãi gì. Rừng này không có thú dữ và vùng này vẫn là vùng an toàn. Dân đói kéo nhau đi ăn cướp thì không dám đại dột

xông vào đoàn quân lương của huyện ; vả lại những toán cướp đường như thế ở vùng này cũng chưa có bao giờ.

Nhưng bỗng tiếng hét tiếng hò reo cất lên vang dậy, tù và rúc inh ỏi và những người mai phục từ mặt đất bốc lên, lao tới vung giáo mác, lia đao xông thẳng vào đoàn lính áp lương. Chỉ chốc lát, tên tướng đô hộ đã nằm lăn trên mặt đất. Bọn lính còn sống sót chạy thực mạng.

Ba chục xe lúa mới về với nghĩa quân cùng hơn trăm người phu áp tải.

Đó là trận đầu, chiến công đầu của làng biển, chiến công đã làm nức lòng những con người nung nấu căm thù bao lâu nín nhịn. Chiến công ấy có lẽ chỉ là một chiến công nhỏ nhưng nó đã mở đầu một cuộc vùng dậy của những người bị áp bức, cuộc vùng dậy đầy sức mạnh căm thù của những người dân Âu Lạc miền duyên hải quật cường.

Từ làng này sang làng khác, từ những làng ven biển vào tới những động và trại trong núi, người ta kể với nhau những chuyện thần kỳ về Lê Chân, người con gái anh hùng và về đoàn quân dũng mãnh của người con gái đó. Trận này tiến trận khác, đoàn quân Lê Chân ngày càng dày dặn trong chiến đấu, ngày càng lớn mạnh và giống như biển cả không bao giờ lặng sóng, đoàn nghĩa quân không bao giờ nghỉ bước chân chiến đấu của mình.

Giặc khiếp hãi Lê Chân. Chúng đặt cho Lê Chân một cái tên : " Con cá kình biển Đông ". Cá kình tung sóng quấy mình, nên đô hộ của giặc miền duyên hải rung rinh chao đảo và như ngụp chìm dưới những làn sóng mạnh.

Dưới ngọn cờ Lê Chân, nhân dân miền biển vùng dậy.

Lê Chân bây giờ không còn những nét non nớt trên gương mặt trẻ trung. Da nàng đã đen sạm vì gió biển, nắng biển. Gương mặt nàng gầy đi và nghiêm nghị trầm tư qua bao cuộc chiến đấu gian khổ.

Nghĩa quân đi nơi này nơi khác, đi đến những làng ven biển và những trại trong rừng. Đã nhiều lần, nghĩa quân bị giặc vây lùng ráo riết, phải đào củ dèm củ rạng để ăn. Làng An Biên bị giặc vây quét, lùng sục, bắt bớ, phá phách. Nhưng biển cả có bao giờ lặng sóng ?

Nhiều chúa động và chủ làng tìm đến xin quy phụ Lê Chân. Vạn và Ngà trở nên những phó tướng được sĩ tốt yêu kính. Lê Chân đã tổ chức được quân doanh chia làm năm đạo : tiền, hậu, tả, hữu và trung quân. Thực ra thì chưa bao giờ cả năm đạo cùng được họp mặt, mà chỉ có các vị đốc lĩnh các quân là được gặp nhau.

Mùa xuân năm ấy, Lê Chân chỉ huy các quân vây đánh thành châu Bản Lập, chém giết và bắt hơn một nghìn quân tướng đô hộ. Nghĩa quân chiếm giữ thành trì.

Những người con của làng biển An Biên, những người lính chiến đầu tiên của nghĩa quân vùng biển Đông xúc động đến chảy nước mắt khi thấy nữ soái của mình đứng trên tướng đài, tươi cười nhìn cả năm quân chinh tề trong ngày đại lễ.

Những người con của làng biển An Biên thấy nữ chủ tướng cười, với những giọt nước mắt long lanh trên gò má. Họ biết rằng cũng như họ, nữ chủ tướng Lê Chân đang nghĩ đến cái làng nhỏ bé với sáu mái lều con ven biển, nghĩ đến đội nghĩa quân đầu tiên 31 người thiếu áo mặc, thiếu lương ăn, nghĩ đến những ngày đào củ trong rừng, những đêm biển gầm phá tan những chiếc mảng của những người con tìm sống trên biển cả.

Và họ còn biết rằng cũng như họ, lúc này nữ chủ tướng nghĩ đến những người lính chiến đã ngã xuống, máu thịt gửi đất chiến trường chẳng bao giờ còn trở về được để dự lễ mừng công.

Những người đã đổ máu đào vì đất nước ấy sẽ cùng họ theo Lê Chân bước vào những trận đánh mới cho tới khi nước Âu lạc trở về với người Âu Lạc (1).

Chú thích:

(1) Nhân dân thời xưa đã dựng đền Nghè ở An Biên (Hải Phòng) để mãi mãi tưởng nhớ Lê Chân, người phụ nữ anh hùng.

Nguyễn Khắc Xương
Nữ tướng thời Trưng Vương
BÁT NẠN
ĐẠI TƯỚNG

Trang Phượng Lâu là nơi gò rậm đầm sâu nằm bên sông Lô thuộc cố đô Văn Lang cũ. Thời Tô Định nhà Đông Hán làm thái thú quận Giao Chỉ, Phượng Lâu trang thuộc châu Bạch Hạc.

Phượng Lâu có nhiều đầm hồ, khe suối quanh co trong một vùng cỏ cây rậm rạp, đôi nọ tiếp gò kia, nhà dựng trên đồi, đá xếp thành bậc. Nhà nào cũng có dăm bảy ống nước dựng đầu nhà. Dân trồng lúa tẻ lúa nếp ở các tràn ruộng lầy, và bắt cua kiếm cá, bẫy thú, đào củ mà sinh sống. Con trai con gái lớn lên, mùa xuân rủ nhau hát đối từng đôi một, ưng ý nhau thì con gái đưa con trai về nhà mình mời trầu cau và hát ở nhà.

Vũ Công Chất là hào trưởng ở Phượng Lâu, được giao quyền trông coi mười hai trang trong hạt, đầu nhà treo chiếc trống lớn mặt da trâu, tang gỗ mít, mỗi khi có việc, gõ trống một hồi là dân làng đến cùng làm. Nhà có người hầu trai, người hầu gái, có chó để săn và giữ nhà, có ngựa để cưỡi. Hào trưởng họ Vũ lấy Hoàng Thị Mâu người cùng trang thương yêu nhau đằm thắm, hợp ý đẹp lòng, ăn ở với nhau rất hoà thuận. Vũ công biết nghề thuốc, thường đi xa nhà hàng tháng tìm kiếm lá thơm rễ quý ở các vùng, dạo gót khắp 36 châu hái thuốc và chữa bệnh. Mọi việc nhà cửa cũng như việc các trang vẫn giao phó cho vợ lo liệu. Vũ công thường đến làm thuốc ở Mãn Châu. Một hôm đi hái thuốc, Vũ công gặp một toà cổ miếu tường đỏ mái xiêu, nôi hương lạnh ngắt, rêu như xanh thềm. Vũ công đang tần ngần với cảnh, chợt thấy có một lão ông quắc thước gánh hai bó củi đi tới, mới vái chào lão ông và hỏi chuyện về toà cổ miếu. Lão ông đặt gánh củi cùng ngồi nói chuyện, nhờ thế họ Vũ được biết đây chính là miếu thờ Sơn Tinh công chúa húy Ngọc Hoa là vợ Sơn thánh Tản Viên. Miếu này xưa kia vẫn được tiếng là linh thiêng, nhưng trải qua nhiều phen biến loạn, dân cư phiêu

bạt nên miếu vũ cũng hoang tàn. Vũ công than thở hồi lâu rồi nhờ lão ông đưa đến gặp người trưởng và các cụ trong dân, ngỏ ý muốn được cùng làng trùng tu lại ngôi miếu. Mọi người nghe nói đều mừng. Bấy giờ Vũ công bỏ tiền, cùng với người trưởng trang xây dựng lại toà miếu, lại tạc một pho tượng Sơn Tinh công chúa để thờ.

Gió thu thổi vàng cả cây lá, rồi đông tới với những làn gió lạnh dồn về. Vũ công từ biệt Mãn Châu trở lại bản hương, dân làng vui mừng đến thăm hỏi, cũng có người đến để nhờ chữa bệnh. Bà Hoàng Thị Mầu cũng mừng vì thấy chồng vẫn khỏe mạnh, lại tìm kiếm được nhiều thuốc quý để cứu chữa cho những người bệnh tật ốm đau.

Một đêm, Vũ công nói chuyện với vợ về việc sửa miếu tô tượng thờ Sơn Tinh công chúa ở Mãn Châu, vợ vui lòng nói rằng : " Công chúa tên húy là Ngọc Hoa, là con gái đức Hùng Duệ Vương, lại là vợ của Tản Viên Sơn thánh thần núi Ba Vì, tài cao phép lạ, có công lớn giúp nước yên dân. Nay ta trùng tu miếu của công chúa cũng là để bày tỏ tấm lòng kính nhớ tổ tiên vậy. Vũ công gật đầu cho là phải, vì tấm lòng Vũ công vẫn luôn nhớ tới các vua Hùng và căm giận quân giặc Hán cướp nước.

Hai vợ chồng đang nhỏ to trò chuyện, chợt nghe có tiếng gọi ở cổng rằng : " Xin mời Vũ công ra bến sông mà đón bè gỗ ". Ông bà nghe gọi còn đang ngỡ ngàng thì lại nghe có tiếng nói sang sảng đưa đến : " Vợ chồng Vũ công chớ hồ nghi, ta là bộ hạ Sơn Tinh công chúa được lệnh đem đến cho người một bè gỗ quý và một người con gái tài sắc hơn đời, người mau ra mà tiếp nhận ! ". Vũ công bèn bảo gia nhân đốt đèn đuốc, cùng nhau ra bến sông, quả nhiên có bè gỗ nằm bên bờ, mỗi cây gỗ đều lớn tày ôm. Khi hai vợ chồng trở về đang ngồi nói chuyện, chưa hết lạ lùng, lại có tiếng người con gái thỏ thẻ nói rằng : " Mẹ ơi, mở cửa cho con vào với ! ". Vừa lúc ấy, vụt có bóng một người con gái mặc áo màu hoa sen bước vào nhà, nhào vào lòng bà Hoàng Thị Mầu rồi biến mất.

Sau đó bà Hoàng Thị Mậu mang thai, đủ chín tháng mười ngày sinh được một gái trắng trẻo xinh xắn. Không những hai vợ chồng Vũ công mừng rỡ mà dân các trang bản xung quanh vùng đều đến chia mừng. Vũ công đặt tên con là Thục.

Thục nương càng lớn càng tươi đẹp, da như vỏ trứng, má hồng môi thắm, mắt sáng mày cong, dáng người mềm mại như cây liễu mùa xuân. Tới năm mười sáu tuổi, Thục nương nhan sắc như bông phù dung buổi sớm, sách đọc chỉ một lượt là thuộc, kiếm múa như gió thổi hoa bay, mỗi khi ra ngoài ai nấy đều tôn sùng là " nữ tiên hạ thế ".

Thục nương thường ưa thích ngồi thuyền dạo chơi trên sông Lô, có khi mở lưới quăng chài cùng các bạn gái, có khi vừa chèo vừa hát, tiếng hát ngân nga trên mặt sông. Một dải sông dài trong xanh, những cánh buồm phồng gió xuôi dòng như đàn bướm trắng khổng lồ đùa nắng. Đôi ba bè gỗ từ thượng nguồn về trôi lờ lờ chậm chạp, một con cò trắng đuổi thẳng chân lượn theo rồi lại vỗ cánh bay về phía lũy tre làng. Trên doi cát bạc, mấy chú bồ nông đứng im lặng nghiêm trang dường như nghĩ ngợi điều gì. Đôi bờ xanh ngắt vang tiếng gà gáy chó sủa, những làn khói thổi cơm chiều bay lên rồi loãng dần và tan vào màu xanh của bầu trời mát dịu. Vào mùa cá, trai gái vừa buông lưới vừa hát đối với nhau. Mùa thu trăng tỏ, trai gái ngồi dưới bờ tre cùng hát. Thục nương rất ưa thích hát đối và mỗi khi nàng cất giọng, mọi người đều ngơ ngẩn lắng nghe. Nàng nhanh trí nên trong cuộc hát đối, càng chàng trai vẫn phải chịu thua không tìm được lời hát lại.

Thục nương cũng thích đua trái trên sông. Tay chèo mạnh, mái chèo đập nước, Thục nương lại hò một câu hò ngắn và các bạn nàng lại cất tiếng " huê " vang để giữ nhịp tay chèo :

Thuyền ta - " huê " !

Rẽ sóng - " huê " !

Cò trắng - " huê " !

Bay vòng - " huê " !

Dòng sông - " huê " !

Xanh ngắt - " huê " !

Ta bắt - " huê " !

Con trôi - " huê " !

Ta lôi - " huê " !

Con chếp - " huê " !

Tiếng hò mỗi lúc một gấp, những chiếc thuyền gỗ dài mình, nhọn mũi vùn vụt trôi. Các bạn trai chẳng chịu thua con gái, cố sức cho trái vượt, không kịp nghĩ các câu hò, chỉ hò gấp một điệu : " ơi khoan - huê ! "... Mỗi tiếng hò là người lại ngả về sau, mỗi nhịp " huê " là người lại cuối rạp về phía trước, mái chèo đẩy sóng bọt nước bay tung.

Một ngày, Thục nương cùng các bạn gái đập trám trên một gò cao, các cô nhặt những quả trám đen bỏ vào những chiếc giỏ tre nho nhỏ. Vũ công đi thăm người bệnh về nhân thể tạt qua rủ con cùng trở lại nhà. Chợt mọi người cùng nhìn thấy ở đường nhỏ bên kia đầm nước có một người con gái trạc tuổi Thục nương, gương mặt tròn trặn bầu bĩnh, mặc áo lụa xanh, yếm tơ vàng, cười con ngựa đen nhánh, bồm bay như mây tủa. Những người đi theo nàng đều cầm giáo vác lưới, khiêng một con nai lớn, đàn chó hung hãn nhảy nhót theo chân. Người con gái ấy nét mặt nghiêm trang mà tươi tắn,

thoạt nhìn thấy nàng, Thục nương đã đem lòng yêu mến, bèn hỏi cha : " Nàng đó là ai ? ". Vũ công nói : " Đó là Nàng Nội, con gái yêu của quan chủ trưởng châu ta đây ". Thục nương nói : " Người con gái ấy quả là xinh đẹp, nhưng không biết có tài cán gì không ? ". Vũ công nghiêm mặt mà rằng : " Con nói những lời kiêu ngạo, không xứng đáng với nền nếp nhà ta. Và lại Nàng Nội là gái anh hùng, tài đức ấy con sao sánh kịp. Nàng là con gái quan trưởng châu ta đây. Ngài là người uy vũ hơn đời, ân đức trùm khắp, thương dân như con, lại dòng dõi lạc tướng. Nếu nàng đến nhà ta, cha sẽ phải mở rộng cửa giữa đón tiếp, còn con thì chỉ được tâng trầu mời nước mà thôi ". Thục nương biết mình lỡ lời, mặt đỏ bừng, không dám nói nữa.

Vũ công thương yêu con gái rất mực, nhưng ông không nuông chiều thả lỏng mà luôn nhắc nhở con phải biết khiêm tốn thành thực, giữ gìn phẩm giá, kính người già, đờ người yếu. Thục nương được sự dạy dỗ của cha mẹ nên được mọi người quý trọng vì nết cũng như yêu mến vì tài.

Một hôm, có ba chiếc thuyền cập bến Phụng Lâu, người dưới thuyền lên bờ, con trai đều chít khăn đầu rìu màu đỏ, thắt lưng đỏ, con gái đều mặc áo màu yếm lụa, các cụ chống gậy, ve vẩy chiếc quạt cọ. Đoàn người hỏi thăm đường về trang trại Vũ công. Có hai người đội hai mâm trầu cau đi trước, hai người khiêng rượu theo sau. Vũ công đón tiếp vui vẻ, lòng có ý mừng, vì đó là Phạm Danh Hương đã cùng gia đình đem cơm trầu đến cầu hôn Thục nương. Phạm Danh Hương là con vị hào mục cai quản mười ba trang trại ở Nam Chân, bên kia sông, chính quê ở Liệt Trang, Vũ công đã qua đó làm thuốc nên có quen vị hào mục và biết Phạm Danh Hương. Phạm Lang năm ấy tuổi ngoài hai mươi, hình dung tuấn tú, văn võ tinh thông, nghe tiếng Thục nương là khách anh tài, hiền hòa đức độ nên đến đặt trầu cau dạm hỏi. Khách ở lại ba ngày, chủ khách tâm đầu ý hợp. Thục nương tâng trầu cánh phượng ra tiếp, thấy Phạm Lang mày xanh mắt sáng, nói năng từ tốn, cử chỉ khiêm cung nên cũng vui lòng ngỏ lời kết ước. Hát đúm ba đêm, con gái cất lời hát trước, ném chiếc khăn tay bọc trầu cau và một đồng tiền cho con trai. Con trai bắt lấy quả đúm hát đối lại và ném trả quả đúm cho

người con gái. Theo lệ, trai gái đính hôn phải hát với nhau, người con trai giữ lấy quả đúm, mở ra ăn miếng trầu và trao lại cho người con gái miếng trầu khác. Nếu người con gái cũng ăn trầu là coi như việc hôn nhân đã đính. Từ ngày ấy, Thục nương bắt đầu dệt vải, may chăn thêu áo, chờ mùa thu sang năm qua sông về làm vợ Phạm Lang. Có hào mục họ Trần cũng lại cầu hôn với Thục nương. Hào mục họ Trần năm ấy tuổi đã bốn mươi, nhà giàu nổi tiếng ở châu Bạch Hạc, trong nhà có ngà voi, sừng tê, lông công, lông trĩ treo kín vách, quế thơm chất đầy hòm, trầu thả hàng đàn, thóc chất hàng vựa. Trần cậy mình có của nên đến hỏi Thục nương, mặc dầu biết Thục nương đã hứa hôn rồi.

Vũ công lựa lời từ chối, họ Trần mang lòng oán giận, lấy việc bị từ hôn làm điều sỉ nhục, ngày đêm nghĩ cách trả hờn. Họ Trần bèn kết thân với bọn quan Hán, rồi xin được gặp Tô Định, hết lời ca tụng sắc đẹp Thục nương. Tô Định nghe lời họ Trần, tâm thần mê mẩn, muốn được giáp mặt Thục nương để xem hư thực thế nào. Một hôm Tô Định cùng một bọn quan quân giả làm khách buôn ghé thuyền vào bến Phụng Lâu, xin yết kiến Vũ công. Vũ công đón tiếp tử tế. Thục nương mời trầu nước rồi lui gót. Tô Định mới được gặp Thục nương trong chốc lát mà đã mê mẩn tâm thần, bèn nói với bọn quan hầu rằng : " Người con gái này nếu không phải là Hằng Nga nơi cung Quảng thì cũng là tiên nữ chốn Bồng Lai, ta quyết phải đón nàng về Phủ, cùng nàng vui thú như Ngô vương với Tây Thi mới thỏa tấm lòng ! ". Ở Phụng Lâu hai ngày, Tô Định cáo từ ra về, lập tức ra lệnh triệu Vũ công tới Phủ thái thú. Vũ công nhận lệnh không rõ có việc gì mà Phủ thái thú lại gọi đến mình, nhưng cũng phải thu xếp theo viên sứ lên đường ngay. Tới nơi Tô Định mở tiệc đón mừng, tôn Vũ công ngồi ghế trên. Vũ công nhận ra Tô Định chính là khách buôn người Hán vừa ghé nhà mình, lòng càng lo ngại, từ chối không dám ngồi trên. Tô Định lại cho Vũ công ngồi ngang mình rồi trong tiệc rượu ngỏ ý xin Thục nương để lập làm phu nhân. Vũ công giật mình đặt chén mà rằng : " Thục nữ xấu xí đã nhận lời kết hôn với con vị hào mục ở Nam Chân rồi ". Tô Định đưa lời ép buộc, Vũ công một mực chối từ. Tô Định nổi trận lôi đình, truyền đánh

chết Vũ công, lại cho lệnh triệu ngay cha con hào mục Nam Chân về hầu. Khi Phạm Danh Hương và cha vừa tới nơi, Tô Định thét quân dưới trướng lấy gậy đánh chết cả hai cha con, lại phát lệnh cử một đạo quân về Phụng Lâu trang bắt lấy Thục nương đưa về thành phủ.

Viên nha tướng Phủ thái thú đem hai trăm binh mã về tới Phụng Lâu vây kín các ngã, rồi nói với bà Hoàng Thị Mầu và Thục nương rằng : " Quan thái thú cho bản chức đón Thục nương về phủ lập làm phu nhân. Hiện Vũ công vẫn lưu lại ở phủ chờ Thục nương để cho cử hành hôn lễ ". Cùng hôm ấy, một người nhà đi theo hầu Vũ công từ Phủ thái thú trốn được về, bèn đem hết mọi chuyện tàn ác của Tô Định ra nói, vừa nói vừa khóc. Mẹ con Thục nương nghe tin ngất đi mấy lần, vật mình nức nở.

Người hầu gái thân tín thưa rằng : " Giặc đóng quanh nhà, chờ sáng mai đưa Nàng về Phủ. Lúc này không phải là lúc than khóc, xin Nàng mau tính kế thoát thân ". Thục nương nghe ra, bèn nuốt đau ngậm hờn, truyền cho người nhà lén đưa mẹ ra khỏi trang tìm nơi ẩn náu, còn mình thì nai nịt gọn gàng, kiếm cầm tay, cho mời viên nha tướng vào nói chuyện. Viên tướng Hán đang cơn say rượu chệnh choạng bước vào, liền bị Thục nương phóng kiếm, đổ vật xuống đất. Thục nương múa kiếm cùng gia nhân phá vòng vây. Giặc hò nhau đuổi, tình thế rất gấp. Thục nương truyền cho gia nhân rẽ sang ngã khác rồi một mình lén theo đường tắt ra sông, may gặp chiếc thuyền nhỏ bên bờ, liền nhổ thuyền thả xuôi dòng nước. Lúc ấy mặt trời đã lặn. Thuyền trôi vùn vụt trong đêm, tới khoảng canh tư thì dạt vào bến. Thục nương bước lên, thấy vài chiếc lều quán chợ rào bước vào phía trong gặp một tòa miếu cổ, cửa miếu hé mở, liền vào ẩn trong miếu.

Gà vừa gáy sáng, chợ đã có người đến họp. Vài người đi chợ sớm rẽ vào tòa miếu, thấy có vết máu, kinh lạ nhìn lên thượng cung, thấy một cô gái ngồi phục ở đấy. Cô gái thấy có người, đập kiếm mà rằng : " Giặc Tô tới đây, nhất định phải chết ! ". Những người đi chợ sợ hãi kêu to lên, mọi người đổ tới vây kín lấy miếu, bàn tán xôn xao. Có một cụ già tiến lên nói

với cô gái : " Chúng tôi là dân làng đây, đều là dân làm ăn lương thiện, làm gì có giặc Tô nào ở đây. Còn nàng từ đâu đến ? ". Thục nương bèn từ thượng cung bước xuống. Mọi người nhìn xem, thấy là một người con gái xinh đẹp, tuổi trạc đôi mươi hai tay cầm hai thanh kiếm, áo quần còn giầy vết máu, ai nấy đều lạ lùng, cất tiếng hỏi thăm. Thục nương nghe hỏi, nước mắt trào ra, nói rằng : " Tôi là người ở trang Phượng Lâu, châu Bạch Hạc. Giặc Tô tham sắc, muốn bắt tôi về hầu hạ nó, nhưng tôi là gái đã hứa hôn, khi nào lại chịu làm điều sỉ nhục ấy, Tô Định bèn giết cha và chồng tôi, giết cả bố chồng tôi rồi cho quân vây bắt tôi. Tôi chém tướng phá quân, một mình về được tới đây, không ngờ lại được các cụ dân trang chào hỏi. Nếu như giặc Tô theo đến, tôi quyết cùng chúng một trận sống mái ".

Dân chúng nghe nói, đều cảm giận giặc Tô tàn bạo. Mọi người đón nàng về, thay nhau chăm sóc. Được vài tháng, nàng nói với dân trang : " Làm con không rửa được thù cha, làm vợ không trả được thù chồng, làm dân không báo được thù nước, sao có thể sống mà không hổ thẹn ! Tôi xin cải trang tu ở chùa làng, rồi sẽ định liệu ". Ông hương trưởng nghe lời nàng nói cũng vui lòng hăng hái bàn với ông tự chùa cho nàng gọt tóc niệm Phật nương mình nơi cửa thiền. Từ đó, Thục nương là một vị sư nữ đạo cao đức trọng, tuần rằm mồng một lễ bái đèn nhang, nơi nào có người mời đi cúng lễ dù gần hay xa nàng đều vui vẻ nhận lời, dựa vào các dịp đó mà tìm gặp những người có chí.

Thục nương thường tìm đến hỏi thăm các cụ già, được các cụ tin cậy quý mến. Một hôm, Thục nương mời ông hương trưởng và vài cụ phụ lão tới chùa dự lễ dâng hoa cho Phật vào buổi tối, rồi giữ mọi người lại, đóng chặt cửa Tam quan, cùng nhau bàn tính những chuyện lộ ra có thể mất đầu : dựng cờ nghĩa đuổi giặc nước. Có một cụ già nói : " Đuổi giặc Hán ra khỏi bờ cõi, dân ta lại làm chủ nước ta, ai chả muốn. Làng này toàn người tốt cả. Việc nhà chùa muốn bàn chắc được dân nghe đấy ! ". Ông hương trưởng thông thả nói : " Đành là dân nghe, nhưng làng ta đây người thừa ruộng mỏng, cả làng chỉ vài chục nóc nhà, đói thiếu quanh năm, làm thế nào đánh

đuổi được giặc ? ". Thục nương nói : " Điều đó tôi đã nghĩ tới rồi. Có mấy việc ta phải lo trước. Phải làm sao cho có người có của đã rồi mới nói chuyện tụ nghĩa được ". Mọi người cùng bàn tán với nhau, tới canh ba mới chia tay.

Sau hôm ấy, làng đón các phường châu về buôn bán, lại đón các ông lò rèn về đánh dao đánh rựa bán đi các nơi. Nhờ có lò rèn và chợ trâu, người qua lại Tiên La ngày thêm đông, Tiên La mới chiêu tập dân lang bạt các nơi về chia đất cho, gọi là " cho một mũi cày " lấy đất bãi bồi bên sông mà chia. Những dải đất soi vẫn bỏ hoang nay xanh ngắt chuối mía khoai ngô. Từ đó, Tiên La mỗi ngày một thịnh vượng, xóm làng sầm uất, trên bến dưới thuyền, đời sống nhân dân cũng nhiều phần khấm khá hơn trước, cũng là nhờ công sức của Thục nương cả. Dân làng bảo nhau : " Trời cho dân ta được Thục nương về đây. Không có Thục nương làm gì có được quang cảnh này ". Dân làng một lòng một dạ tin theo Thục nương.

Thục nương lại bàn việc khởi nghĩa với ông hương trưởng và các cụ. Người già vui lòng chống gậy đi các nơi nói với gái trai các trang các sách, nói với người đánh cá quanh năm bồng bênh sóng nước, nói với người cày ruộng đầu năm chí tối xối mồ hôi trên luống đất, nói với những người không nhà không cửa, lẩn lóc quán chợ, đầu đình, nói rằng : " Ở Tiên La có nữ thần quan được trời cho xuống cứu dân ta đấy. Khổ cực quá rồi ! Bà con ta hãy đến Tiên La theo nữ thần quan mà cứu lấy thân, cứu lấy nước ! ". Các cụ lại nói với các hào trưởng rằng : " Dân đây không thuộc quyền các ông, của cải ruộng nương nhà các ông không thuộc quyền các ông. Quan Hán khinh rẻ hiếp đáp các ông. Sao không theo nữ thần quan ở Tiên La mà đứng dậy ? ". Tiên La trang chẳng bao lâu đã là một trung tâm tụ nghĩa mà ngôi chùa cổ ở bên sông gần bến chợ đã trở thành chỉ huy sở của nghĩa quân vậy. Bấy giờ các làng bên sông đều tích trữ quân lương, tụ họp trai tráng, mua ngựa sắm thuyền, rèn gươm chứa giáo, chỉ chờ dịp nổi lên giết giặc. Mùa thu, nghĩa quân họp lại dưới cờ Thục nương đã được trên một ngàn, thanh thế lừng lẫy. Thục nương dựng cờ khởi nghĩa, tự xưng là Bát Nạn đại tướng

quân.

Bọn thống trị Hán giết mình kinh sợ, đem quan quân tới Tiên La đánh dẹp nghĩa quân. Bát Nạn đại tướng quân đánh với giặc, lúc ẩn lúc hiện, giặc vây nơi này thì nơi khác nổi lên, giặc không những không dẹp được Tiên La mà còn bị nghĩa quân đánh thua nhiều trận.

Dân chúng các nơi theo về với Thục nương ngày càng đông.

Lại nói Tô Định cai trị cõi Nam giao, tham tàn có một, bạo ngược không hai, dân chúng đâu đâu cũng một lòng oán hận. Hào kiệt bốn phương chống kiếm đứng dậy kể có hàng trăm, gái trai các nơi nghiêng răng mài giáo kể có hàng ngàn, thiên hạ như nồi nước đang sôi sùng sục.

Cháu ngoại các Vua Hùng là Nàng Trưng Trắc ở Mê Linh cùng em là Trưng Nhị dựng cờ đại nghĩa, truyền hịch khắp trong nước, giục giã mọi người mau mau nổi dậy đánh đuổi giặc Hán tham tàn, giành lại non sông, lật đổ ách đô hộ tàn bạo của dị tộc, cùng mưu một cuộc sống an vui, một cảnh đời thái bình thịnh trị.

Trưng nữ chủ nghe tin Thục nương khởi nghĩa ở Tiên La nhiều lần đánh quân Hán phải chạy dài, liền cho sứ đem hịch đến vờ. Thục nương tiếp sứ đọc hịch, lòng còn băn khoăn nghĩ ngợi, lưu sứ lại để còn suy tính trước sau. Bấy giờ Thục nương cho mời các nam nữ đầu mục, một số các cụ phụ lão và hương trưởng các trang lại, cùng bàn xem có nên đem quân theo về với Trưng nữ chủ. Có người nói rằng : " Sức ta đã mạnh, giặc Hán hung bạo mấy lần đến đánh ta đều phải tan chạy. Sao ta lại phải cấp giáo phụ vào với người ? Vả lại Bát Nạn đại tướng cũng là bậc anh hùng ở đời, lo gì không hoàn thành được nghiệp lớn ". Mọi người bàn cãi xôn xao. Thục nương ý cũng chưa quyết bề nào. Lúc ấy có một cụ già râu tóc bạc phơ, mình gầy vóc hạc, mắt sáng như chớp, đứng dậy từ tốn mà rằng : " Lão nay chỉ một Tết nữa là trời cho một trăm tuổi thọ, chưa bao giờ thấy anh hùng

độc trụ mà thành. Và lại nhà Hán cai trị nước ta gần hai trăm năm, dữ tợn ngang ngược, quân đóng kín đất Giao Chi, ta lấy sức một người đuổi sao nổi giặc, chống sao lại được triều đình của Hán đế ? Ấy cũng vì hiệu cái lễ ấy nên Trưng nữ chủ mới nêu sáng danh nghĩa dòng dõi Hùng Vương mà tập hợp anh hùng, kêu gọi dân chúng cả nước thắt dải đồng tâm, nhất tề nổi dậy. Lão xem cứ một việc ấy đủ biết Trưng nữ chủ trí lự sâu xa, hào kiệt trong thiên hạ không ai sánh nổi. Nay nếu ai chỉ biết phận nấy, mạnh ai người ấy đánh, thử hỏi giặc kia mà bẻ dũa từng chiếc thì liệu dân chúng Giao Chi bao giờ mới ngóc đầu dậy được ? ". Mọi người nghe cụ già nói đều nín lặng bồi hồi. Thục nương cũng như người ngủ mê chợt tỉnh, vái lão trượng mà rằng : " Lời nói của lão trượng như vén mây mù cho chúng tôi được thấy trời quang. Nếu không có lão trượng, tiện nữ này làm lỡ việc lớn mất ! ". Thục nương bèn tiếp sứ giả long trọng, rồi truyền lệnh mổ trâu giết lợn khao quân, chọn hai mươi ba cô gái khỏe mạnh dũng cảm ở Tiên La làm quân túc vệ, lại cho nữ binh đều mặc nam trang. Phiên chế đội ngũ chỉnh tề xong xuôi, Thục nương cưỡi ngựa kéo quân đến bái yết Trưng nữ chủ. Trưng nữ chủ đẹp lòng khen ngợi, phong Thục nương làm Đại tướng quân trưởng lĩnh tiền đạo. Thục nương lại xin được gặp Nàng Nội. Lúc này, Nàng Nội giữ ấn tín binh phù và cờ lệnh của Trưng nữ chủ, cũng dự bàn việc quân cơ. Khi gặp Thục nương, Nàng Nội tiếp đón thân thiết, thăm hỏi ân cần rồi bảo với Thục nương rằng : " Ta với nàng đều mang thù sâu với Tô Định, nay may được gặp Trưng nữ chủ phát cờ đại nghĩa, bốn bề theo về, chính là một dịp may cho chúng ta đây. Nàng cầm đầu đạo tiền quân, phải gắng sức lên ! ". Thục nương cung kính vâng lời, khi lui ra nói với các tướng cùng quê rằng : " Cha ta xưa nói đúng : ta không thể bằng người ấy được ".

Sau lễ tế cờ ở Hát Môn, đạo tiền quân của Thục nương cũng cờ đào mở gió, giáo gươm sáng quắc lên đường. Nghĩa quân đi tới đâu, dân chúng đều nô nức dắt díu nhau đón chận hai bên đường vui mừng gánh gạo dắt trâu để làm lương cho quân cứu nước.

Đẹp xong Tô Định, Trưng Trắc lên ngôi vua, phong Thục nương làm Bát Nạn đại tướng quân, Trinh Thục công chúa. Sau lễ khánh hạ, Thục nương giữa triều quỳ gối tâu với Trưng Vương rằng : " Hạ thần vì giặc Tô Định giết cha giết chồng mà dấy binh khởi nghĩa, nay nhờ được uy đức của bệ hạ đã trả được thù nhà, đền được nợ nước, xin dập đầu trước bệ bái tạ quân vương. Nay nước được thanh bình, xin bệ hạ cho kẻ hạ thần được trở về quê quán tế cha tế chồng và thăm mẹ già cùng quê hương bản quán ". Vua Trưng khen Thục nương là người hiếu nghĩa, chuẩn tấu cho về thăm mẹ, lại ban cho xe loan, quân hầu, thị nữ cùng vàng ngọc lụa là. Sau khi Vua Trưng bãi triều, Thục nương lui gót về cung sở thu xếp hành trang rồi cùng quân gia về ngay trang Phượng Lâu. Tới quê hương, Thục nương cho đón mẹ về, lại mời các phụ lão đến chuyện trò thân mật rồi mở hội ba ngày. Nhân dân các trang đều đến chúc mừng, bày các trò vui đánh vật, bơi chải, hát đúm, tung cầu. Vài hôm sau, Thục nương sang thăm Liệp trang. Thục nương cho thiết lập cung sở ở Phượng Lâu rồi xuôi thuyền về Tiên La. Nhân dân Tiên La vui mừng mở hội đón rước. Thục nương ở lại Tiên La nửa tháng, bàn với các cụ mở mang thêm rộng chợ, trồng thêm dâu tằm, lại bàn việc tu sửa chùa chiền đền miếu. Xong xuôi mọi việc, Thục nương về triều bái yết Trưng Vương. Trưng Vương yêu mến Thục nương, tuy là nghĩa vua tôi mà thực ra thì đối với Thục nương như tình ruột thịt.

Mã Viện vâng lệnh Hán đế cầm quân sang đánh chiếm Giao Chỉ. Trưng Vương cử các tướng đón đánh quân Hán ở các ngã. Thục nương lại cầm quân đuổi giặc, nhiều trận thắng lớn. Quân Hán thua, rút về biên giới. Thục nương được Vua Trưng xét công, gia phong cho làm Điện trưởng nội thị phu nhân, được ra vào nơi cung điện, lại cho phép về nghỉ một tháng ở quê nhà. Một hôm nhân dịp làng ăn mừng cơm mới, Thục nương mời các phụ lão vào cung sở dự tiệc xôi mới. Đang lúc vui vẻ, có người khách nói rằng : " Nghe tin Mã Viện được viện binh lại chia đường tiến vào nước ta, hiện quân ta đã đón giặc ở biên giới ". Thục nương nghe nói, ngay hôm ấy nai nịt, cưỡi ngựa lên đường vào triều tâu với Trưng Vương xin được ra đánh Mã Viện.

Thục nương mỗi khi ra trận, đầu đội mũ trụ cài lông trĩ, mình mặc áo giáp bạc mặt hổ, cưỡi con ngựa ô truy đeo 18 chiếc nhạc lớn bằng đồng, đầu ngựa kết bông đỏ, oai phong lẫm liệt, dung mạo tươi thắm, tướng Hán trông thấy giật mình nói rằng : " Không ngờ Nam man lại có tướng ngang tàn như thế ". Thục nương múa kiếm phóng ngựa xông vào đánh với tướng Hán, trống trận vang trời, chỉ một hồi chém tướng Hán đầu bay khỏi xác.

Thục nương mỗi khi giáp trận đều cài nam trang, giáp trụ uy nghi không để cho giặc biết được hình tích của mình. Tới trận không nói một lời, xông thẳng vào tướng giặc nhanh như chớp, khí thế như núi đổ, như sao băng, vì thế thường lập được nhiều công lớn.

Có lần Thục nương theo phò Trưng Vương ra trận cự với đại quân của đại tướng Hán là Tổ Hoài Đức. Trận ấy diễn ra quyết liệt, hai bên đều ra sức đánh, quân Hán đã núng thế, chợt chúng biết quân Trưng Vương là nữ binh liền hô nhau xông vào mà vật. Nữ binh lúng túng mất thế tiến công vừa đánh vừa lui.

Thục nương múa song kiếm giao chiến với Tổ Hoài Đức. Đánh được hồi lâu, Tổ Hoài Đức đưa mâu hất rơi mũ trụ của Thục nương, tóc Thục nương liền số tung như mây tủa. Tổ Hoài Đức lúc ấy thấy tướng nam môi thắm má hồng, ánh mắt long lanh, tóc xanh óng ả, thật muôn phần xinh đẹp yêu kiều, chợt hiểu là nữ tướng, ngây ngất mà nhìn, đương mâu hơi lỏng, bị Thục nương đưa một nhát kiếm vào sườn. Tổ Hoài Đức kinh hoàng giật ngựa chạy lùi, còn Thục nương cũng vội đem quân tìm Trưng Vương để phò giá.

Sau trận ấy, Tổ Hoài Đức ngơ ngẩn tâm hồn ngày đêm mơ tưởng sắc đẹp Thục nương, bèn truyền lệnh khắp nơi, ai bắt được Thục nương thì thưởng trăm nén vàng và sẽ được tâu xin ban tước Thiên hộ hầu.

Thục nương lui về Tiên La. Lúc ấy Vua Trưng đã tử tiết. Mã Viện đặt lại quân huyện, đánh dẹp các nơi quân ta còn đóng giữ và đem đại quân tiến sâu vào đất Cửu Chân đuổi đánh các tướng của Vua Trưng còn chống cự. Thục nương nung nấu căm hờn mưu tính dựng lại nghiệp lớn, giữ vùng Tiên La hàng chục dặm trải tám tuần trăng rằm giặc vẫn không quét nổi. Một đêm, vào ngày mười tám tháng ba, Thục nương đang đi tuần trên sông, chợt thấy Tiên La bốc lửa ngút trời, vội cho thuyền vào bờ, vừa đặt chân lên bến, một tướng giặc rảo bước đi tới vung đao chém. Thục nương chém ngay tướng giặc đứt làm hai đoạn, phá vây chạy đi, quân Hán reo hò vang bốn phía, trong ánh lửa thấy Tổ Hoài Đức cưỡi ngựa xốc tới. Thục nương chạy đến gốc một cây tùng lớn tuốt kiếm tuấn tiết.

Nơi Thục nương mất, mỗi đùn lên thành mộ, còn cây đại tùng ba ngày sau khô héo mà chết. Nhân dân lập miếu thờ Thục nương ngay dưới bóng cây đại tùng.

Vào đời hậu Lê, vua Lê Thánh Tôn mang quân đánh Chiêm Thành, thuyền rồng ghé bến Tiên La, đóng quân lại nghỉ. Vua cho xem xét tìm miếu thờ Bát Nạn công chúa rồi gọi các cụ già cả trong làng ra hỏi chuyện. Các cụ đem sự tích Thục nương tâu bày với nhà vua. Vua Lê đem quân đánh Chiêm Thành được đại thắng, khi trở về triều bèn bao phong Thục nương làm "vạn cổ phúc thần", để cùng đất nước hưởng phúc lâu dài, đời đời ghi nhớ công lao người nữ anh hùng suốt đời vì nước (1).

Chú thích:

1. *Truyện trên soạn theo thần tích miếu thờ Thục nương ở xã Phượng Lâu, huyện Phù Ninh, Vĩnh Phú. Thục nương được thờ ở Tiên La (Thái Bình), ở Phượng Lâu và ở Đức Bác (tức Liệp Trang, huyện Lập Thạch). Ngày sinh thần là ngày mười lăm tháng tám năm Tân Sửu, ngày khánh hạ vào mồng mười tháng ba và ngày hóa thần là ngày mười tám tháng ba.*

Theo thần tích thời hậu Lê do Hàn Lâm Đông các Đại học sĩ Nguyễn Bính soạn, và bản sao của dân Phượng Lâu, có phụ lục các triều vua bao phong cho Thục nương thì Thục nương được phong thần lần lượt như sau :

Thời Trưng Vương sắc phong : Bát Nạn Đại tướng quân Trinh Thục công chúa.

Thời vua Lê Thánh Tôn, sắc phong : Ý đức đoan trang Trinh Thục công chúa

Thời Minh Mạng nhà Nguyễn, sắc phong : Dục bảo trung hưng linh phù chi thần.

Thời Khải Định nhà Nguyễn, sắc phong : Dục bảo trung hưng linh phù Thượng đẳng thần.

Vào thời trước, trong các ngày lễ tưởng nhớ Thục nương tức Bát Nạn công chúa, ở Vĩnh Phú có bơi chải, hát Xoan tức hát đúm, cỗ đều bày trên mâm đan lót lá.

Nguyễn Khắc Xương
Nữ tướng thời Trưng Vương
NÀNG NỘI
TƯỚNG VÙNG BẠCH HẠC

Mùa đông, tháng một, trời rét buốt. Gió bắc hun hút thổi. Ngã ba Bạch Hạc chìm trong màn mưa. Ngọn cờ đen ở trước đồn quân Hán rã xuống như bộ lông quạ đúng nước. Bọn lính đồn co ro đi lại.

Gió bắc lạnh ngắt như lũn vào xương tủy và mưa như kim châm buốt thân thể trần truồng dầm nước của những người dân Giao Chi trên sông. Tóc bết trên gáy trên lưng, họ đứng trước mũi những chiếc thuyền nhỏ, dạng chân quay mình nửa vòng, vung tay, quăng lưới. Có những người trẻ tuổi, dáng khỏe mạnh, cầm lao nhảy xuống làn nước lạnh. Cá anh vũ vẩy xám màu thiếc, tròn lẳn như cá trắm, quẫy lộn trong lưới, cong mình trên những mũi lao nhỏ và dài. Xong mỗi mẻ lưới, thuyền cá bơi về bến, những tên lính Hán đứng nhận cá luôn miệng quát tháo, quất roi vun vút vào những người dân chài khốn khổ.

Gần đấy, một đám đông người đứng tụm lại với nhau, viên quan Hán khoa chân múa tay nói gì đó với họ. Đó là những chủ thuyền và những người thả mạng bị đồn Hán giữ lại để kiểm soát, thu thuế. Chắc hẳn có một người bất bình đã cãi lại, vì thấy tên quan Hán lồng lộn như con gấu bị nhốt, rồi mấy tên lính Hán túm lấy một người trong đám đông, roi gậy vụt túi bụi.

Tất cả cảnh tượng trên sông trên bến nước đồn quân Hán ấy đã được thu vào tầm mắt của hai người cười ngửa trụ trên gò Mỗ Phượng : một người đứng tuổi vạm vỡ, râu quai nón, mặc dù trời rét vẫn mở phanh ngực áo, và một cô gái nhỏ khoảng mười hai mười ba tuổi, gương mặt tròn trĩnh đỏ hồng không biết vì rét hay vì tức giận.

Cô gái nhỏ đặt tên, gương cung, nhưng người đứng tuổi vội nắm tay cô gái

ngăn lại : " Chớ, chớ ! Nàng Nội à, lính Hán đánh đập người Giao Chỉ ta như thế là thường. Còn nhiều cảnh thảm khốc hơn kia. Thôi, ta đi thôi ! ".

Cô gái nhỏ tuổi giật mạnh cương con ngựa ô bồm dầy tỏa bay như mây như khói, nói với người đứng tuổi : " Ông Thái à, em muốn đi tìm một con trĩ hay một chú vẹt sặc sỡ nào đem về chơi, đi nhé ! ". Hai con ngựa bặm nước kiệu nhỏ, đi vào vùng rừng bên sông Lô. Người đứng tuổi nói : " Vẹt thì có, tôi biết có một khoảnh rừng có khá nhiều đấy, nhưng trĩ có mà lại hóa không. Trĩ, giặc Hán bắt phải nộp hết cho chúng. Trĩ và công của rừng Bạch Hạc này là của giặc Hán ". Cô gái nhỏ quất mạnh roi vào mông ngựa, không phải vì muốn giục ngựa phi nhanh hơn mà vì tức bực : " Nghe ông nói, cái gì cũng là của giặc Hán ! ". Người đứng tuổi im lặng một lúc rồi dẫn giọng : " Ấy thế đấy, cái gì cũng là giặc Hán. Đất Bạch Hạc này tuy tướng công nhà là chủ trường nhưng cũng là đất của vua Hán. Không còn cái gì là của ta hết ! ".

Người con gái nhỏ không nói gì nữa, mặt đỏ bừng bừng như người say trầu. Đường hẹp, đá mấp mô, dây rừng cuộn như khúc rắn. Hai người xuống ngựa, buộc ngựa vào một cây kháo tàn rồi bắt đầu vào rừng.

* * *

Châu Bạch Hạc thời thuộc Hán chính là cố đô của nước Văn Lang xưa được mở rộng sang cả bên kia sông Lô. Chủ trường châu là Đặng Thi Huy một lạc tướng có danh vọng và quyền thế, em ruột Đặng Thi Sách huyện lệnh Chu Diên và anh ruột của lạc tướng Đặng Thi Bằng. Tuổi đã cao mới được một mụn con gái nên hai vợ chồng Đặng tướng công nâng niu quý mến Nàng Nội không xao kể xiết. Ở trong nhà, Nàng Nội được một nhũ mẫu cùng họ trông nom. Ra ngoài, Nàng Nội bao giờ cũng đi với một thủ hạ thân tín của Đặng tướng công họ Hàm tên Thái, một dũng sĩ mà các đô vật nổi tiếng trong châu đều tôn phục. Hàm Thái gan dạ và bình tĩnh nên rất được Đặng tướng công tin cậy.

Lên tám tuổi Nàng Nội học viết, lên mười tuổi Nàng Nội học cưỡi ngựa, mười hai tuổi bắn cung đã thạo, bắt đầu tập múa kiếm và được theo Hàm Thái ra ngoài đôi khi được theo Đặng tướng công mở những cuộc săn lưới. Nàng Nội thông minh và có sức khỏe, bàn tay nhỏ nhắn ấy cầm cương con ngựa ô cũng khéo như cầm cây bút lông nhỏ để đưa những hàng chữ mềm mại và sắc như lá lan.

Đặng Thi Huy tự hào về con gái cũng như tự hào " Bạch Hạc của ta " như ông thường nói. Và nếu ông yêu con gái với một lòng yêu đắm thắm thì ông cũng tha thiết gắn bó với rừng núi đất đai sông ngòi Bạch Hạc. Quả hồng không hạt và cá anh vũ châu Hạc là báu vật găm trời không đâu có. Bên kia ngã ba sông là vựa lúa của châu, vùng ruộng đồng màu mỡ. Núi và rừng là kho của trời cho : bạt ngàn gỗ quý, rồi nào củ nâu, mây, móc, giang, nứa, cây cọ xòe lá, mỗi tán lá như một vàng mặt trời xanh biếc. Vườn nhà ai cũng hàng chục cây cau cao vút và những giàn trầu lá cuộn lớp lớp sóng dày. Chim : có trĩ, có công ; thú : có voi, có hổ, cá của ba sông nhiều như lá rừng, mật ong vàng trong, thơm mùi hoa rừng, mỗi vụ lấy hàng nghìn hũ. Đó, những của quý châu Bạch Hạc.

Nơi đây, ba dòng sông lớn Lô, Thao, Đà như ba con rồng uốn khúc về châu, chụm đầu vào nhau phun nước phù sa tưới tắm đất đai cố đô của các Vua Hùng dựng nước. Đứng ở ngã ba sông mà nhìn, sau lưng là nơi mặt trời xé bóng, núi rừng chạy dài mãi tới biên giới xa xôi, trước mắt nơi vùng đông sớm sớm lên đường từ bể ca, mênh mông một dải đồng bằng. Non sông hùng vĩ, đất nước đẹp giàu nay đã thuộc về nhà Hán. Sông núi đất đai này không còn là của người Giao Chỉ nữa rồi !

Xưa kia, thuở Vua Hùng dựng nước, nơi Ngã ba sông bên gò Mỏ Phụng có một cây chiên đàn cao muôn trượng lá rợp một vùng, mây bay trên ngọn, chim hạc làm tổ hàng nghìn con tiếng kêu như tiếng đàn, tiếng sáo. Bến Hạc Trắng là cửa ngõ của châu thành, nơi bốn phương đổ về hội họp,

người đông của nhiều, vượng khí muôn đời không dứt.

Đối với Đặng Thi Huy, Bạch Hạc không chỉ là một châu giàu có vào bậc nhất nhì của Giao Chỉ mà còn là một mảnh đất thiêng liêng. Tất cả các lạc hầu lạc tướng đều không quên những đền đài cung điện cũ rải từ Ngã ba Bạch Hạc về Thấu Lĩnh, những đền đài cung điện ấy tuy đã bị kẻ thù phá đi nhưng vẫn còn để lại nhiều dấu tích. Đó là dấu tích thần thánh của cố đô cũ, dấu tích của dòng họ Hùng, của các Vua Hùng mở nước Văn Lang và triều đại nhà Hùng.

Năm Nàng Nội mười ba tuổi cũng là năm Đặng Thi Huy họp cùng Thi Sách và một số lạc hầu lạc tướng mưu lật đổ Tô Định và nền đô hộ của nhà Hán. Đặng Thi Huy đem mọi công việc bàn với chính thất phu nhân Trương Thị Hàn, mẹ Nàng Nội, mà ông vẫn kính trọng vì học rộng biết nhiều và trí lự sâu xa. Đặng công được vợ giúp sức, ngầm tập hợp các lang, các trưởng trang, trùm động có nghĩa khí trong châu. Nàng Nội biết công việc của cha làm. Trong những ngày ra ngoài tập ngựa, đi săn, Nàng Nội mắt được thấy những cảnh sôi lòng cháy ruột, những nỗi khổ cực của dân chúng, lại được nghe nhũ mẫu, Hàm Thái và các cô hầu gái kể những câu chuyện về sự tàn ác của bọn quân lính Hán. Ngọn lửa căm hờn nhen nhóm trong lòng cô gái nhỏ.

Có lần Nàng Nội giương cung bắn rụng một quả hồng treo trên cành cao và nói với mẹ : " Con sẽ bắn rụng đầu Tô Định như bắn quả hồng này ". Mẹ bảo con : " Nếu con cứ nói như vậy, chính Tô Định sẽ bắn rụng đầu con đấy !". Bà cũng thường khuyên nhắc chồng phải cẩn thận kín đáo, vì biết ông vốn tính nóng nảy và xốc nổi.

Mưu đồ của Thi Sách và nhóm khởi nghĩa bị bại lộ. Tô Định lừa Thi Sách về Phủ thái thú và giết ngay trước tiệc. Những người dự mưu đều bị giết, bị bắt bớ tra tấn truy nã. Có lệnh triệu Đặng Thi Huy về Luy Lâu. Đặng công khi nhận được lệnh, chưa biết việc lớn đã lộ, vội sắm sửa lên đường. Khi

ông vừa lên ngựa, chợt có đàn quạ bay đến lượn trên đầu ba vòng rồi rải cánh bay về phương Nam, tiếng kêu thảm thiết. Phu nhân cho là điềm gở, níu đầu ngựa mà giữ lại. Đặng công an ủi phu nhân và cử Hàm Thái theo mình cùng lên đường. Được ba ngày, Hàm Thái chợt về báo tin dữ, lập tức thu xếp đưa phu nhân cùng Nàng Nội trốn ngay đêm hôm đó.

Mờ sáng hôm sau, viên thừa sai của Phủ thái thú và viên huyện úy Mê Linh đem lính về vây kín châu sở, thi hành lệnh của Tô Định tịch thu toàn bộ sản nghiệp Đặng Thi Huy, bắt các gia nô và nữ tì sung công, các gia tướng và lại viên của Đặng công đều bị bắt. Lại có lệnh truy nã các người họ Đặng. Đàn ông trong châu bất cứ già trẻ lớn bé nếu mang họ Đặng đều bị giết. Tô Định không cho lệnh truy nã Đặng phu nhân và Nàng Nội vì nhà Hán trọng nam khinh nữ, coi đàn bà con gái như không. Một viên quan Hán được cử về làm chủ châu. Châu Bạch Hạc náo động. Dân chúng bị giặc Hán thừa dịp sách nhiễu, khảo của vợ vét. Người họ Đặng đi trốn đều phải thay tên đổi họ. Năm ấy, Nàng Nội đã mười tám tuổi.

Bên hữu ngạn sông Lô có mười sáu động nhà sàn thuộc châu Bạch Hạc ở sâu trong vùng núi, mẹ con Nàng Nội nương náu ở đó. Mặc dầu giặc không có lệnh truy nã, nhưng nếu chúng bắt được hai mẹ con, chắc chắn cả hai đều sẽ bị đưa nộp Tô Định làm tù thiếp. Ẩn mình nơi rừng xa núi thẳm, Đặng phu nhân không nguôi nghĩ ngợi, uất ức mà sinh bệnh nặng, nằm liệt giường. Nàng Nội và nữ mẫu cùng Hàm Thái ngày đêm trông nom, thuốc thang phụng dưỡng, nhưng bệnh của phu nhân là tâm bệnh, thuốc nào chữa nổi. Một năm sau phu nhân qua đời.

Chôn cất phu nhân xong, Nàng Nội nói với nữ mẫu và Hàm Thái : " Cha mẹ ta đều chết vì giặc Hán. Thù cha mẹ không trả nổi còn sống làm gì. Ta phải đi tìm Tô Định ! ". Hàm Thái nói : " Một mình Nàng giết sao được Tô Định. Và lại gánh lấy việc nghĩa cứu vớt dân Giao Chỉ ra khỏi vòng nước lửa, giành lại cơ nghiệp giang san của tổ tiên, làm cho vẹn chí lớn của cha mẹ, đó mới là cách xử sự của người con có hiếu ". Nữ mẫu cũng khuyên

giải Nàng Nội hồi lâu rồi ba người cùng nhau bàn việc. Sau đó, Hàm Thái chào Nàng Nội và nhũ mẫu, lên đường. Nàng Nội chia tay Hàm Thái, nói : " Tai mắt kẻ thù của chúng ta ở khắp nơi, tráng sĩ hãy giữ mình cẩn thận " .

Một đêm, Nàng Nội ngồi trên sàn thêu khăn cùng vài người con gái bản, nhìn ra ngoài, trăng sông rải khắp núi rừng, sương khói mờ mờ, lại nghe từ xa vọng về tiếng hươu giác và tiếng suối đổ, lòng thêm ngổn ngang trăm mối. Chợt nhũ mẫu và Hàm Thái bước lên sàn. Nàng Nội mừng rỡ tèm trầu rót nước, cùng nói chuyện. Hàm Thái mời Nàng Nội cùng theo mình, những người con gái bản cũng đứng dậy, cùng đi. Trăng non như vành lược bạc gài trên mây, ngôi sao Vượt sáng long lanh đứng chếch ở phía dưới, chùm sao Gấu lớn nằm ngang trên ngọn núi. Qua một khe nước thấy có ánh lửa, Nàng Nội bước tới. Có hơn mười người ngồi quanh đống lửa đều đứng dậy vòng tay chào, con gái thì chấp tay. Nàng Nội nhìn quanh một lượt, nhận ra là một vài người trong họ, các gia tướng và nữ tì của nhà, lòng cảm động, ôm lấy nhũ mẫu bật khóc, mọi người đều cất lời an ủi.

Hàm Thái nói : " Nữ chủ chúng ta tuy còn ít tuổi nhưng là người có học nhiều, có khí phách dũng lược, có thể thay kế tướng công mà dắt dẫn chúng ta. Nay tướng công và phu nhân đều bị giặc hãm hại, việc nghĩa giữa đường bỏ dở. Họ hàng chúng ta cũng bị giặc tàn hại, thân chúng ta bị giặc dày đọa. Ta phải cứu lấy gia đình, làng xóm, họ hàng máu mủ ta. Chúng ta quyết đi với nữ chủ chống lại giặc Hán ". Mọi người đều đồng tình, Hàm Thái hai tay trao kiếm cho Nàng Nội nói rằng : Đây là kiếm báu của tướng công. Khi tướng công bị giặc hãm hại, người của ta lấy được kiếm, truyền cho hạ nô, bấy lâu nay hạ nô vẫn cất giấu kín đáo. Xin nữ chủ nhận kiếm. Nàng Nội người nóng bừng bừng, đôi mắt long lanh, đỡ lấy kiếm tuốt ra khỏi vỏ. Trước ánh lửa, kiếm lòe sáng. Nàng Nội đưa mắt nhìn Hàm Thái, thấy Hàm Thái gương mặt như đúc bằng đồng, cặp mắt cháy rực chăm chú nhìn mình. Nhũ mẫu và mọi người cũng đều nghiêm trang nhìn Nàng Nội. Nàng Nội bồi hồi không biết phải nói gì trong lúc này, bèn giơ kiếm ngang mặt mà rằng : " Kiếm này quyết tằm máu kẻ thù ! ". Mọi người rập theo,

đồng thanh : " Quyết tử máu kẻ thù ! ".

Lửa bập bùng nhảy múa. Rừng nổi gió ào ào. Trong xa vắng mênh mông, tiếng nước đổ đầu đó âm âm như trống trận.

* * *

Sông nước Bạch Hạc cuộn sóng. Đất Bạch Hạc cựa mình. Dân Bạch Hạc vùng dậy. Người già bảo người trẻ, con trai con gái nói với nhau : " Cực khổ lắm rồi. Chúng ta hãy đi theo Nàng Nội đánh đuổi giặc Hán ! ".

Người đi xâu rủ nhau trốn từng đoàn, bỏ đấy những việc đắp lũy dựng dinh trại cho viên chủ trưởng Hán, bỏ đấy việc đắp đường cho giặc chuyên chở cống phẩm, bỏ đấy việc xây dựng đại đồn cho giặc. Mùa thu, những quả hồng Hạc ngọt nắng không chịu nép mình yên phận trong những chiếc sọt đan giấy đề chữ " cống " to tướng. Mùa đông cá anh vũ quẫy mình dưới nước và người dân chài nói với giặc : " Bắt mãi cá nó bỏ đi hết rồi ! ".

Gươm giáo chạm nhau xoang xoảng trước các trại quân Hán. Khiên đập vào khiên, tóe lửa. Tù và rúc, mỡ và trống nổi lên, lửa đuốc bay dài trong gió. Đêm, Bạch Hạc cháy đỏ, bùng bùng sát khí.

Cho tới một đêm, đại đồn Hán ở Gò Mai ngùn ngụt lửa. Trong ánh lửa hiện ra trước những cặp mắt kinh hoàng của giặc một người con gái uy nghi lộng lẫy như một vị nữ thần bay đến trên một chiếc ngựa ô có bộ bờm tỏa rộng vằn vện như mây bão. Người con gái có gương mặt tròn hồng tươi như hoa sen, đôi mắt long lanh, ngực mang yếm thắm ngoài bọc hộ tâm kính bằng đồng, tay vung một lưỡi kiếm sáng quắc như tia chớp. Đó, " nữ thần Bạch Hạc " theo như lính Hán đóng ở châu thường gọi. Đó, nổi khùng

khiếp của giặc, tai họa trời giáng xuống đầu bọn giặc ở châu Bạch Hạc.

Tin nữ tướng họ Đặng mà dân chúng và chính quân lính Hán ở Bạch Hạc đều gọi tôn là " nữ thần " đã làm rung động cả châu và dám đánh phá đại đồn, chém chết viên châu úy trấn đồn, tin đó đưa về tới Phủ thái thú làm Tô Định ùng ùng nổi giận. Y đưa giấy khiển trách trưởng châu và cử ngay viên đề đốc Hoàng Sùng Chính võ quan Phủ thái thú về Bạch Hạc đánh dẹp. Hoàng Sùng Chính là một mãnh tướng trước đã từng theo Hán Quang Vũ đi bình quân Ngỗi Ngao. Hoàng có sức khỏe múa được thanh đại đao nặng bốn mươi hai cân. Tô Định thường nói : " Hoàng đề đốc là thần tướng của ta ". Nay y phải cử Hoàng đi bình châu Bạch Hạc, đủ biết y cũng không dám coi thường người con gái họ Đặng.

Hoàng Sùng Chính được lệnh, nói rằng : " Con tướng đàn bà ấy có gì đáng cho quan thái thú phải lo ngại ! Hoàng này về tới châu, chúng nghe tiếng ắt phải tự trói mình đến cửa quân chịu tội ", bèn điều ngay quân đi. Về châu mười ngày, cả châu yên tĩnh. Đề đốc Hoàng lại càng muôn phần tự đắc, cho rằng " giặc cỏ " sợ uy mình đã lần trốn hết, mới nói với trưởng châu để cho quân rút. Trưởng châu tiễn Hoàng ở bến sông, rót rượu mừng. Chợt vừa lúc đó, tên bắn tới như mưa, tiếng hò reo vang dậy, các tráng sĩ phóng ngựa ập tới. Một nàng con gái mặt tròn trĩnh cưỡi con ngựa đen vút tới như gió, một nhát gươm chém cụt ngay đao của Hoàng, nhát thứ hai chém xả Hoàng làm hai mảnh đổ gục xuống chân ngựa. Quân Hoàng tan vỡ. Viên trưởng châu cởi áo bỏ mũ chạy theo dọc sông, trốn thoát được về với Tô Định.

Từ khi Nàng Nội chém Hoàng Sùng Chính, tự giữ ngôi chủ trưởng châu Bạch Hạc, uy danh rung động cả các châu huyện đất Giao Chỉ, hào kiệt các nơi cũng nhân đó theo gương mà nổi dậy. Tô Định lúng túng bị động đối phó, còn các đồn trại Hán thì run sợ, cố thủ, từ quan tới lính mỗi khi phải đi đánh dẹp đều nhớn nhác như gà con thấy bóng điều hâu.

* * *

Trưng Trắc nổi lên dựng cờ đại nghĩa, cả nước đều theo về. Huyện Mê Linh hào kiệt tuốt gươm xua giặc sạch quang. Trưng Nhị về Bạch Hạc cùng với Nàng Nội xây dựng đồn trại, luyện tập nghĩa quân. Mồng sáu tháng Giêng năm Canh Tý, Trưng chúa đem quân về tế tổ tiên ở núi Thấu Lĩnh, mồng bảy điểm quân ở bãi Trường Sa, mồng tám, lấy Nàng Nội làm Nội các văn thư trưởng quan, đặc trách việc tiếp nhận báo cáo thư từ, thảo soạn giấy tờ, được dự bàn việc quân cơ, công việc ở châu giao lại cho Hàm Thái.

Trưng nữ chúa hội quân ở Hát Môn phát động nhân dân cả nước khởi nghĩa đuổi giặc Hán, lật đổ ách thống trị gần hai trăm năm của ngoại tộc. Bình xong giặc, lên ngôi vua, Trưng vương phong cho các tướng, Nàng Nội được phong Nhập nội Bạch Hạc Thủy công chúa.

Mã Viện sang đánh chiếm nước ta, Vua Trưng cử Nàng Nội về cự giặc ở ngã ba Bạch Hạc (1).

Chú thích:

1. Nàng Nội và cha mẹ đều được thờ ở xã Minh Nông và xã Minh Phương, huyện Hạc Trì nay là thành phố Việt Trì. Ở đây còn có một cánh đồng có tên là Đồng Cô, nhân dân nói rằng đó là ruộng của Nàng Nội giao cho dân làng để thu hoa lợi thờ cúng cha mẹ nàng.

Nguyễn Khắc Xương
Nữ tướng thời Trưng Vương
LÊ THỊ HOA
NỮ TƯỚNG

Ngọn đèn dầu dọc thao thức suốt đêm thâu trong căn buồng nhỏ lặng như tờ. Gà gáy giờ Tý, Lê Thị Hoa rót thêm dầu vào đĩa đèn. Nàng vén màn nhìn các con ngủ trên giường. Bốn cậu con trai tròn mập nằm ngủ mê mê, gác cả chân lên bụng lên cổ nhau.

Khép màn lại, nàng Hoa dăm dăm nhìn ngọn đèn.

Lửa đèn vượt thẳng, im phắc như một búp sen nhỏ ti.

Chiếc màn buồng cũng im phăng phắc, và chính nàng Hoa cũng đứng im bên màn không động đậy trông như một pho tượng.

Tất cả đều yên tĩnh.

Nhưng lòng nàng Hoa lúc này đang nổi gió nổi bão. Mai Tiến chồng nàng ra đi, hay nói đúng hơn, bị áp giải đi đã gần một tháng trời rồi ! Liệu chàng có thoát được mà về chăng ? Chúng sẽ tra tấn chàng ! Chàng sẽ ra sao ? Chắc chắn chàng sẽ nghiền răng đón chịu các nhục hình và khăng khái đứng vững trước kẻ thù.

Mười tám tuổi, Lê Thị Hoa về nhà chồng. Mười năm qua nàng đã sống trong tình vợ chồng đầm ấm của một gia đình nền nếp, êm đẹp. Mai Tiến, chồng nàng, chỉ hơn nàng một tuổi, là chủ một trang trại giàu có. Chàng khôi ngô tuấn tú học rộng biết nhiều và biết cả nghề thuốc nữa. Chàng giao thiệp rộng, có phong cách hào hiệp của kẻ trọng nghĩa khinh tài. Nhà chàng là nơi các khách thương và cả bọn quan chức Việt, Hán thường lui tới.

Trong số khách của nhà chàng cũng có cả những hào kiệt lục lâm và những người bất đắc chí, nhà tan, vợ mất vì kẻ thù.

Khi đưa con út của nàng vừa hai tuổi thì Tô Định, thái thú quận Giao Chỉ, có lệnh triệu Mai Tiến đến, giao cho một chức quan nhỏ ở châu Gia Lâm. Chàng Mai Tiến ba lần từ chối đều không được, phải nhận lời.

Mai Tiến bị bắt. Phải chăng vì trong khi thi hành chính lệnh chàng đã làm trái ý Phủ thái thú để đỡ bớt nỗi phiền hà khổ cực cho nhân dân ? Hay chỉ vì vợ chàng đẹp, nhà chàng giàu mà bọn quan đô hộ thì tên nào cũng hiếu sắc, tham tiền ? hay là kẻ thù đã đánh hơi biết được những phần uất đã bao lâu dồn nén trong lòng người trang chủ trẻ tuổi đang sắp bùng lên ?

Nàng Hoa dăm dăm nhìn ngọn lửa đèn và cố gắng suy tính để lần ra đầu mối cái tai họa đã đè úp lên gia đình nàng. Có lẽ ba nguyên nhân đều đúng cả, và chính vì tất cả những điều đó mà chồng nàng đã bị bắt.

Kẻ thù muốn hãm hại chồng nàng để chiếm lấy nàng và để nhổ đi một cái gai trước mắt. Tuy chưa hành động, chồng nàng vẫn ấp ủ mưu đồ chống lại ách đô hộ ngoại tộc. Mưu đồ lớn đó chàng chỉ mới bàn cùng với vài người cốt huyết trong họ Mai và với vợ chàng. Đôi vợ chồng sung sướng nhận thấy ở nhau người cùng chí hướng và họ còn đang toan tính nước cờ phải đánh.

Giặc chưa thể biết những ý đồ lớn lao của chồng nàng nhưng điều chàng đã làm trong công việc của mình rõ ràng không vừa ý Phủ thái thú. Thêm vào đó là nhan sắc của vợ chàng, nàng Lê Thị Hoa tươi tắn, đoan trang đầy đặn và trắng trẻo làm chúng thèm muốn.

...Bỗng Lê Thị Hoa nghiêng mình nghe ngóng. Tiếng chó sủa vang rồi lại thấy chúng rít lên và im bật. Như vậy là có người quen vào sân chứ không

phải khách lạ.

Chợt có tiếng gõ cửa buồng mình.

Có tiếng nói hồi hộp nghẹn ngào :

- Mở cửa mau, bà ơi !

Cánh cửa mở ngay. Cô hầu gái và người lão bộc bước vội vào, nói nhanh với nàng Hoa :

- Ta đi thôi, có tin về rồi bà ạ, phải đi ngay !

Ba người lặng nhìn nhau, cả ba nước mắt trào ướt má.

Người lão bộc nói :

- Bà hãy nhớ ngày giỗ ông con từ nay là ngày...Được cái chúng ta cũng đã sửa soạn cả rồi, chỉ còn chờ tin hư thực. Bà đánh thức các công tử dậy. Cứ về quê ngoại nhà ta đã !

Khi nàng Hoa bước ra cổng, tay bồng tay dắt bốn con nhỏ, nàng thấy có mấy người chờ sẵn đó rồi. Một người có tuổi, mặc khách của gia đình, bước tới :

- Thưa bà, tôi từ hình pháp ty đem tin về. Mời bà ra bến, ta đi dò tiện hơn.

Trời khuya bàng bạc sương trắng, bao phủ dòng sông man mát, không biết đâu là bờ bến. Một tiếng chim đêm cất lên khắc khoải, con đò đã chìm khuất trong sương những người đứng lại bên bờ vẫn còn như nghe thấy những tiếng nghẹn ngào cố nén...

* * *

Nữ tướng ra trận, đầu chít khăn tang trắng buông dài thông sau lưng. Ngày giỗ hết tang chồng cũng là ngày Lê Thị Hoa tế cờ khởi nghĩa, khăn tang lúc này đối với nàng là dấu hiệu phục thù.

Từ ngày chồng mất, Lê Thị Hoa nóng lòng chờ lúc vung kiếm cho tắm máu thù. Mọi suy nghĩ, mọi việc làm của nàng đều hướng về một đích : trả thù ! Thanh kiếm chồng nàng để lại phải được uống máu thù thỏa thích mới hả lòng nàng.

Chồng nàng trước khi rơi đầu dưới lưỡi dao kẻ thống trị ngoại tộc đã nhắn lại nàng : " Hãy nuôi các con trai chúng ta khôn lớn và dạy chúng hoàn thành chí hướng của ta ! ".

Lời nói ấy được các khách nghĩa sĩ của nhà nàng nói lại. Nàng nói với các nghĩa sĩ : " Không phải đợi đến lúc các con tôi khôn lớn, chính tôi sẽ tiếp tục chí hướng của Mai lang ! ". Các nghĩa sĩ vui mừng nói : " Chúng tôi nguyện theo nàng và tôn nàng làm chủ ".

Quê Lê Thị Hoa ở trang Thượng Linh, sách Cao Linh, một làng lớn thuộc vùng đồng bằng trù phú, khoai nhiều, thóc sắn, có chợ, đông dân. Nàng Hoa về quê mình, mộ người, mở rộng trang ấp, thuê thuyền thoi buôn bán xuôi ngược, cùng các nghĩa sĩ cày sâu cuốc bẫm, một nắng hai sương, giúp đỡ người cùng khổ, tìm đón người hào kiệt, coi của cải như bùn đất, trợn nghĩa khí như non cao. Chẳng bao lâu Thượng Linh đã trở nên một trang giàu có và nữ trang chủ họ Lê đã nổi tiếng khắp trong châu huyện, người xa kẻ gần đều luyến mộ.

Điều Nàng Hoa mong muốn là các con nàng chóng lớn, nên người. Vợ chồng nàng sinh được bốn con trai. Vào năm chồng nàng mất, con cả Mai

Đạt mới lên chín tuổi, Mai Thỏa thứ hai lên bảy, còn hai chú sau thì Mai An năm tuổi và Mai Tứ mới lên hai, còn chưa cai sữa. Bao giờ cho các con lớn được bằng sào bằng gậy mà trả thù cho bố, các con của mẹ !

Lòng người mẹ thắt lại khi nhìn các con nhỏ dại sớm mồ côi bố. Người mẹ lo trăm việc để chuẩn bị cuộc khởi nghĩa, nhưng người mẹ cũng lo chăm sóc cho các con khỏe mạnh, dạy dỗ các con như bố chúng xưa kia, rèn luyện chúng thành những con người có khí phách, biết rằng sống khom lưng cuối đầu trước giặc nước là nhục, biết căm giận trước cảnh nước mất nhà tan, nhân dân lầm than quằn quại dưới gót giày quân đô hộ.

Các chiến hữu của Mai Tiến cùng Nàng Hoa gấp rút xây dựng lực lượng khởi nghĩa.

Mỗi làng là một trại quân. Quanh làng là hào sâu với lũy tre dày vây kín. Hào kiệt các nơi tìm về. Không khí khởi nghĩa sôi sục. Dân trói đánh một số tên hào trưởng làm tay sai cho giặc. Dân không nộp thuế, nộp lương, giao người cho giặc.

Tế chõng và tế cờ buổi sáng thì buổi chiều Lê Thị Hoa cùng nghĩa quân đánh giặc trận đầu. Chính giặc tự dẫn xác đến.

Lê Thị Hoa cưỡi con ngựa chiến lông trắng đốm xám, đầu chít khăn trắng, tay cầm thanh kiếm của chồng nàng để lại. Các nghĩa sĩ vây quanh nàng.

Gặp giặc, nghĩa quân hăm hở ào ào xông lên, miệng hét, giáo đâm quyết sống chết với giặc. Tướng giặc chưa kịp dàn trận mà cũng chưa kịp mở mồm nạt nộ thì đã bị nghĩa quân vây kín. Cũng chẳng biết là ai đã đâm tên tướng giặc mũi giáo đầu nữa. Hình như là có người kéo nó xuống ngựa và rồi hàng chục mũi giáo cùng xĩa xuống.

Về sau này, người ta đặt tên cho cánh đồng nơi quân Lê Thị Hoa đã giao chiến với giặc trận đầu là đồng Mã giặc.

* * *

Hàng ngàn người nổi lên theo Nàng Hoa. Nghĩa quân Nàng Hoa đã làm kẻ thù khiếp sợ và lúng túng. Vùng đồng bằng Thiên Bản giàu có đã trở thành đất lửa đối với giặc. Người mẹ bốn con, người thiếu phụ xinh đẹp 31 tuổi Lê Thị Hoa cầm đầu hàng ngàn nghĩa quân đã đánh bại kẻ thù nhiều trận và bà mẹ ấy vẫn mong ngày mong đêm sao cho các con chóng khôn lớn để cùng mẹ rửa thù nhà đền nợ nước.

Nhưng một năm sau, nghĩa quân dần lâm vào thế bị động, thế thủ. Các làng luôn bị giặc vây đánh càn quét. Vụ mùa năm đó, lúc lúa đồng còn mới uốn câu, giặc đã kéo về vây trang Thượng Linh và cho quân gặt lúa, cho ngựa xéo lúa. Nghĩa quân và dân các làng xung quanh cùng với trang Thượng Linh nổi tù và, trống, mõ, vác giáo mác, mang quang gánh liềm hái ra giành lúa với giặc. Máu dân các làng, máu giặc tưới ướt đồng. Giặc theo dân chạy lúa tràn được vào làng trang Thượng Linh kịch chiến với giặc trong từng ngõ xóm. Giặc tung thêm quân cứu viện về. Nghĩa quân và dân làng cố chống giữ. Giặc đốt phá và bắt đi hàng chục người, cả tráng đinh, đàn bà và người già cả.

Giặc rút, để lại làng tan hoang đẫm máu và một cánh đồng lúa tươi bời.

Từ sau " trận lúa " như dân vẫn thường gọi, quân khởi nghĩa đã bước vào một tình thế khó khăn. Lúa mất, màu cũng chẳng còn. Giặc luôn vây đánh. Giặc cấm bến cấm chợ. Tháng 10 năm ấy, bệnh sởi lan tràn khắp vùng. Làng nào, nhà nào cũng có người ốm. Tháng 10 mà làng phải ăn cháo lúa non, vì phải dè xén cho tới vụ chiêm.

Lê Thị Hoa bồn chồn lo lắng. Các con nàng đều bị sởi hành hạ. Nàng vừa

trông nom các con, vừa lo việc quân việc làng, mắt trũng sâu vì những đêm thức suốt và trên vầng trán thanh khiết mịn màng đã mờ in những vết nhăn của lo âu. Nàng Hoa họp các đầu lĩnh cùng bàn.

Người nói đi người bàn lại. Điều làm Nàng Hoa vui lòng là các đầu lĩnh đều giữ vững lòng hăng hái và khí phách kiên cường. Nhưng cứu gỡ được cái tình thế tuyệt vọng này bằng cách nào thì chưa ai có mưu lược gì hay cả.

Một nữ đầu lĩnh là em họ của Mai Tiến nói : " Cứ ý tôi thì đồng bằng trống trải không phải là đất cự giặc lâu dài. Chúng ta phải tìm đất khác mới được "

Lê Thị Hoa gật đầu, trầm tư suy nghĩ.

Một tháng sau, địch dồn nghĩa quân khỏi Thiên Bản và quét vùng đồng bằng. Nghĩa quân lúc này chỉ còn chưa được một trăm người, rút về động Hoa Lư. Lê Thị Hoa cử nàng Mai Lan và một số đầu lĩnh ở lại đó lập căn cứ chờ đợi thời cơ, còn nàng mang bốn con nhỏ cùng với các nghĩa sĩ đi sâu vào quận Cửu Chân núi rừng xanh ngắt.

* * *

Một động nhỏ dăm bảy nóc nhà sàn lợp xúp nằm ven bìa rừng già với những người dân miền rừng xanh xao, sống với nước khe, củ rừng và thịt thú.

Đây là rừng hoang nguyên thủy. Lim tày ôm, lá nhỏ và dày một màu xanh tốt đứng chen nhau như lau. Những cây ngát cây vang gỗ vàng, như những người khổng lồ chen bước nhau muốn vượt lên ngọn núi. Rừng dẻ xòe tán hoa vàng, mỗi mùa thu gọi đến hàng bầy vẹt sặc sỡ và những chú sóc lông xám và sáo bay. Cây lao xao ngạo nghễ vươn thân hình cao vút, da mốc

trắng. Rồi nào bấp nước, rùa, trẹo, thừng mực, lem, chò, xoan đào, sài, sến, táu và cơ man nào là cây gỗ quý và các loài cây chưa có ai đặt tên và cũng chưa ai biết đến bao giờ. Con báo lông vàng pha hoa đen lim dim mắt trên cành cao. Con trăn đất lười biếng như một thân cây mực im lìm ngủ suốt ngày bên những tảng đá lớn xanh rêu. Đàn trâu rừng hàm rú lông dài, chạy ầm ầm đến bên khe đầm mình làm đục ngầu dòng khe trong vắt. Khi từng đàn kiếm ăn từ rừng này qua rừng khác, kêu chí chỏe, nghịch ngợm.

Những người của đồng bằng Thiên Bản đứng trước núi rừng hoang dại cảm thấy thiên nhiên lớn lao biết bao còn họ thì nhỏ yếu. Họ như bị rừng nuốt chửng. Rừng như đe dọa và thánh thốt. Nhưng người mẹ bốn con trong bọn họ nói : " Chúng ta ở lại đây và rừng sẽ che chở chúng ta ! ". Từ đó, rừng chịu thua ý chí của người mẹ, phục tùng và che chở cho người mẹ.

Những người của đồng bằng đến đây đúng vào lúc lá khô vàng trải đầy mặt đất và hoa dễ thơm rừng. Khi rừng rời rợi xanh lộc non và lá rừng mượt xanh mỡ màng thì một trại mới được dựng lên, nhà sàn mái lá. Người mẹ đặt tên trại mới theo họ của bốn đứa trẻ. Trại mới có tên là trại Mai.

Người mẹ nói : " Làm sao mà ăn mãi củ rừng và thịt rừng ? Chúng ta hãy rú dân động cũ cùng chúng ta làm nương và trồng lúa ". Mọi người vui vẻ làm theo lời người mẹ. Đất rừng trinh nguyên, đất đen tươi xốp dày mùn lá trở mầm lúa mới xanh mơn mớn.

Con người cũng như lúa, gặp đất tốt và được chăm bón thì lên nhanh và khỏe. Ngày lui tháng tới các con của Nàng Hoa đều đã lớn khôn.

Năm Mai Đạt 22 tuổi thì dân châu Nga Sơn đều đã quy phục người mẹ bốn con. Các chiến hữu của Nàng Hoa từ Thiên Bản và Hoa Lư tìm đến với nàng. Họ chờ đợi hội giết giặc đã bảy năm rồi mà họ vui mừng nhận hịch của Trưng nữ chủ từ Mê Linh kêu gọi họ đứng dậy diệt thù.

Tuân hịch hai Bà Trưng, Nàng Hoa mang quân từ núi Nga Sơn tiến ra đuổi giặc. Cả quận Cửu Chân rung động theo bước đoàn quân (1).

Chú thích:

1. Lê Thị Hoa người đạo Sơn Nam, huyện Thiên Bản, nay về tỉnh Nam Hà, bố là Lê Thái và mẹ là Dương Thị Tạo. Nàng nổi lên chống giặc trả thù chồng ở quê mình. Sau khi thất bại, nàng không hề nản chí, lánh vào quận Cửu Chân, huyện Nga Sơn (Thanh Hoá) kiên trì xây dựng căn cứ tập hợp lực lượng trong bảy năm để tiến theo Hai Bà Trưng đánh đổ ách thống trị ngoại tộc ngót hai trăm năm đè nặng lên dân Việt.

Theo tài liệu Ty Văn hoá Thanh Hoá thì nơi mà Lê Thị Hoa tìm đến để khai khẩn đất hoang, chuẩn bị lực lượng khởi nghĩa ở Thanh Hoá là làng An Hội. Sau khi nhân dân ta giành lại được độc lập dân tộc và Bà Trưng Trắc lên ngôi vua, bà Lê Thị Hoa cùng bốn con trở lại Nga Sơn để xây dựng vùng này thành một nơi dân cư đông đúc, trù phú và bà mất vào mùa xuân năm sau, ngày 25 tháng hai âm lịch.

Nguyễn Khắc Xương
Nữ tướng thời Trưng Vương
HỒ ĐỀ
PHÓ NGUYỄN SOÁI

Hồ Công An ở trang Đông Cao là dòng lạc hầu, Tô Định gọi ra cho làm một chức quan ở quận, ông từ chối không nhận. Hồ Công An làm bạn với Bạch Thị Phương, con quan lạc tướng Bạch Thái Hoa.

Hai vợ chồng Hồ tướng công sinh được một gái một trai. Nàng Hồ Đề là con gái đầu lòng, vóc người cao lớn, có sức khỏe hơn người, mặt tròn như vành trăng rằm, mắt sắc, lông mày đen nhánh. Em trai Hồ Đề là Hồ Hác có tài bơi lội như cá, có thể quẫy mình dưới nước hàng buổi không mệt. Bạch Thị Phương là con nhà tướng, võ nghệ tinh thông ; bà chú ý dạy các con mọi đường cung kiếm, lại đón thầy về dạy con các môn đao kích. Bà vẫn thường răn bảo các con : " Tô Định giết quan huyện lệnh Chu Diên Đặng Thi Sách là người trung nghĩa, sát hại nhiều con em dòng lạc hầu, lạc tướng. Dân ta bị giặc róc xương hút tuỷ, oán giận đầy lòng. Ngày bại vong của chúng chẳng chóng thì chầy rồi cũng tới nơi. Lúc này chính là lúc các con cần đến võ lược. Việc học tập, các con phải chuyên cần, không được trễ nải ". Hai chị em đều ghi nhớ lời mẹ dạy, sớm hôm luyện tập, mong có dịp báo đền nợ nước.

Một hôm có đoàn buôn ngựa đi qua trang, một con ngựa đen cao lớn đuôi quét đất, bờm dày như đám mây đen, chột lông lên, không ai bắt nổi. Con ngựa chạy tới cổng trang trại họ Hồ, tung vó đá hất, gia nhân nhà Hồ công bắt giữ hộ những người lái ngựa mà bắt không được. Nàng Hồ Đề thấy tiếng huyền náo, chạy ra. Con ngựa đen đang chồm lên, quàn nát cả vườn hoa gần cổng trang. Một người gia nhân bị con ngựa đá hậu nằm lăn trên mặt đất, nhưng con ngựa quàn dữ quá, không ai vào cứu được người gia nhân ấy đưa ra.

Nàng Hồ Đề bèn xắn cao tay áo rảo bước đến bên con ngựa, vươn tay ấn đầu ngựa xuống. Con ngựa lồng lộn lắc đầu, bồm bay cuồn cuộn, hất tung vó sau vẫn không thoát nổi bàn tay của Hồ Đề. Hồ Đề nhẹ nhàng nhảy lên mình ngựa, giật nhẹ giây cương. Ngựa tung vó trước, chột ngẩng cao đầu hí một tiếng dài, vụt lao đi như bay. Một lúc sau Hồ Đề dong ngựa quay lại, nét mặt vẫn tươi tỉnh như thường. Mọi người vui mừng reo vang. Người trùm phùng buôn ngựa nhìn ngắm Hồ Đề thấy tướng mạo khác thường, hỏi biết Hồ Đề là con nhà tướng, liền kính trọng dâng con ngựa đen ấy cho Hồ Đề. Hồ Đề không nhận. Người đó nói : " Nữ anh hùng phải được con chiến mã hay mới có thể vùng vẫy được trong thiên hạ. Để con ngựa này về tay quân đô hộ ngoại tộc kia chẳng hoá lại làm lợi cho chúng hay sao ? ". Hồ Đề nghe hợp ý, vui vẻ nhận ngựa, đem ba mươi tấm lụa trao lại cho người lái buôn. Người lái buôn ngựa không nhận, nói rằng : " Sau này nàng gặp dịp đặc ý chớ quên ta ".

Được vài hôm sau, có công sai của Tô Định đến triệu Hồ Công An về quận sở, nói là để bàn việc. Hồ Công An nghi ngại, ngờ rằng câu chuyện con gái trị ngựa bất kham đến tai Tô Định nên Tô Định e sợ mà muốn tìm cách triệt ta chẳng ? Hồ tướng công mới từ tạ với sứ là đang yếu mệt không đi được. Tên sai sứ hống hách đập bàn xô ghế dọa nạt, lại đòi ăn lễ. Vừa lúc đó Hồ Đề nường đi tập ngựa về. Đứng ở cửa nghe một lúc, mặt giận đỏ bừng, lông mày dựng ngược, đôi mắt lóng lánh, nàng xô cửa bước vào, túm ngay lấy ngực tên quan của Phủ thái thú, nàng chỉ mới tát cho nó hai chiếc, tên giặc kia đã hộc máu năm dẫy trên mặt đất. Bọn lính đi theo cũng bị Hồ Hác mới mười lăm tuổi đánh cho chạy tán loạn. Ông bà Hồ Công An vội mắng hai con, xin lỗi bọn quan quân Tô Định, dọn cơm rượu cho chúng và đưa đồ lễ về cho Tô Định.

Sau khi tên sứ của Tô Định hậm hực ra về, ông bà Hồ Công An nghiêm khắc răn mắng hai con. Ông lo nghĩ về việc Tô Định đang để ý hại mình lại nhớ mối thù Thi Sách và các chiến hữu của mình bị giết, uất ức thành bệnh nặng, vài tháng sau ông mất. Làm tang cho chồng xong, Bạch Thị Phương

biết Tô Định không thể nào để mẹ con mình sống yên ổn mới gửi lại trang trại, cùng hai con và một số gia nhân thân tín tìm chốn ẩn náu.

* * *

Động Lão Mai nằm giữa một thung lũng lớn mùa xuân trắng hoa mai, mùa hè vàng quả chín. Những quả mai vàng thơm mát rụng đầy đất đầy khe chẳng ai buồn nhặt. Hơn ba chục nóc nhà sàn rải rác dọc một con suối lớn, suốt ngày đón gió vì thung này nằm dọc hướng Đông Nam. Động Lão Mai là một động lớn trong số 72 động của núi rừng Thiên Sơn, ở đây nhà nào cũng có trâu đàn, nghé bầy, có gà đầy sân, lợn dăm bảy con thả rông quanh nhà. Dân phát nương tra ngô và lúa. Vùng này có nhiều thú rừng nên trâu không được thả xa, cho đeo mõ và thả gần động. Nhà nào cũng có nỏ và giáo, mùa đông lấy da thú làm chiếu nằm. Dân động thật thà, hiếu khách nhưng tính tình hung tợn, ưa sự đánh nhau với các động khác, thường chỉ vì một con thú săn mà đến đổ máu. Con gái cũng phóng lao bắn nỏ như trai.

Chúa động Lão Mai là một nữ tù trưởng họ Hoàng, tuổi đã ngoài 60, người ốm yếu, theo tục lệ chồng mất được cầm quyền thay chồng vì không có con. Nữ chúa động tin cậy thương yêu ba mẹ con Bạch Thị Phương. Bà nhận Hồ Đề và Hồ Hác làm con nuôi, giúp cho ba mẹ con và các gia nhân một chiếc nhà sàn năm gian, lại cấp cho trâu, lợn làm vốn liếng.

Một hôm, bà Bạch Thị Phương đem việc lớn bàn với các con : " Chúng ta ở đây là nơi hẻo lánh, giặc Hán không với tới, lại được dân tin yêu, đó cũng là điều đáng mừng. Nhưng chúng ta đâu phải tìm chốn yên thân, mà phải tính đến mưu đồ đại sự. Vậy các con có kế sách gì hay nói cho mẹ nghe ". Hồ Hác hăng hái thưa : " Dân động đều thạo tên nỏ lại ưa sự đánh nhau. Ta cứ kể rõ đại nghĩa cho họ rồi kéo quân lên đánh phá châu lý, kể bắt trời ngay thẳng châu úy lại, thế là các động đều quy phục theo ta. Việc lớn gì chẳng thành ? ". Bà Bạch và Hồ Đề cười. Hồ Đề suy nghĩ một lúc rồi thưa mẹ : " Em con nói cũng có phần đúng. Thế nào mà chả có lúc trời châu úy, phá châu lý. Nhưng đó là việc về sau. Con nghĩ lúc này phải kết giao hào kiệt, xây dựng nghĩa quân, không biết ý mẹ thế nào ? ". Bà mẹ nói : " YÙ

con rất hay. Vùng Thiên Sứ này đất rộng và hiểm, dân thuần hậu chất phác, phóng khoáng không chịu mọi sự ràng buộc cho nên giặc Hán cũng không gò thắt được. Đó là những điều thuận lợi cho ta. Mẹ thấy dân các động đều thiếu muối ăn, phải đốt nửa mà ăn tro để lấy chất mặn, lại thiếu cả chỉ thêu và dao, cuốc. Vậy chúng ta phải mở con đường vượt qua Tam Đảo trở về bên quê đem những thức đó về bên này rồi dựa vào đó mà đi lại các động, con nghĩ thế nào ? ". Các con đều vui mừng, khen mẹ tài giỏi mưu trí. Ba mẹ con cùng cười. Bấy giờ Hồ Hác nhận cùng gia nhân trở về bên quê đem hàng sang Thiên Sứ. Còn Hồ Đề cùng hai gia nhân gái sẽ đem hàng đi đến các động đổi gạo, lấy gà để thăm dò tình hình và kết giao với các chúa động.

Hồ Đề dong con ngựa ô thồ muối và các thứ hàng đi đến các động, vừa đổi vừa biếu, thăm hỏi tình hình các động. Nàng được biết trong số 72 động chúa, quá nửa là có điều bất bình với giặc Hán. Chỉ có một số nhỏ làm tay chân cho giặc, còn lại một số thì giặc bảo sao làm vậy, cốt được việc cho yên thân. Hồ Đề có một vẻ đẹp đoan trang, nàng lại tôn trọng phong tục các động, lại biết dân các động vốn ưa người vũ dũng nên cũng không dấu tài nghệ của mình, có khi nàng theo họ săn hổ rượt nai, có khi cùng họ ném lao bắn nỏ. Dần dần nàng được các chúa động mến phục và dân các động tin yêu. Từ đó, nàng chọn người để kết giao, bàn việc lập căn cứ và không tuân theo những lệnh bắt phu nộp cống của giặc Hán.

Cũng nhờ đi lại quen biết các chúa động, Hồ Đề đã ngăn được nhiều cuộc xung đột đẫm máu vẫn thường xảy ra giữa dân các động thuộc các tộc khác nhau. Hồ Đề lại tổ chức ở Lão Mai một đội nam binh và một đội nữ binh, dạy dân cày vỡ các tràn ruộng độc để lấy thêm lương thực. Trước kia, dân các động phải đi hàng ngày trời về châu lỵ mua dao cuốc. Những dụng cụ bằng sắt mà hư hỏng là đều vứt bỏ không dùng nữa. Nay, Hồ Đề lập một lò rèn ở Lão Mai với hai bể rèn. Các động xung quanh đến Lão Mai rèn dao cuốc, sửa chữa các dụng cụ hư hỏng, rồi lại rèn mũi mác, đầu lao. Trước kia, lò rèn chỉ có ba gian bên suối, sau lại nối thêm hai gian nữa, thêm một

bế rèn giao cho một người cháu của bà chúa động. Người này cũng tinh khôn và chịu khó, được Hồ Đề và Hồ Hác hướng dẫn tận tình. Hồ Đề, Hồ Hác ân cần tiếp đón mọi người, lấy năm gian lò rèn bên suối Mai làm nơi gặp mặt với những người có chí khí, cùng mưu những việc khuấy nước chọc trời.

Công việc đang thuận chiều như ngọn lửa mới nhen được gió thì bà Bạch Thị Phượng bị bệnh mất. Hai chị em Hồ Đề vật vã khóc lóc. Dân động Lão Mai ai cũng thương tiếc bà mẹ hiền từ. Nhiều chúa động và những người quen biết xa gần đến viếng tang. Năm ấy Hồ Đề vừa tròn hai mươi tuổi.

Một đêm, bà chúa động Lão Mai cho vời Hồ Đề đến mà nói : " Nhân dân ta đồn rằng ai bắt được con voi trắng chéo ngà của núi rừng Thiên Sứ thì sẽ được làm vua Thiên Sứ, con có nghe chuyện ấy không ? ". Hồ Đề gật đầu thưa : " Đó là lời ngoa truyền mà thôi, người ta còn nói đó là " voi thần " nữa kia. Nhưng đã ba năm nay con ở đất này đi đã nhiều động, chưa thấy chúa động nào nói đã từng được nhìn thấy voi trắng chéo ngà bao giờ ". Bà chúa động hạ thấp giọng : " Có, chính chồng ta được nhìn thấy nó rồi. Và những người theo chồng ta được nhìn voi trắng hầy còn. Con voi đó không có đàn, không rõ nó ẩn náu ở đâu. Thịnh thoảng cũng có người gặp nó nhưng chưa ai săn được. Vả lại dân Thiên Sứ vẫn tin rằng đó là bộ hạ của thần núi, cũng không ai dám động đến nó ! ". Hồ Đề lại hỏi : " Đã tin là voi của Sơn thần sao còn nói bắt được nó sẽ làm vua Thiên Sứ ? ". Bà chúa động mỉm cười : " Phải, không ai dám săn nó, nhưng nếu nó theo ai thì sao ? Nếu như Sơn thần cho nó theo một chúa động nào, chúa động đó sẽ được cả Thiên Sứ thần phục, tôn làm đại vương ". Bà im lặng một lúc, nhìn sâu vào mắt Hồ Đề : " Ta già rồi, cả động này không có ai sánh với con được. Dân các động cần có một người cầm đầu của mình chứ không phải là tên châu úy người Hán tộc hung ác và tham bạo. Họ Dương chồng ta vốn không biết luân cú, vẫn bị bọn chúng hiếp đáp. Chồng ta chết, chỉ tiếc không có con trai để rửa nhục cho dòng họ. Con ạ, dân các động phải có một người làm chủ. Còn con voi trắng chéo ngà... ", bà ghé mặt sát vào

mặt Hồ Đê : " Voi trắng chéo ngà đã về trên đất đai của động ta rồi ! ".

* * *

Ngược con suối Mai chảy dọc theo thung lũng, đi lên khoảng chừng sáu dặm có một thác nước từ đỉnh một ngọn núi cao có tên là núi Sọ đổ ra, ngày đêm tiếng nước reo vang như trống trận, dân gọi là thác Bạc. Từ bờ khe lên tới thác phải mất một buổi leo một dốc đá gần dựng đứng, người leo dốc luôn phải ngửa mặt lên, vì thế có tên là dốc Cài Hàm. Mé trên thác Bạc có một hang lớn nhưng ở dưới nhìn lên không sao thấy được. Nước nguồn từ hang này đổ ra tuôn thành dòng thác. Hang không có tên. Xung quanh hang là rừng già xanh ngắt bốn mùa mây phủ, không từng có dấu chân người. Con voi trắng khổng lồ có đôi ngà bắt chéo vẫn tìm đến hang đầu nguồn này để tránh cái oi bức của mùa hè.

Các chúa động tin rằng người nào thu phục được con voi trắng chéo ngà là người ấy được Sơn thần chọn làm chúa các động và vì thế một người nào bắt được con voi ấy sẽ được các động một lòng tôn xưng làm Thiên Sứ đại vương và dốc lòng thần phục.

Hồ Đê cùng một số những trai tráng và nữ binh gan dạ khỏe mạnh nhất trong động đi xem xét dấu của " voi thần " và tìm hiểu giờ giấc nghỉ ngơi của nó, những đường nó hay đi lại, những chốn nó thường đến tìm ăn...Sau bốn ngày dò xét, Hồ Đê quyết định mở cuộc vây bắt " voi thần ". Năm chắc phần thắng lợi và có dụng ý sâu xa, nàng thưa với bà chúa động cho người đi mời các chúa động xa gần đến dự hội đón " voi thần ". Tin ấy đưa đi các chúa động đều giật mình kinh ngạc và sắm sửa vôi vàng đến động Lão Mai.

Động Lão Mai suốt ngày đông khách. Khách đến, mang theo nhiều thức quý để mừng chủ nhân : vòng đeo tay bằng bạc trắng ngần, hạt đeo cổ bằng ngọc trong suốt, sừng tê lông lánh, ngà voi trắng phau, hổ phách vàng trong như giọt mật ong. Mùa này, ở Lão Mai quả mai nở vàng rừng, rừng mai dâng quả mời khách. Tiếng kèn tiếng trống vang rộn từ sáng sớm tới gần nửa đêm. Mọi người đều chờ đợi một điều kỳ diệu : ngắm " voi thần " và

người thu phục được con voi khổng lồ đó.

Suốt ngày hôm ấy, Hồ Đề, Hồ Hác cùng những người theo săn vẫn bám sát voi. Tới nửa đêm, đoàn người thắt vòng vây quanh hang Thác Bạc...

Khi mặt trời đỏ rực vừa hiện lên ở đằng Đông trên những dải mây màu da cam và màu vàng lửa, một hồi trống đồng vọng đến rồi có tiếng tù và rúc lên như xoáy vào lòng người. Mọi người ùa ra đứng ở hai bên khe, trên con đường chạy dọc bản, trên các sân sàn, hồi hộp nhìn về phía thượng nguồn. Từ phía đó, một đoàn người đang đi đến... Các dũng sĩ nam và nữ cầm giáo dài mang nỏ lớn vây quanh một con voi trắng khổng lồ trông đồ sộ như một quả núi đang di chuyển và họ vừa đi vừa múa giáo theo nhịp trống đồng. Hồ Đề ngồi trên lưng voi, tươi cười hớn hở, tay cầm lao dài tay cầm búa bạc, áo xanh yếm đỏ, rực rỡ như mặt trời. Mọi người hò reo mừng rỡ, chúc tụng Hồ Đề, đều tôn xưng Hồ Đề là thần nữ. Từ ngày đó, uy danh Hồ Đề lừng lẫy khắp các động.

Mùa đông năm ấy, nữ chúa động Lão Mai mất, dân động cùng một lòng tôn Hồ Đề làm chúa. Mùa xuân năm sau, các chúa động họp nhau ở Lã Mai, cùng tôn xưng Hồ Đề là Thiên Sứ đại vương.

Thiên Sứ đại vương mới 21 tuổi đã phải lo lắng mọi công việc của 72 động, lo đối phó với giặc Hán, lo lương thực và khí giới, nhất là đại vương lo hòa hợp các động cùng nhau một dạ một lòng.

Tới mùa xuân năm sau, châu úy đem quân " tiểu phạt " động Lão Mai. Hồ Đề phục quân 3 động đón địch ở đường hẻm Trâu Luồn, đánh cho địch một trận thất điên bát đảo. Châu úy đem tàn quân chạy về châu ly, cấp báo về Phủ thái thú. Phủ thái thú điều quân đến Lão Mai cũng bị Hồ Đề đánh cho đại bại. Viên châu úy bị bắn từ trên ngựa ngã nhào xuống đất. Quân ta ùa ra bắt lấy, chặt đầu làm lễ tế cờ. Từ đó 72 động đều theo về với Đại vương. Phủ thái thú cử châu úy khác về thay trị nhậm đất Thiên Sứ, và giặc giã

phải cử binh dẹp cho bằng được " Giặc Lão Mai ". Nhưng rừng núi mênh mông, giặc tới đâu nghĩa quân đều biết, giặc có bao nhiêu quân số nghĩa quân đều hay, nghĩa quân đón dọc đường, núp trong rừng mà bắn ra rồi múa đao áp sát đánh giáp lá cà, không trận nào không thắng.

Danh tiếng Hồ Đề là " vua Thiên Sứ " bay khắp các châu quận, ngày càng có nhiều hào kiệt các châu tìm đến xin theo Hồ Đề.

Khi được tin Hai Bà Trưng tụ nghĩa ở Mê Linh, Hồ Đề họp các chúa động, nói : " Ta ở một vùng rừng núi này chỉ có giữ mà không có đánh, lập giang san riêng ra khỏi vòng ràng buộc của giặc nhưng không quét được giặc, như vậy vẫn là không thoát khỏi lưới giặc. Nay có Trưng nữ chủ khởi nghĩa ở Mê Linh, anh hùng bốn phương đều hướng về nữ chủ. Nữ chủ là cháu ngoại các Vua Hùng, là vợ góa của Đặng công Thi Sách, quan huyện lệnh Chu Diên. Nay Trưng nữ chủ đã truyền hịch cứu nước đi khắp các nơi, ta phải theo về với nữ chủ mới thu phục được giang sơn, cắt được ách áp bức của giặc Hán ". Mọi người đều cho là phải, chọn ngày tốt làm lễ tế cờ ra quân. Các động đều hăng hái theo Hồ Đề, đeo nỏ cặp giáo đợi giết giặc. Hồ Đề cầm cờ xanh cưỡi voi trắng cùng hai nghìn nghĩa binh các tộc miền núi về Mê Linh hội quân với Trưng nữ chủ.

Trưng nữ chủ gặp Hồ Đề, thấy Hồ Đề khí phách anh hùng, tuổi còn trẻ mà thu phục được các động miền núi rừng Thiên Sứ, giang sơn một cõi, nữ chủ hết lời khen ngợi, đem việc lớn bàn với Hồ Đề đều được vừa ý. Nữ chủ thương Hồ Đề là con của lạc hầu Hồ tướng công, người đã dự mưu cùng chồng mình chống Tô Định nên coi Hồ Đề như ruột thịt. Hồ Đề kính phục dâng voi trắng lên nữ chủ. Nàng đem quân miền núi theo Hai Bà về Hát Môn tế cờ.

Hồ Đề được Trưng nữ chủ phong chức Phó nguyên soái đứng đầu hàng nữ tướng, ngang chức với Bà Trưng em. Hồ Đề ba lần từ chức không dám nhận, Trưng nữ chủ nhất quyết giao ấn, Hồ Đề phải vâng lời.

Trưng nữ chủ tự lĩnh Đại nguyên soái, thân chỉ huy các đạo quân tiến đánh Tô Định rất gấp. Hồ Đề hạ lệnh cho quân lấy gạo nếp giã bánh dày làm lương khô.

Quân các bản các động theo Phó nguyên soái Hồ Đề tới gần một vạn người.

Hồ Đắc là em Hồ Đề được giao chức Điều vát tướng quân chuyển vận binh lương ở miền bể. Người tráng sĩ đã tặng Hồ Đề con ngựa đen tìm đến theo Hồ Đề được phong phó tướng dưới quyền của Hồ Hác.

Khi nước đã yên, Bà Trưng lên ngôi vua, Hồ Đề được phong công chúa, trước gọi là Đề nương công chúa sau cải là Đào nương công chúa.

Mã Viện vâng lệnh Hán đình cầm quân xâm phạm nước Nam. Vua Trưng hạ lệnh các đồn ải phải nghiêm phòng cẩn mật, lại lệnh cho chặn đánh giặc ở các ngã. Phó nguyên soái Hồ Đề ra quân, đánh trận nào, giặc thua trận ấy, có lần đại chiến với Mã Viện đuổi Mã Viện chạy dài ở Cao Bằng. Mã Viện còn đang cơn hốt hoảng, Hồ Đề gấp tiến quân không cho giặc nghỉ, bao vây Mã Viện.

...Sau khi Trưng Vương đã tử tiết, Hồ Đề vẫn còn cầm quân chống giặc. Có lần tìm về nơi Trưng vương mất để viếng mộ phần, Hồ Đề không phòng bị gặp Mã Viện đánh bất ngờ. Hồ Đề không chống cự lại được với quân Mã Viện lớp lớp vây kín, mới cố đánh mở đường chạy tới bờ sông Nguyệt Đức bến Tân Thứ. Trước mặt sóng nước mênh mông, sau lưng giặc đuổi sắp tới, Hồ Đề hét to một tiếng, nước rẽ ra đón cả người lẫn ngựa.

Hồ Hác binh đơn thế yếu, nghe tin chị đã tử tiết cũng tử tiết theo, lấy nước làm nơi gửi thân.

Chú thích:

1. " Thiên Sở " nói trong truyện trên ngày nay là tỉnh Thái Nguyên. Hồ Đề và Hồ Hác đều được thờ ở đền Nhà bà và đình thôn Đông Cao, xã Tráng Việt, huyện Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Phú.

Nguyễn Khắc Xương
Nữ tướng thời Trưng Vương
XUÂN NƯƠNG
TRƯỞNG QUẢN QUÂN CƠ

Châu Đại Man là một châu lớn, đất có núi đồi sông bãi, dân có vùng thấp vùng cao. Vùng cao ở nhà sàn, cơm nấu trong ống tre, phóng tên săn thú, đốt rừng làm rẫy. Vùng bãi và đồng, cấy lúa nước, chăn tằm trồng dâu, quặng chài thả lưới. Chủ trưởng châu tên là Sát, dòng họ Hùng, lấy Đinh Thị Hiên Hoa là người đẹp ở rừng núi, con nhà lang có quyền thế trong châu. Hiên Hoa được Hùng Sát yêu quý, lập làm chính thất, bảy lần có mang đều sinh con giai, người nào cũng khỏe mạnh đẹp đẽ.

Năm ấy, nhân buổi trăng hè sáng tỏ, bà Hiên Hoa bảo các nữ hầu hát múa làm vui. Đinh Thị Hiên Hoa mặc áo mỏng, gõ phách hát theo các nữ tù rồi cùng uống rượu ăn bánh, vui chơi ở lầu cao phía Đông. Tới canh ba, hương hoa thơm ngát, gió mát hây hây thổi về, ánh trăng lấp lánh lá cành. Hiên Hoa tựa mình vào bao lơn thiu thiu ngủ ; Chợt một người con gái xinh xắn khoảng mười ba tuổi, mặc áo đỏ cài thoa vàng, cười mây hồng, mây tía hạ xuống trước lầu. Hiên Hoa mừng rỡ ôm lấy người con gái, đồn dập mà rằng : " Em ở đâu lại đây, ở đâu lại đây ? Tốt thay ! Đẹp thay ". Người con gái mỉm cười nói : " Con được Trời cho xuống làm con phu nhân đấy ! " nói đoạn, ngoắt mình chạy đi ; Hiên Hoa vội đuổi theo chẳng ngờ bị vấp ngã, giật mình tỉnh giấc mới biết chỉ là mộng, tự nghĩ mình vì quá ao ước nên mộng thấy. Hay có thể ta cũng sẽ được một người con gái xinh đẹp như trong mộng thật chẳng ? Đang cơn bồi hồi nghĩ ngợi thì chủ trưởng đến lầu. Hiên Hoa đem câu chuyện mộng vừa qua kể lại với chồng. Ông chỉ cười, hai vợ chồng cùng tựa lầu ngắm trăng đón gió, truyền cho các thị nữ được lui về nghỉ.

Mồng hai tháng giêng năm Giáp Thìn, bà Hoa sinh được một gái, nhân đề vào mùa xuân, mới đặt tên con là Xuân, lại đặt hiệu là Hoa. Sinh con được

một trăm ngày, Hiên Hoa mất. Vị chủ trưởng tìm người bế ẵm và cho Xuân bú sữa, nhưng Xuân không chịu bú một người nào, bố và các anh phải ép nước mía thay sữa bón cho Xuân. Tới khi đầy tuổi tôi, Xuân lại không chịu ăn cơm, chỉ thích củ mài và nước mía.

Họ Hùng giữ ngôi chủ trưởng châu Đại Man cha truyền con nối, có ân có uy, truyền tới Hùng Sát là đời chủ trưởng thứ mười, trong nhà có mười chiếc trống đồng của mười đời chủ trưởng. Hùng Sát tính nghiêm mà nhân, thường lo nghĩ việc nước, nung nấu mối thù giặc Hán cướp cơ nghiệp họ Hùng, căm giận Tô Định càng ngày càng hống hách tham tàn. Một hôm Hùng công cưỡi ngựa dạo chơi với người con giai trưởng là Hùng Thắng, nhân lúc vắng vẻ, bảo con rằng : " Ta có bảy con trai đều có khí phách anh hùng, con là trưởng con sẽ nối nghiệp cha mà cầm quyền ở châu. Con có muốn cúi đầu khếp áo mãi mà thờ Tô Định chẳng ? " Người con trưởng vòng tay xin cha chỉ bảo. Hùng công thông thả nói : " Tổ tiên xưa dựng nước biết bao khó nhọc, nay để dị chủng dày xéo giang san gấm vóc, thực đáng đau lòng. Ta già rồi, mỗi khi nghĩ tới lúc gặp gỡ tổ tiên không khỏi hổ thẹn. Đặng công Thi sách là huyện lệnh Chu Diên đất rộng dân đông, uy quyền lắm liệt, chính là hào kiệt ở đời này. Người ấy có chí lớn xoay chuyển thời thế đấy, con hãy nhớ lấy ".

Được ít lâu sau, vào ngày mười hai tháng mười, Hùng công mất, con trưởng lên nối quyền, giao các em lĩnh chức thổ quan cùng trông nom đất đai của tổ phụ. Năm ấy Xuân nương mới mười ba tuổi.

Vị chủ trưởng mới thương dân lo việc, được các em kính phục vâng lời, dân chúng thuận theo. Hùng Thắng chăm sóc thương yêu Xuân nương quý em như vàng. Xuân nương càng lớn càng xinh, đàn hay vẽ đẹp, thông minh tuyệt vời, đọc sách chỉ một lượt là thuộc. Hùng Thắng thấy em nghiêm nghị đoan trang, ít cười ít nói, nghĩ rằng em buồn vì nối sớm mồ côi cả cha mẹ nên lại càng thương. Nhân nghĩ tới việc lớn, Hùng Thắng đem các môn võ nghệ cùng những cách bày binh bố trận truyền dạy cho Xuân nương, lại

thường nói với các em rằng : " Múa giáo giương cung, luyện tập sĩ tốt, đó là việc của người hào kiệt buổi này ". Tới năm Xuân nương mười sáu tuổi, tươi đẹp như đoá hoa hồng, đường cung mũi kiếm đều tinh thực thì Hùng Thăng bị Tô Định sát hại.

Nguyên là Hùng Thăng đã bí mật liên kết với Thi Sách huyện lệnh Chu Diên cùng mưu chống Tô Định. Thi Sách tiếp Hùng Thăng ở tư dinh căn ngón tay rỏ máu vào chén rượu rồi chia đôi cùng uống, thề không đội trời cùng giặc Hán. Mọi việc làm của Thi Sách bị Tô Định dò biết. Định thăm sát các người dự mưu với Thi Sách. Hùng Thăng bị Tô Định bắt, mang chửi Tô Định cho tới lúc chết.

Bốn em trai của Hùng Thăng bị giặc bắt giết, chỉ có hai người trốn thoát được cùng Xuân nương. Ba anh em cùng bàn mưu kế, quyết không chịu thua Tô Định, phải trả món nợ máu cho anh em được ngậm cười nơi chín suối. Xuân nương khẳng khái nói : " Hai anh hãy tìm chốn ẩn mình chớ để giặc bắt được, hãy vào hang động như con cọp chờ lúc múa vuốt, hãy như con giao long ẩn mình nơi đầm hồ chờ lúc bay lên thét gió gào mưa. Nợ nước thù nhà, em xin cùng các anh gánh vác. Em là phận gái, giặc không để ý, lại ít ra ngoài không mấy người biết, có thể đi lại trong châu kết giao với các hào kiệt được ! " .

Xuân nương bèn cắt tóc, khoác áo nâu sòng, cải tên đổi họ, một chiếc tay nải bên vai, nay làng này mai làng khác, chú ý tìm những người có gan có chí để kết bạn cùng mưu việc báo quốc.

Có ngày Xuân nương cùng vài sư nữ trẻ tuổi đều là khách anh hùng đi tới trang Tuế Phong thấy một cảnh chùa hoang vắng ở bên trên gò cao, đứng sau chùa có thể nhìn thấy khúc sông quanh co uốn lượn, xung quanh chùa cây cối rậm rạp u tịch. Xuân nương nói với dân làng cho được ngụ lại chùa này để thắp hương niệm Phật. Cảnh chùa dần trở nên sầm uất, thiện nam tín nữ các nơi đến nghe giảng kinh, xin cúng giàng, làm chay, tuần rằm mồng

một, những người có gan có chí cũng nhân đó tìm đến gặp Xuân nương... Xuân nương dựa vào cửa thiền để kết giao hào kiệt.

Xuân nương xinh đẹp mà nghiêm trang, hay làm phúc, cứu giúp người nghèo, cứu mang kẻ khó, đức cao như núi rộng như biển không ai là không kính trọng. Xuân nương tuổi mới hai mươi mà ai khi gặp nàng, cũng chấp tay niệm nam mô, tôn xưng nàng là " mẹ ". Xem như vậy, ta cũng thấy được lòng dân quy thuận theo Xuân nương như thế nào.

Người các nơi mang thù với giặc theo Xuân nương lúc này đã tới trên một trăm, sớm tối ra vào cửa thiền giả cúng bái tụng kinh niệm phật để được Xuân nương chỉ bảo. Làng ở bãi gọi là trang là sách, làng ở núi gọi là động là mừng lần lượt nhóm lên những nhóm nghĩa quân. Họ thường chờ lúc trời tối đêm khuya, thường tìm chốn hang sâu đồng vắng cùng nhau bàn bạc, cùng nhau luyện tập.

* * *

Trưng Nhị nương là em ruột Trưng nữ chủ huyện Mê Linh, cùng với Trưng nữ chủ đứng lên tập hợp dân chúng Giao Châu chống Tô Định, giành lại nước. Trưng Nhị nương thân đến gặp Xuân nương, đưa hịch cứu nước cho xem, nói rằng : " Giao Châu đang rung chuyển, nhân dân khổ cực đã vùng dậy, ngày tận số của bọn thống trị dị tộc sắp tới ! Chúng ta không nên giấu mình kín tiếng nữa ! Nàng hãy nêu cao danh nghĩa của cha anh dựng cờ lớn, gióng trống chiêu binh, chờ lệnh cất quân đuổi giặc ". Lúc này, Nàng Nội châu Bạch Hạc vừa chém đầu Hoàng Sùng Chính lên cầm quyền trưởng châu. Tô Định bàng hoàng hoảng hốt như sét đánh bên tai. Nhân dân khắp nơi đều vui mừng hăng hái. Xuân nương biết thời cơ có thể đứng lên được, vâng lời Trưng Nhị nương, rồi tìm hai anh bàn việc khởi nghĩa.

Ngày mồng mười tháng giêng, Xuân nương họp trên một nghìn nghĩa binh ở Hương Nha, tế cờ điểm quân. Nữ chủ súnngồi trên sạp cao, đầu bịt khăn

vuông, mình mặc áo bào thêu chỉ vàng, chỉ bạc, chỉ tía, chỉ hồng là áo quý của các lang mừng dâng, sau lưng có sáu nữ binh cầm gươm đứng hầu, uy nghi lộng lẫy như vầng mặt trời mọc. Nữ tướng tuyên đọc lời hịch của Trưng chúa kể tội giặc Hán tham tàn bạo ngược, kêu gọi nhân dân cả nước đứng lên đuổi giặc, đọc xong hịch liền phiên chế đội ngũ, cử các đầu lĩnh. Các mừng vùng cao có bảy trăm ba mươi người về ứng nghĩa, Xuân nương chia làm mười bộ, mỗi bộ ba mươi sáu người và một quản bộ. Các quản bộ được gọi là thần quan, giao giữ các công việc như sau : thần quan coi việc cơm nước, thần quan coi việc sát sinh mổ trâu giết lợn, thần quan coi việc rượu, thần quan coi việc nhạc và múa, thần quan coi việc các đội tiền quân, hậu quân, hữu quân và một thần quan coi việc trung quân.

Quân chia 6 đội ; trung quân là nữ binh, tiền quân hậu quân, tả quân, hữu quân đều là nam binh. Quân cung thủ có một trăm hai mươi tay nỏ. Có một phó tướng đốc lĩnh cả bốn đội quân nam. Chức ấy Xuân nương giao cho anh thứ bảy của mình là Hùng Long, lại cử anh thứ sáu là Hùng Hoàn coi giữ việc quân lương và trông nom các trạm các động.

Dân chúng các nơi nô nức về dự hội. Người ở vùng cao mang mật ong, thịt hươu thịt nai, tên tẩm thuốc độc về, người ở bãi sông mang gạo, cá và muối đến. Các lang mừng, trùm động, trưởng trang, người cưỡi ngựa, kẻ đi chân, mang trầu cau, khiêng trống chiêng gặp nhau đều vui mừng hơn hở.

Các thần quan ai lo việc nấy. Người coi rượu lấy ống bương múc rượu, tiện vầu, tiện nửa làm chén uống. Người coi cơm nước cho lấy tre đan thành phen, lót lá chuối lá ngô đồng mà bày thịt, gạo tẻ nấu bằng nồi đồng, gạo nếp nấu trong ống tre. Quân đánh trống lớn trống con, thổi kèn thổi sáo, gõ mõ gõ phách, cùng nhau múa hát diễn các trò vui. Dân Tiên Áo hai tay cầm mau co múa nhảy, gọi là múa Mo, dân động Cao nhún chân vẩy tay theo tiếng nhạc đồng, gọi là múa Gâu. Con gái kéo co bằng dây song, con trai đấu vật. Nơi cung sở của Xuân nương, trai gái vùng núi tới tung còn ca hát đối đáp nhau từng đôi một. Hội kéo dài tới nửa đêm, đuốc nhựa trám và

bạch lạp cháy rừng rực tới gần sáng.

Xuân nương thiết lập dinh sở. Thượng cung là nơi nàng cùng với nữ binh nghỉ, hạ cung là nơi ở của thập bộ thần quan. Xung quanh dinh lập đồn trại cho tả, hữu, tiền, hậu bốn quân đóng giữ. Thượng cung làm trên một quả đồi cao hình con rùa, mé trước là ao bán nguyệt, mé sau có giếng đá nước trong leo lẻo mát lạnh, là nước mạch từ núi dẫn về. Xuân nương đóng ở đó, đưa lệnh chiêu quân đi các nơi, được hơn một nghìn người về ứng mộ. Ngày mồng ba tháng năm, Xuân nương làm lễ trước phần mộ cha anh rồi đưa quân lên đường. Trung quân có năm trăm nữ binh nai nịt gọn gàng tay khiên tay gươm. Quân cung thủ ba trăm, tên dài nổ cứng. Tiền quân mang giáo, có búa có dao, hậu quân có ngựa có thuyền, tả quân mang đao vác mộc là quân các mừng, hữu quân cầm mác đeo gươm là quân các sách. Ba nghìn nghĩa quân của Xuân nương hùng dũng hăng hái tiến về Hát Môn hội với anh hùng hào kiệt các nơi dưới cờ Trưng chúa. Trưng chúa và các tướng soái, các thủ lĩnh nghĩa quân đều khâm phục Xuân nương, binh oai hùng, tướng nghiêm trang, đội ngũ tề chỉnh. Trưng chúa phong cho Xuân nương là Thị nội tham tán quân cơ, giúp Trưng chúa bày mưu định kế, lo liệu các việc. Trưng chúa họp 6 vạn quân ở Hát Môn, tiếng chiêng tiếng trống vang trời, gươm giáo sáng choang, cờ xí chói mắt, nam binh nữ tốt lẫn liệt oai phong. Tế cờ xong, quân chuyển lên đường, chia các đạo tiến đánh giặc Hán, thế mạnh như bão đổ nước dâng, cờ chỉ tới đâu giặc tan tới đó.

Đẹp xong giặc nước, Vua Trưng phong Xuân nương làm Đông cung công chúa Nhập nội trưởng quản quân cơ nội các. Sau lễ phong, Xuân nương được về nghỉ thăm mộ phần gia tiên và các nơi châu ấp.

Ngày mồng 5 tháng giêng, Đông cung công chúa về làng Nam Cường, mồng 8 đến trang Tiền Áo, mồng 9 về tới Hương Nha. Tới làng nào nhân dân cũng đều vui mừng quyến luyến. Ngày mồng mười tháng giêng Xuân nương tắm gội sớm rồi ra dự hội với dân chúng ở bến Lão Châu. Hội làng

mừng Xuân nương có đánh vật, chọi gà, hát xướng, con trai mặc giả gái hát dẫu bán tơ, con gái mặc giả trai mang cày vác bừa, hát với nhau rồi té nước vào nhau. Ngày hội ấy người các làng kéo về dự đông nườm nượp. Từ đó bến Lão Châu còn được gọi là bến Đông. Xuân nương cho quân mổ trâu giết lợn, làm bánh dày cùng vui với các cụ phụ lão và dân chúng, nhân đó nói với các cụ rằng : " Dân ta đây trung hậu, phong tục thuần phác, thật đáng khen ". Nàng bàn với các cụ việc trồng dâu trồng chuối ở bên sông. Nghỉ lại vài ngày, Xuân nương về Hương Nộn, ngày rằm làm lễ cúng Phật ở chùa, hôm sau thăm viếng phần mộ cha anh, rồi về triều bái mệnh.

Trong triều có tướng quân Đặng Thi Bằng lĩnh chức trưởng quản thủy quân các đạo. Là em ruột Thi Sách, ông góa vợ sớm, không có con. Tướng quân Đặng Thi Bằng được biết Xuân nương là nữ trung hào kiệt, có nghĩa khí thao lược, nhan sắc mặn mà, nên đem lòng yêu mến, mới tâu nhờ Vua Trưng nói giúp. Xuân nương nghe Vua Trưng làm mối cho Đặng tướng quân, nàng vui lòng tuân lệnh. Từ đấy, trai trượng phu gái anh hùng sánh đôi như rồng sánh phượng, như quế sánh hồi, tình nghĩa mặn nồng đậm thắm.

* * *

Khi giặc xâm chiếm lại Giao Châu, Mã Viện cho một đạo tiến theo sông Thao do tướng Lưu Long đốc lĩnh, lần lượt phá vỡ các đồn trại trên tuyến của ta ở bên sông. Tình thế quân ta lúc đó trăm phần nguy cấp. Trương vương truyền lệnh cho Xuân nương cùng với Thi Bằng về lập phòng tuyến cự địch ngay ở nơi thực ấp của Xuân nương. Đây là phòng tuyến cuối cùng bảo vệ cho đạo quân Nàng Nội đóng ở Bạch Hạc. Hai vợ chồng Xuân nương ra sức chống đỡ, mặt thủy có Thi Bằng, mặt bộ có Xuân nương. Hai bên giao chiến bảy ngày liền giặc vẫn chưa phá vỡ được phòng tuyến quân ta. Ngày mười ba tháng hai, giặc vây Thi Bằng ở bến sông. Quân giặc ùn ùn kéo đến khép kín bốn mặt. Thi Bằng múa đao tả xung hữu đột hồi lâu, nhờ tay đánh rơi đao liền bị tướng giặc thúc ngựa sát tới đâm một giáo giữa bụng. Tướng quân Thi Bằng kêu to một tiếng, ngã ngay trước trận tiền.

Xuân nương được tin chồng bị vây, vội lên ngựa, hai tay hai kiếm cùng thập bộ thần quan thẳng tới trận tiền. Nàng ra ra vào vào bốn năm lượt, chém rụng đầu mười viên tướng giặc mà vẫn không phá nổi vòng vây. Giặc đông như kiến, lớp này giã ra lớp khác xông vào. Có tin tướng quân Thi Bằng đã bị giết hại, quân ta bối rối nao núng bị giặc đánh tan tác. Xuân nương cùng vài nữ tốt lúc đó đều mặc nam trang đứng giữa vòng vây cự giặc. Đánh từ sáng tới trưa, mặt trời đã đứng bóng, Xuân nương thấy bụng đau như thắt, chân tay bủn rủn, biết là động thai, cố sức chống đỡ che chở cho cái thai 5 tháng nằm trong bụng. Các nữ tốt đều bị tử thương. Xuân nương, vừa đau vừa mệt, ngựa sùi bọt mép, người đổ mồ hôi, áo giáp bị một mũi giáo đâm rách...Giặc Hán biết là tướng bà, reo ầm lên, liền cởi ngay áo, người để trần, xông vào bắt. Xuân nương thấy quân giặc hò hét nhảy nhót như lũ quỷ điên dại, vừa giận vừa thẹn, má đỏ bừng, lỗ tay rơi cả hai kiếm, vội thúc ngựa chạy. Tướng giặc đuổi theo. Xuân nương giật được một lưỡi dao của giặc, kìm ngựa quay ngoắt mình lại, đầu tướng Hán rơi như một quả chín nẫu rụng khỏi cành. Quất ngựa chạy được một quãng vẫn chưa thoát được vòng vây, Xuân nương lại bị giặc phóng một mũi kích vào sườn, máu đổ ra như suối. Lúc ấy các thần quan chạy tới cố sức xông pha cứu nguy cho chủ tướng mới đưa được Xuân nương ra khỏi vòng vây. Quân giặc bị đánh lui.

Xuân nương xuống ngựa nằm gục ở bến Nam Cường, đau không dậy được, nước mắt ướt đầm cả mặt, khóc chồng, thương hòn máu đỏ nằm trong bụng. Các gia thần và nhân dân vực Xuân nương dậy, nịt thuốc vào các vết thương, dâng cơm nước. Xuân nương nghỉ ngơi được một lúc, giặc lại ồ ạt kéo đến vây khắp trước sau. Xuân nương lên ngựa cùng các tướng vừa đánh vừa rút về cung sở ở Hương Nha. Xuân nương đi tới đâu, máu rỏ ra tới đó, máu theo dấu chân ngựa rải khắp dọc đường. Tới Hương Nha, các tướng cố sức đánh lui quân giặc, nghiêm phòng cẩn mật, người không cởi giáp, ngựa không tháo yên. Xuân nương nghỉ được một đêm. Hôm sau, giặc lại kéo đến nhưng các tướng giữ vững thành lũy, giặc không phá nổi.

Hôm ấy, ngày mười lăm tháng hai, buổi chiều, Xuân nương cho làm một cỗ chay cáo tế trời đất, cúng cha anh và cúng chồng rồi lui về nghỉ. Buổi tối, Xuân nương gọi các gia thần, nữ tốt vào cung dọn dò mọi việc. Tới đêm, Xuân nương lấy ngựa một mình ra đi, nhằm phía làng Hương Nộn lần bước. Mưa rơi như roi quất, chớp giật, sấm rền, Xuân nương bụng đau âm ỉ, các vết thương ngấm nước nhức nhối, tránh các nơi giặc đóng, vừa đi vừa nghỉ. Nàng ngồi trên một hòn đá lớn ở Tiền Áo một lúc, khi đứng dậy hòn đá ướt đầm máu. Xuân nương lại gắng gượng lên ngựa, vượt gió mưa về tới Hương Nộn. Tới đây, Xuân nương thả ngựa, lần tới cửa chùa, ngồi nghỉ một lúc rồi lần trước khấp sau chùa, bồi hồi tưởng nhớ. Lần tới bờ sông Xuân nương tự nói : " Ta không muốn tử tiết ở nơi cung sở để xác lột được vào tay giặc và làm tan rã chí ba quân. Nay sức ta đã hết, xin một chết để báo ơn vua đền nợ nước. Hồn ta muôn đời không tan, nguyện sẽ phù hộ cho dân cho nước ". Nói đoạn nàng gieo mình xuống dòng sông Thao cuồn cuộn trôi... (1)

Chú thích:

(1) - Nơi Xuân nương gieo mình, theo truyền thuyết, hôm sau mỗi đùn lên thành gò, nhân dân gọi đấy là mộ Xuân nương. Năm ngày sau khi Xuân nương tử tiết, ngày 20 tháng hai, đồn trại Hương Nha bị giặc phá, các thần quan đều tử tiết.

Châu Đại Man gồm các miền rừng núi đồng bãi thuộc các huyện Tam Nông, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Cẩm Khê, ngày nay.

Dọc đường quốc lộ từ bến đò Ngọc Tháp (Phú Thọ) tới bến Trung Hà, các xã Hương Nha, Vực Trường, Thanh Uyên, Tam Cường, Cổ Tiết, Hương Nộn, đều có thờ Xuân nương. Theo các cụ ở địa phương thì các đền miếu này xây dựng trên dấu máu những nơi nàng Xuân đánh với Mã Viện trong trận cuối cùng của đời nàng.

Chùa ở Hương Nộn nói trong truyền thuyết trên là chùa Khánh Long tự dựng ở mỏm cao bên sông Thao gọi là Phác Sơn, thuộc xã Hương Nộn trước gọi là hương Tuế Phong, cũng gọi là Kẻ Xoan. Các xã Thanh Uyên (gồm Tiền Áo, Giá Áo, Nam Cường), Tam Cường và Hương Nha là khu vực chiến trường Xuân nương và Thi Bãng đánh nhau với quân Hán.

Miếu thờ Xuân nương ở Hương Nha có hai câu đối như sau :

" Yếu điệu phù Trưng trung quán nhật "

" Quật cường cự Hán tiết lãng sương "

(Đại ý : Người yếu điệu phù vua Trưng, lòng trung tranh sáng với mặt trời. Quật cường cự với giặc Hán, khí tiết thẳng cả thời gian).

2 - " Anh kiệt vô song, vạn cổ thanh danh lưu nữ sử "

" Quân thần câu hoá, nhất không trung nghĩa tối thanh thiên "

(Đại ý : Anh kiệt không hai, danh tiếng ngàn đời lưu vào sử sách những người con gái. Vua tôi cùng mất lòng trung nghĩa làm trời xanh vắng vặc cũng không bằng).

Nói riêng về tục lệ cầu tế ở xã Hương Nha : mọi lễ dâng Xuân nương đều làm cỗ chay, có bánh dày, mật mía và củ mài. Các lễ tế mời vị thần quan và quân sĩ đều mổ trâu, nồi da nấu thịt, cỗ bày trên mâm tre đan lót lá chuối, lá ngõa, lá ngô đồng. Ngày tiệc, mở hội ở bến Lão Châu tức bến Đông, có trò trình nghề (rước các nghề nghiệp), cày bừa té nước vào nhau (diễn xướng lễ nghi nông nghiệp) hái dâu, bán kén, chọi gà, đánh vật, kéo quân, trai gái hát đối đáp.

Ở xã Hương Nộn, ngày cầu Xuân nương, các phường xoan Kim Đức và An Thái (Phù Ninh) sang hát chầu theo tục lệ, hát từ chập tối tới gà gáy sáng và liền trong ba ngày. Trong các buổi hát thờ ấy, trước bàn thờ Xuân nương có sáu người con gái xinh đẹp chưa chồng, mặc quần áo xanh đỏ, chít chần chéo hai bên sườn, cầm kiếm và hộp trầu, đứng nghiêm suốt buổi lễ. Miếu Hương Nộn cho tới kháng chiến chống Pháp còn một bức tranh thờ vẽ Xuân nương ngồi giữa, sau lưng có sáu nữ tốt cầm kiếm đứng hầu, xung quanh là cây cảnh và các nam binh nữ tốt. Tranh ấy nay đã mất.

Dân địa phương kiêng tiếng Xuân, tiếng ả, tiếng nương, và các tiếng Hiên, Hoa là tên mẹ Xuân nương, tiếng Sát là tên bố Xuân nương.

Theo thần tích ở Hương Nha, khi quan thái thú Lê Thiện là tướng của vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi) đem quân đánh giặc Minh có qua đây đêm mộng thấy Xuân nương hiện lên cho biết sẽ âm phù cho nghĩa quân thẳng giặc. Sau khi lên ngôi, vua Lê Thái Tổ có phong sắc cho Xuân nương là " Đệ bát vị Đông cung công chúa Xuân nương ", phong cho các thập bộ thần quan là

đại vương, giao cho dân sở tại tu sửa đền miếu hương khói đời đời. Phong Xuân nương là "Đệ bát vị" vì nàng là con thứ tám.

Nguyễn Khắc Xương
Nữ tướng thời Trưng Vương
NÀNG QUỲNH, NÀNG QUẾ
TIÊN PHONG PHÓ TƯỚNG

Làng Trò bên sông Thao là một làng nhỏ dân ít, có hai vợ chồng Nguyễn Diệu và Đào Thị Lộng là dân chài, hiền lành như đất, sớm chiều thả lưới buông câu, sống lẫn lộn với một túp lều lúp xúp và mảnh vườn nhỏ bé. Đã nghèo lại hiếm muộn về đường con cái, hai vợ chồng thường phàn nàn về nỗi ông trời sao ở bất công, với người lương thiện chỉ biết chí thú làm ăn mà bắt tội hiếm cả con lẫn của.

Tối hôm ấy, người vợ nằm mộng thấy vị thần núi hiện đến, trông như một chàng học trò xinh đẹp, mặc áo dài xanh, tay cầm hai cành hoa, cười mà nói rằng : " Có hai bông hoa đẹp nơi đỉnh núi ta vẫn để dành cho các người, sao lại không hái về ? Thương vợ chồng người tu nhân tích đức, ta cho hai cành hoa của ta để các người được hưởng phúc lâu dài ". Nói đoạn, vị thần đặt một bông quỳnh và một bông quế lên một chiếc mâm vàng chói lọi, trao cho hai người.

Người vợ chợt tỉnh giấc, vừa mừng vừa sợ, đợi tới sáng mới đem chuyện mộng nói lại với chồng.

Sau bà Lộng sinh được hai người con gái, vợ chồng đặt tên cho là Quỳnh và Quế. Quỳnh và Quế cùng cất tiếng khóc chào đời một lúc, nên làng không biết coi ai là chị gọi ai là em. Tới khi hai con vừa đầy tuổi vợ chồng dọn đến ở xóm nhỏ dưới chân núi.

Xóm nhỏ này nằm bên dòng sông Bứa giữa vùng rừng núi bao la thăm thẳm, thủa đó không rõ tên gì, sau này được gọi là làng Quang Húc. Quỳnh và Quế lên ba tuổi bụ bẫm xinh đẹp, cả làng đều yêu quý. Khi hai em lên mười tuổi, những người đi rừng bắt đầu dạy các em ném lao. Các em đòi

bắn nỏ. Mọi người đều cười, nói rằng các em chưa đủ sức giương nỏ, hãy cố mà ném cho cây lao trúng thân chuối cách ba bước chân là được. Người trùm phường sẵn vui vẻ đưa các em cây cung của mình. Quỳnh và Quế lần lượt nhắc dây cung của người trùm phường sẵn, lắp tên, bắn thử. Cây cung cong như vành nguyệt mỏng ba, chiếc tên vút bay như ánh chớp ! Từ đó Quỳnh và Quế được tập lao tập cung, tập tìm vết thú rừng, tìm nơi chúng uống nước. Mùa xuân, xóm núi trắng xóa hoa mận hoa ban, mùa hè quả dâu da rụng đỏ suối, tới mùa thu lá rừng trải vàng mặt đất, làng gặt lúa nếp lúa tẻ, cất rượu và làm lễ ăn cơm mới. Cụ già nhất làng nói : " Quỳnh và Quế đã lớn tuổi rồi, bắt được dẫu con nai, tìm được chỗ ẩn con dũi, thế mà chưa biết ăn ở cho có thứ bực. Phải phân biệt chị em mới được. Nay ta hãy dồn con hươu cho hai đứa nó bắn, đứa nào bắn trúng đầu con hươu sẽ là chị ". Làng khen phải, hò reo dồn vây một con hươu vàng cho hai em gái bắn. Mũi tên của Quỳnh buộc dải lụa trắng, mũi tên của Quế buộc dải lụa đỏ. Con hươu vàng bị dồn chạy lao qua chỗ các em gái nấp. Hai mũi tên bay như cánh én ! Con hươu bị trúng tên chạy tới khe suối, cúi đầu uống nước. Dân làng đuổi tới vây bắt cùng vui vẻ reo lên. Mũi tên buộc lụa trắng cắm giữa hai sừng hươu còn mũi tên dải đỏ cắm vào cổ hươu ngấp nửa thân tên . Từ đó, Quế phải gọi Quỳnh là chị.

Khi Quỳnh và Quế tới tuổi mười lăm như trăng tới ngày rằm, vẻ đẹp rực rỡ hiện ra làm chói mắt người trẻ người già. Cụ già nhất làng lại nói : " Hai đứa nó đúng là hoa của thần núi ban cho dân ta ! ". Quỳnh và Quế xinh tươi như hai bông hoa của rừng núi châu Đại Man, bắn nỏ giỏi vượt hết trai tráng trong vùng, tiếng đồn về vẻ đẹp và tài bắn nỏ của hai cô gái bay khắp châu. Hai ông bà Nguyễn Diệu và Đào Thị Lộng tuổi đã già chỉ mong cho con gái yêu sớm được gặp người vừa đôi phải lứa.

Thuở ấy giặc Hán đô hộ nước ta, chính sách bóc lột của giặc làm dân ta cơ cực trăm chiều. Giặc bắt dân châu Đại Man nộp mật ong, lông trĩ, nộp đuôi sóc và nhung hươu, nộp tắc kè và sừng dê. Giặc lại bắt nộp rượu và gạo nếp, rồi lại bắt nộp quế và trầm. Giặc còn đánh thuế rất nặng vào các lâm

sản phẩm. Dân không nộp đủ, không có nộp đều bị giặc cùm kẹp đánh đập. Mỗi khi quan quân của chúng đi các làng các động thu thuế và cống phẩm, dân chúng phải trốn tránh lẩn lút góc rừng ven núi rất khổ sở.

Một ngày có tin về làng là giặc Hán sẽ bắt hai nàng Quỳnh và Quế. Cả làng căm phẫn, lo sợ. Ông bà Nguyễn Diệu lại càng lo nghĩ trăm phần, mất ăn mất ngủ. Quỳnh và Quế vẫn cười nói như không. Cụ già nhất làng nói : " Các con hãy lẩn vào rừng sâu hang kín, tránh chúng nó như tránh con cọp dữ ". Quỳnh và Quế đều nói : " Chị em chúng con không tránh cọp bao giờ, thấy cọp là bắn sao lại chịu trốn tránh mấy tên lính Hán ? Nếu quan quân giặc Hán tới đây, hai chị em sẽ bắn chúng nó như bắn con chồn con nai thôi ! ".

Quả nhiên giặc về vây làng. Làng nổi trống nổi mõ. Trai làng nghiêng răng giương nỏ lấp tên độc tẩm nhựa cây sui. Giặc nhốn nháo hò nhau tháo chạy. Xác giặc phơi ở cửa rừng, mặt đỏ tím như quả bồ quân, quạ bay lượn kêu toáng lên rồi lảng tránh cả.

Con gái của vị chủ trưởng châu Đại Man là Nàng Xuân dựng cờ tụ nghĩa, hào kiệt trong châu mang nỏ theo về được tới vài trăm người. Các làng các động châu Đại Man rên giáo vót tên đều rủ nhau theo về với Xuân nương.

Quỳnh và Quế muốn được gặp nàng Xuân. Nàng Xuân cũng cho người tìm gặp Quỳnh và Quế, nói rằng : " Xuân nương mưu việc lớn mong được gặp hai nàng để kết bạn ! ". Quỳnh và Quế đều nói : " Quan chủ trưởng châu là dòng lạc hầu. Anh nàng Xuân mưu giết Tô Định, việc không thành, bị giặc sát hại. Nàng Xuân vì nợ nước thù nhà đứng lên cùng dân trong châu chống nhau với giặc. Hai đứa chúng tôi phải tìm đến xin làm nữ tốt dưới cờ của nàng Xuân, đâu dám nói tới chuyện kết bạn cùng nàng ! ". Nói rồi cả hai cùng về gặp Xuân nương. Xuân nương mừng vui nói với hai người : " Hai người thật là những bông hoa của thần núi, đã xinh đẹp lại kiên cường. Ta không dám coi hai nàng là kẻ dưới nên muốn được kết bạn với hai nàng để

cùng đuổi giặc Hán đấy thôi ! ". Quỳnh và Quế cũng vui mừng vì biết Xuân nương là bậc hào kiệt có tài đức, có trí lớn, nhìn xa nghĩ sâu, xứng đáng là ngôi chủ trưởng đưa dắt mọi người, mới xin theo Xuân nương. Xuân nương an ủi bảo ban, dặn rằng về kết bạn với các tráng sĩ, cùng nhau hãy lên núi Bứa lập trại chống giặc. Nàng Xuân lại nói : " Muốn vào nhà phải qua cổng. Vùng núi rừng châu Đại Man ta lấy sông Bứa làm hào, núi Bứa làm cổng, hai em chớ coi thường. Các động đều ở nhà sàn, ăn cơm ống, đó chính là quê của mẹ ta. Các em giữ vững nơi cổng ngõ, chờ lệnh ta nhé ! ". Từ đó núi Bứa trở thành nơi hai nàng Quỳnh và Quế thiết lập căn cứ chống giặc Hán.

Xuân nương đưa hai nàng Quỳnh và Quế cùng theo về gặp Hai Bà Trưng ở Mê Linh. Hai Bà giao cho Quỳnh và Quế năm trăm quân, lại cho về đóng giữ núi Bứa.

Khi Trưng Vương tế cờ ở Hát Môn, đem đại quân tiến đánh Luy Lâu lại có lệnh gọi Quỳnh và Quế về, phong làm Tiên phong phó tướng, thuộc dưới quyền Thiệu Hoa, đi trước đến Luy Lâu vây hãm.

Đẹp xong Tô Định, Hai Bà luận công phong thưởng các tướng sĩ, hai nàng Quỳnh và Quế đều được phong công chúa (1)

Chú thích:

(1) Xã Quang Húc ở đầu con sông Bứa (còn có tên là sông Mỹ Giang) có miếu cây Quên thờ nàng Quỳnh và miếu cây Sấu thờ nàng Quế. Núi Bứa trong truyền thuyết trên, nay có tên là núi Nàng hời Nàng hời, có thuyết cho rằng vì hai nàng mất trên núi nên núi có tên như vậy, với ý nghĩa là nhân dân than khóc hai nàng.

Nguyễn Khắc Xương
Nữ tướng thời Trưng Vương
ĐÀM NGỌC NGA
TIỀN ĐẠO TẢ TƯỚNG

Sông Đà giống như một con giao long trườn mình tìm về bể Đông lượn thân hình khổng lồ màu xám giữa một vùng núi rừng xanh thẳm. Đây là một con giao long mang uy lực thần bí, đem lại cuộc sống và niềm vui cũng như lo âu khủng khiếp đến với con người. Những người dân Giao Chỉ ở rải rác suốt dọc sông với những chòm xóm bản mường nhỏ bé. Ngọn núi Ba Chôm Cao bên sông mà ngày nay ta gọi là núi Ba Vì hay núi Tản sừng sững đứng trấn một cõi trời tây, rực rỡ ánh mây lửa đỏ rực chiều chiều và mỗi khi trời nổi cơn thịnh nộ thì mây đen lại vần vù vây quanh đỉnh núi, lóe lên những tia chớp chói lòa giật liên hồi, và lửa từ tay trời phóng ra giận dữ rền lên làm cho con người những nghe tiếng mà khiếp sợ. Núi Ba Chôm Cao uy nghiêm ngời ngăm con giao long xám quẫy lộn dưới chân, con quái vật đã bị Tản Viên sơn thánh ngự trên ngọn núi áp đảo và trừng trị.

Và kia, mây đen vây kín trời đã mười ngày rồi. Búi Ba Chôm Cao lằm lì chờ đợi. Rừng đặc và đầm lầy bốc hơi ngùn ngụt. Con cọp xám suốt đêm gầm thét những tiếng khắc khoải làm run sợ trăm loài thú. Con tê giác da đồng rau rầu nhai lá dứa dại và rễ cây, cho đỡ cơn khát trước cái oi bức ngột ngạt theo về với những đám mây đen nặng nề

Chớp lóe trên ngọn núi Ba Chôm Cao.

Những người già lo sợ nói : " Thủy Tinh sắp đấu với Sơn Tinh. Giao long sông Đà sắp quẫy mình rồi ! Cơn nước hung dữ sắp cuốn đi tất cả ! "

Dân sông Đà đã thấy trước làn nước mênh mông cuộn cuộn và tiếng gầm réo dữ tợn, đoàn quân của thủy thần ào ạt xông lên phá hoại tất cả trong cơn giận dữ.

* * *

Đó, câu chuyện về Nàng Trăng đã được bắt đầu như thế đó. Câu chuyện về Nàng Trăng được bắt đầu với cảnh tượng hùng vĩ núi Tản sông Đà.

Cụ già có vóc dáng cao lớn như cây tùng cây bách, có mái tóc trắng như mây non mùa xuân và đôi mắt long lanh như lửa chớp. Cụ già bộ dạng vững như núi, không ai biết đã bao nhiêu tuổi thọ. Cụ già sông Đà đã kể chuyện về Nàng Trăng người nữ tướng anh hùng của Vua Trưng, bắt đầu bằng cảnh tượng hùng tráng và thê thảm của cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh, vì rằng Nàng Trăng chính là người con gái của sông Đà.

Cụ già kể chuyện Nàng Trăng cho các con trai con gái nghe, cho người già và cho các em nhỏ thơ ngây ; và cho đến khi cụ kể xong câu chuyện, cho tới khi cụ biến đi lúc nào mất y như trong các chuyện cổ tích, vẫn không một ai biết được cụ tên là gì ; Mọi người say sưa nghe chuyện đến quên cả hỏi tên người kể chuyện và cũng không kịp nói một lời cảm ơn người kể nữa kia.

Cụ già vuốt chòm râu bạc phơ phơ và kể tiếp...

* * *

...Nước réo ầm ầm. Trên, nước trút xuống ; dưới, nước dâng lên. Nước ngập bốn bề. Trên dòng nước điên cuồng, cây rừng nguyên khai đại thụ, cổ thụ bật rễ trôi băng băng. Gỗ quý núi rừng là của báu của Sơn Tinh trôi tuột về bể cả. Trăm loài thú là bộ hạ của Sơn Tinh cùng phơi xác trên dòng lớp lớp vùn vụt trôi về bể. Nước reo như tiếng cười đắc thắng dữ tợn của Thủy vương.

Các chòm xóm bên sông bị hút đi mất tích.

Và Nàng Trăng đưa mọi người vào rừng sâu, lên các vùng rừng cao hoang vu, ở đó có những cây lớn hai người ôm với những cái hốc ba bốn người

ngồi vờ, rẽ cây chẳng chặt. Ở đó có những hang động khoét vào lòng đá, tiếng gầm gào của sấm sét đến chết lịm ở đây không gây một tiếng vọng nào vì vòm cây dày đặc. Nước chỉ đuối theo họ được ngày thứ nhất, nhưng ngày thứ hai thì họ đã có thể yên tâm mà nhìn xuống dòng nước sôi sùng sục, vật vờ dưới chân họ và rồi cây và đá che khuất mất dòng nước phục thù của Đà giang thủy vương.

Họ phải xua đuổi các thú rừng để tranh chiếm các hang hốc. Cuộc vật lộn giữa người và thú xảy ra quyết liệt vì đều muốn sống, đều cướp lấy sự sống. Chính lúc này đã hiện ra trước mắt họ cuộc đọ sức lạ lùng giữa một con cọp lớn và một con trăn mồi xám chắc hẳn là vua loài trăn vì cái hình dáng khổng lồ và kỳ dị của nó với những lớp vẩy như phủ rêu và đường vẩy đen nhợt nổi trên sống lưng dài. Trong khi mọi người núp sau những bụi rậm và thân cây ngắm cảnh tượng kỳ dị ấy thì Nàng Trăng đã phóng liền hai mũi lao nhọn hoắt và con cọp xám phải chết trong những vòng cuộn của con trăn vì có sự can thiệp của người.

Con trăn mồi cuộn mình lại, nghỉ ngơi, nghe ngóng. Lúc ấy mọi người đều lúng túng không biết phải xử trí thế nào hoặc là bỏ đi sao cho không gây sự chú ý của con trăn hung ác. Nhanh như chớp, Nàng Trăng vung dao nhảy vào hang, con trăn chỉ kịp ngóc đầu dậy, lưỡi dao đã bập ngay vào cổ nó. Máu trăn đỏ xẫm vọt ra, tanh đến lợm giọng. Con quái vật quấy mình, đất như chao đảo, gió rít lên bứt lá rụng rào rào và lưỡi dao thứ hai lại nhằm đúng cổ nó mà bay tới. Đã tỉnh cơn hoảng sợ lạ lùng, bố Nàng Trăng phóng liền tiếp ba mũi tên liền vào cái đầu nhớp nhúa của Mãng Xà vương.

Khi Nàng Trăng xách đầu con trăn tinh giơ cao lên, và dưới chân Nàng là xác con cọp xám và con trăn mồi nằm trong máu như hai đồng đất lớn, tất cả từng ấy con người đều cất những tiếng hú dài để tỏ lòng phấn khởi và sự cảm phục đối với người con gái mười sáu tuổi. Họ nhảy nhót và cất tiếng hát quanh người con gái và xác hai con quái vật, nhảy múa và hát trong cái hang lớn, giữa tiếng mưa sầm sập đổ xuống vòm đá và vòm lá.

Chính trong khi đi tìm sự sống ở vùng rừng núi Hạ Đà này, Nàng Trăng đã có dịp cho mọi người được biết sức mạnh và trí khôn của Nàng. Lửa đốt lên trong hang lớn. Mỡ trăn cháy xèo xèo. Bộ nội tâm và hai quả cật con hổ được đặt vào một cái mâm đan bằng dây rừng lót lá để dâng lên Tản Viên sơn thánh, vị thần bảo hộ của dân cư các động sông Đà. Dân động họp lại suy tôn Nàng Trăng làm chúa động thay cho bố nàng. Vị pháp sư làm lễ hỏi ý Tản Viên sơn thánh và để được biết chắc chắn ý ngài, pháp sư tung hai mảnh nửa nhỏ, ba lần đều một mảnh sấp một mảnh ngửa. Đức thánh Tản đã chấp thuận rồi ; mọi người reo lên, hú dài và vỗ tay nhảy quanh ngọn lửa, quanh Đạm Thự và con gái là Đạm Ngọc Nga thường được gọi là Nàng Trăng. Chiếc da hổ xám óng ánh bóng mượt, mảnh di vật đẹp rực rỡ của chúa các loài thú ấy từ nay sẽ là ghế ngồi và giường nằm của Nàng Trăng, nữ quan lang động Đà Hoa. Đó là động lớn nhất, kiêu hùng nhất trong 36 động của châu Đà giang hạ còn có tên là châu Thanh Hoa.

Châu Thanh Hoa ít thóc gạo nhưng vẫn là châu giàu có bên sông Đà. Đầm lầy, rừng cao rừng thấp và sông Đà, đó chính là kho của vô tận với trăn, rắn, gấu, khỉ, hươu, nai, tê giác, linh dương...Tất cả đều là tiền của : mật gấu, cao khỉ, sừng hươu, sừng tê, mật và da trăn...cá sông, cá đầm, gỗ quý : lao sao, kiên kiên, vàng tâm, đinh, tấu, sến, lim, chò, dôi, cây thuốc...Rừng núi sông Đà giàu không sao kể siết !

Giặc Hán chiếm giữ kho của ấy, chiếm giữ gỗ quý, thú và chim rừng. Các thú săn được, dân chỉ được phanh thịt chia nhau, còn da, mật, sừng và xương nhất thiết phải nộp lên quan không đường ẩn dấu. Lòng chim cũng phải nộp. Ngoài việc thu vật phẩm còn thu thuế đánh vào chim thú săn được, vào tre hóp, giang, vầu, vào gỗ, vào cả...thuế cung nỏ, thuế mũi lao, thuế vó, thuế lưới, thuế trâu kéo...Đó là chưa kể tiền lễ lạt với những món bộn nha lại lính tráng cướp sống trước mắt. Nghề lặn rừng săn bắt và ngả cây đốn gỗ là nghề vất vả nguy hiểm với khí núi ngàn ngụt bốc mùa hè, với nước lũ mùa thu, mưa dầm lạnh ngắt mùa đông và những cuộc vật lộn với

thú dữ, với văt và muối đợc.

Đàm Thự một hôm nói với con gái : " Bõ biết lá cây nào dịt vào khỏi vết thương con hổ cày thối da nát thịt, rể cây nào trị đợc cơn sốt rét làm con người run bần bật như cây sậy trước cơn đông. Bõ chữa đợc các vết đau và bệnh tật của mỗi người nhưng không chữa đợc nỗi khổ của dân các đợng sông Đà. Giặc càng ngày càng quá quắt. Sau lụt dân đói khổ quá rồi mà vẫn cứ phải lặn lội văt vả nuôi béo lũ giặc nước. Làm thế nào bây giờ ? "

Đàm Ngọc Nga hạ đợc con cọp xám và con trăn tinh nhưng cũng không biết phải làm cách nào để đánh đợc giặc Hán. Đã có nhiều người tốt ở các đợng tìm gặp Nàng Trăng và hỏi : " Làm thế nào bây giờ ? ". Nàng Trăng chỉ biết trả lời họ : " Hãy chờ ! ".

Bấy giờ, quan lang đợng Thạch Lạc họ Mạnh bị viên quan Hán giữ việc thu cống phẩm đóng ở chợ Ngần bắt giam giữ để đòi của chuộc. Quan lang Thạch Lạc không chịu khuất phục. Giặc giết. Con trai quan lang tên là Mạnh Đạo cùng vài bộ hạ thân tín đón ở chợ trong ba ngày. Viên quan Hán vào chợ liền bị tên cầm trúng cổ ngã ngựa chết ngay. Mạnh Đạo bị bắt giải lên châu úy sở.

Tin dữ trên đây lan đi rất nhanh như lửa đỏ đốt lòng các lang, như gió lốc làm rung chuyển các đợng. Nàng Trăng nói với bố và vị pháp sư đợng Đà Hoa : " Ta đây là đợng giàu có ! Sau Thạch Lạc sẽ đến ta thôi ! Phải cứu Mạnh Đạo và tìm cách đứng dậy để giữ mình ! ". Vị pháp sư nói : " Con nói đúng. Nay người con gái thông minh và dũng cảm, con hãy nói cho chúng ta biết mọi ý nghĩ của con, và chúng ta sẽ đứng lên chống lại giặc ". Nàng Trăng nói : " Lúc này các lang đều đang hồi hộp và phẫn uất, thời cơ tốt đã đến. Phải cứu đợc Mạnh Đạo và liên kết đợc với các đợng rồi họp nhau lại mà cử người cầm đầu. Có đợc các lang cùng một lòng mới làm đợc việc lớn ". Vị pháp sư vui mừng mà rằng : " Con nói hay biết chừng

nào ! Các lang phải cùng một bụng như ta thì mới nói chuyện đuổi giặc được. Có cứu được Mạnh Đạo thì các lang mới nghe ta. Việc này tất phải có một người đứng chủ. Ta kịp hành động ngay kéo giặc giết Mạnh Đạo mất ".

Động Đà Hoa ngày càng đông người săn tràng qua lại. Vùng rừng mênh mông châu Thanh Hoa mỗi ngày một thu hút người các động về. Mọi người bảo nhau rằng ở đó có nhiều gỗ quý, có từng bao lá nứa, giang, mai, vầu, lại tiện bến tiền đường. Giặc Hán chỉ thấy số gỗ, nứa, măng và sa nhân mỗi ngày nhận được một nhiều hơn từ vùng này. Chúng đâu có ngờ rằng những nô lệ của chúng, bọn " Nam man " như chúng thường gọi một cách khinh thị ở châu Thanh Hoa này đã nghe tiếng gọi của nữ chúa động Đà Hoa mà tìm đến với Nàng.

Mùa xuân, con trai con gái các vùng đến hát với nhau ở Đà Hoa động. Các lang đi lại chúc tết nhau và đến thăm nữ quan lang động Đà Hoa. Nàng Trăng mời những người cầm đầu các động ở lại và đưa họ đi thăm khu tự nghĩa. Họ ngạc nhiên thấy có hang chứa đầy giáo mác và dao, có hang nuôi ngựa, có bãi nuôi trâu, có trường bắn nỏ...Hàng trăm con người trai có gái có sống trong vùng hang động kín đáo đó. Vùng hang ấy đã trở thành như một thế giới riêng, thoát khỏi mọi quyền của kẻ thống trị dị tộc. Chính khi thăm vùng hang động ấy, họ được biết sức mạnh của chính họ và tài trí tuyệt vời của nữ chúa động Đà Hoa, bây giờ đã thực sự là nữ chúa cả ba mươi sáu động Đà giang hạ.

* * *

Được tin Trưng nữ chủ dựng cờ đại nghĩa, Đàm Ngọc Nga cùng hai trăm tráng sĩ vùng sông Đà đến hội ở cửa sông Hát. Bà Trưng phong cho Đàm Ngọc Nga làm Tiền đạo tả tướng quân, phong Mạnh Đạo làm phó tướng, lại đặt hiệu cho Ngọc Nga là Nguyệt Điện, giao cho đem hai nghìn quân lên vùng đầu sông Cháy lập đồn trại phòng giữ. Nguyệt Điện và Mạnh Đạo vâng lệnh kéo quân đi chẳng bao lâu đã tới vùng núi rừng hoang vu bộ Tây

Lan.

Nơi đây sớm chiều quanh vắng, chỉ nghe tiếng hươu giác hồ gầm. Bản làng thưa thớt, mỗi bản độ mười mười lăm túp nhà sàn. Bao la lau và cây đại. Nước sông rất đục, nước suối xanh lè. Dân trong vùng không người nào có sắc da tươi đỏ.

Quân của Nguyệt Điện tới nơi, phải phát lau ngã cây, lập trại để ở, kín nước suối về ăn, được vài ngày đều bị ốm chỉ thềm ngủ, có lúc rét run có lúc nóng bừng. Nhiều người quê ở vùng xuôi đã kêu ca chán nản chỉ những đòi về. Nguyệt Điện và Mạnh Đạo ân cần khuyên nhủ mọi người, đem việc đuổi giặc ra nói với các tướng sĩ ba quân. Nguyệt Điện bàn cách đào giếng để lấy nước ăn mọi người hăng hái cùng đào tất cả được 99 cái giếng. Nguyệt Điện cho mở hội ba ngày, mời các bản đều đến, ai có trò vui gì đều bày ra. Bấy giờ kèn sáo ríu rít, trống mõ nổi lên, trai gái dướn đu bay tít, quả còn ném vút qua vành trăng nửa treo trên cành cao, lấy dây song dăng ra để đôi bên kéo co, cắm giáo làm đích thi ném đá, rượu đựng bằng ống, xôi bày trên lá, đốt lửa thui trâu rồi cùng lấy dao xẻo thịt mà ăn...Sĩ tốt vui cười hơn hở, cảm thấy khỏe mạnh phấn khởi, dân đến cùng vui, từ đấy đi lại với đoàn quân Nguyệt Điện tình nghĩa ngày càng thêm nồng thắm.

Trong ba ngày mở hội, có trò đấu vật là vui hơn cả. Mạnh Đạo giữ được giải, không ai hạ nổi chàng. Tới lúc sắp làm lễ tế Tản Viên sơn thánh, có một người đóng khổ chàm, thấp và vạm vỡ, tóc xòa trên gáy, da mồi như da trăn, đến xin đấu với Mạnh Đạo. Mạnh Đạo nhận lời, tức thì vờn nhau, rồi bốn cánh tay cùng bắt lấy nhau, hết khóa tay lại tới xoắn nách, bắt chân, hết "vồ giả" tới "chạy bò", cuối cùng người ấy vẫn bị Mạnh Đạo hạ cho "chạm lưng trắng bụng". Người ấy lại xin đấu keo nữa, đấu tất cả ba keo thì thắng Mạnh Đạo được một keo. Nguyệt Điện không cho đấu nữa, khen ngợi cả hai, rồi cho người kia làm đốc lĩnh trong quân. Từ đó quân đều gọi người kia là ông Hai và gọi Mạnh Đạo là ông Cả. Nguyệt Điện nghĩ đấu vật có thể làm cho quân sĩ thêm hăng hái, thêm sức khỏe chống lại được bệnh

sốt buồn ngủ nên thường treo giải cho quân đấu. Ông Cả, ông Hai chỉ bảo mọi người các miếng vật xưa nay vẫn giữ làm ngón bí truyền.

Nguyệt Điện cho quân đào đá ngả gỗ và tre để xây dựng đồn quân trấn thủ vùng sông Cháy theo lệnh của Trưng nữ chủ, tất cả chia làm năm đồn, đồn giữa là trung dinh do Nguyệt Điện đóng giữ. Bốn phương Đông, Tây, Nam Bắc có bốn đồn, đồn nào cũng có vọng gác. Ở Yên Kỳ cũng đặt một khu đồn như vậy, giao Mạnh Đạo trấn thủ. Nguyệt Điện nói với quân rằng : " Đánh giặc ở xa thì có cung có tên, đánh giặc ở gần thì có dao có mộc, đó là những môn ta cần tập luyện hàng ngày. Lại đặt đội quân thám báo cưỡi ngựa đi tuần ra xa, nếu có hình thích khả nghi thì thối tù và làm hiệu. Cất mọi việc xong đâu đấy, Nguyệt Điện cử Mạnh Đạo về trình với Trưng nữ chủ, vừa lúc nghe Trưng nữ chủ đã phá xong thành Luy Lâu, bèn đặt tiệc lớn để mừng. Vốn Nguyệt Điện ốm nặng đã lâu, gắng gượng mà làm, việc gì cũng để mắt để tay tới, biếng ăn biếng ngủ, da xanh mình gầy. Sau bữa tiệc mừng đại phá Luy Lâu, Nguyệt Điện càng yếu, không dậy được nữa. Một chiều bỗng gió nổi mạnh, trời đất tối sầm, cát bay đá chạy, Nguyệt Điện cho vời các đốc lĩnh nam nữ lại bên giường, nói rằng : " Chúng ta đều là những người không muốn sống nhục nhã khổ cực dưới gót giày kẻ thống trị ngoại tộc nên cùng nhau theo Trưng nữ chủ mà đuổi giặc. Các người phải luôn ghi nhớ lời Trưng nữ chủ đã dạy ", lại trao thanh kiếm đồng là của báu truyền gia tượng trưng uy quyền các làng ở Thanh Hoa cho Mạnh Đạo, dặn rằng : " Chàng nhận thanh kiếm lệnh này mà theo Trưng chủ soái một lòng đuổi giặc cứu dân. Kiếm ở bên chàng ra vào nơi trận mạc cũng như tôi còn được sống bên chàng mà cùng với ba quân rửa thù cho nước vậy ", nói xong rồi mất (1).

Chú thích:

1. Nguyệt Điện Đàm Ngọc Nga là người con gái bất khuất của sông Đà đã cùng với nhân dân khởi nghĩa ở hữu ngạn sông vùng huyện Thanh Thủy và một phần Thanh Sơn (thuộc tỉnh Vĩnh Phú ngày nay) mà nơi căn cứ là các xã Tu Vũ, Yến Mao (Thanh Thủy) và Yên Sơn, Yên Lương (Thanh Sơn). Các

hang động nói trong chuyện kể trên nay là Hang Pheo ở Yên Sơn chứa được hàng trăm người và các hang Tôm, hang Cá, hang Lợn, hang Gà, hang Trâu...ở xã Yên Lương.

Nơi Nguyệt Điện xây dựng đồn trại ở đầu sông Cháy theo lệnh Hai Bà Trưng nay thuộc xã Tây Cốc và xã Ngọc Quan huyện Đoan Hùng (Vĩnh Phú) và xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa (Vĩnh Phú), ở những nơi này còn dấu vết đồn trại bằng đá tương truyền của Nguyệt Điện xây dựng. Ở Tây Cốc có mồ Nguyệt Điện thuộc xóm Ca Đình đắp bằng đá. Ở nơi đồn trại này hiện còn dấu tích của những giếng đá mà theo truyền thuyết là của quân bà Nguyệt Điện đào để lấy nước ăn. Trên sườn núi Đẩu thuộc Ca Đình (Tây Cốc) giáp Ngọc Quan bây giờ còn một nền đất và các tảng đá kê, tục truyền là vọng gác của khu đồn trại. Đình làng Cả Đình được xây dựng ngay trên mảnh đất mà các cụ truyền rằng đó là nơi Nguyệt Điện đặt trung dinh.

Thần tích cho biết Vua Trưng phong Đàm Ngọc Nga là : " Nguyệt Điện Tế thế công chúa ", vậy Nguyệt Điện là tước hiệu của Đàm Ngọc Nga.

Thời Trần Nhân Tôn, Nguyệt Điện được phong " Nguyệt Điện Tiên Nga công chúa, Huệ hòa gia hạnh uyển mị phu nhân ". Vua Lê Thái Tổ phong : " Nguyệt Điện Nga hoàng công chúa, Anh linh sắc chỉ trinh nhất từ đường phu nhân ".

Ngày sinh : tháng hai ngày mười lăm.

Ngày hóa : tháng năm ngày mồng năm.

Nguyễn Khắc Xương
Nữ tướng thời Trưng Vương
THIỆU HOA
TIÊN PHONG HỮU TU

Động Lăng Xương bên sông Đà có hai vợ chồng Hoàng Phụ và Đào Thị Côn nhà nghèo, kiếm củi và cày thuê cấy mướn độ thân. Hai vợ chồng làm bạn với nhau đã lâu mà chưa được mụn con nào, thường phàn nàn vì cái cảnh vừa nghèo cực lại vừa hiếm muộn.

Một ngày, cả hai vợ chồng qua sông sang núi Tản kiếm củi. Trời đã đứng bóng, hai người xếp củi nghỉ dưới một góc rừng. Đang cơn mệt nhọc lại có gió thổi hiu hiu, hai vợ chồng đều thiu thiu ngủ. Người vợ chợt thấy có một người con gái xinh đẹp từ trong núi bước ra đến bên nghiêng chào hỏi. Người vợ ngấm nghĩa cô gái, cảm thấy yêu mến vô cùng, nắm chặt tay không nỡ buông. Bà cất tiếng dịu dàng hỏi : " Nàng ở đâu đến ? ". Người con gái khẽ rút tay ra, nói : " Con là con gái của sơn thánh Tản viên, tên là Thiệu Hoa. Ông bà có muốn nhận con là con nuôi không ? " Bà âu yếm trả lời : " Ta đâu dám thế, nhưng nếu ta được con, ta sẽ coi con như con đẻ ". Người con gái cười nói : " Bố mẹ để con đỡ gánh củi cùng về nhà ". Cô gái dứt lời bèn xốc gánh củi lên vai bước đi thoăn thoắt chỉ một chốc không thấy đâu nữa. Bà Đào Thị Côn chợt tỉnh giấc, biết là mộng, đem chuyện nói với chồng. Ông cười khà khà mà rằng : " Chẳng qua bà mong quá mà sinh ra rộng mị. Nhưng vợ chồng ta ăn ở hiền lành, thế nào mà chẳng được như nguyện ".

Sau đó, bà Côn sinh được một người con gái tươi đẹp, trông giống như người trong mộng nên đặt tên là Thiệu Hoa. Lớn lên Thiệu Hoa biết thương bố mẹ tuổi già vẫn còn cực nhọc nên rất chịu thương chịu khó, hay lam hay làm. Thiệu Hoa lại có sức khỏe hơn người và rất sáng ý. Từ khi có Thiệu Hoa, hai ông bà Hoàng Phụ cũng đỡ vất vả.

Năm lên mười tuổi, Thiều Hoa đã theo người của làng vớt củi lũ sông Đà. Mỗi mùa nước lũ, sông Đà dâng nước mênh mông. Gỗ rừng ngàn ngạt từ thượng du đổ theo dòng nước về xuôi, có những cây gỗ lớn tày ôm, nhiều loại gỗ quý như trò vảy, đinh, lim dồn đống chen chúc nhau trên dòng nước đục ngầu. Nước réo vang suốt đêm ngày. Ban đêm, nước réo nghe càng rõ, tiếng nước ồn ã, mênh mông. Mùa lũ sông Đà là mùa vớt gỗ ngàn, ngày vớt gỗ vui như ngày hội. Làng bản đôi bờ đổ thuyền đổ người ra sông vớt gỗ lớn, cây to, còn cây nhỏ cành rều thật chẳng ai buồn nhặt. Hàng trăm chiếc thuyền bơi lượn trên sông. Sống bên sông Đà, Thiều Hoa chèo thuyền mùa lũ thông thạo và khéo léo. Em lái thuyền lách tránh các cây gỗ còn nguyên rễ nghênh ngang như muốn níu lấy chiếc thuyền con mà vật chìm xuống nước, lựa thuyền cho bố mẹ em vớt những cây gỗ trôi sát bên thuyền.

Thiều Hoa không chịu thua kém ai trong mọi việc lao động làm ăn. Thấy dân chài sông Đà lặn nước bắt cá, em cũng học lặn và rồi cũng lặn giỏi như cá. Trong hội làng đầu năm, thấy người ta chạy thi cướp cờ lấy giải, em cũng tập chạy và quả nhiên kỳ hội làng năm sau cô gái 12 tuổi cũng giật được một cờ xanh. Em nói với mẹ : " Sang năm, con sẽ giật cờ đỏ kia mẹ ạ ! " Mẹ nói : " Mà y là con gái mà tính nết cứ như con trai. Con gái học chạy làm gì. Phận mình chỉ chăn trâu, vớt bè cho tốt là được ". Em nghe mẹ nói, cười khúc khích.

Có lần, ông chú đến nói với bà mẹ Thiều Hoa : " Con gái chị ghê gớm thật ! " Bà mẹ lo sợ hỏi chuyện gì. Ông chú nói lại sự việc vừa xảy ra hồi nãy. Thuyền tuần giang cập bến, kiểm soát gỗ. Chẳng biết thế nào mà mấy thằng lính Hán túm ngay lấy một anh chàng chống mảng, đánh túi bụi. Ai cũng thương nhưng không dám vào gỡ hộ. Anh chống mảng dăng ra, chạy được. Hai thằng lính Hán đuổi theo, chợt mấy hòn đá từ đâu ném tới, đưa sừng mặt, đưa lệch vai. Chúng đành để cho anh chống mảng chạy thoát. Mọi người đều biết người ném đá là Thiều Hoa, cô gái 13 tuổi. Ông chú nói : " Tôi cũng chịu nó thật. Ai chả căm tức cái lũ quân Hán tuần giang, thật là lũ cướp ngày. Nhưng con cháu cũng liều quá ! ".

Năm Thiều Hoa 14 tuổi, bố mẹ em lần lượt qua đời. Thiều Hoa ở chăn trâu, kiếm củi cho nhà chú. Một lần, nòng thi ném đá với bạn chăn trâu, mãi quá bỏ trâu đói, bị chú mắng. Cháu biết lỗi không dám nói lại, nhưng bà thím có tiếng khắc nghiệt, nói ra nói vào mãi. Thiều Hoa bỏ đi ngay đêm đó, không ở Lãng Xương nữa.

Nay ở chạ này mai ở làng khác, cấy thuê làm mướn được một năm, rồi Thiều Hoa về ở chăn trâu cho một nhà hào trưởng xã Song Quan bên sông Thao. Xã này ở bên sông, các xóm bãi trồng dâu đánh cá, các xóm gò hái củi và đi săn. Dân cấy ruộng chiêm, thóc ít, làng nghèo. Nhà hào trưởng ở xóm bãi.

Thiều Hoa chăn trâu, thả trâu cho ăn cỏ bên sông, thường ngồi vá quần áo rách trên một quả gò nhỏ dưới bóng một cây đa lớn, rễ đa từng chùm rủ xuống. Thiều Hoa vá xong áo, túm lấy rễ đa đánh đu. Lại bày ra trò cùng bạn chăn trâu chia hai phe lấy gậy tre đánh một củ chuối, phe nào đưa được củ chuối vào một cái hố bên mình là phe ấy thắng.

Có lần, nhà hào trưởng có một ông khách ở trong gò ra chơi biếu một ít thịt lợn rừng, nói chuyện săn bắn, nhân cho ông hào trưởng xem cái lẫy nỏ bằng ngà voi rất quý do một người bạn Mường châu Thanh Xuyên làm quà cho. Thiều Hoa mang thức ăn lên hầu cơm rượu, nhắc luôn chiếc lẫy nỏ ngắm xem rồi đưa trả tận tay khách. Khách thấy con hầu bạo dạn, hơi lạ, nhân hỏi đùa : " Mày có biết bắn nỏ không. Nếu biết, ta cho mày chiếc lẫy ấy ! ". Thiều Hoa thưa : " Cháu không biết bắn nỏ, nhưng cháu ném lao được ". Cả ông hào trưởng và khách đều ngạc nhiên. Đang lúc rượu say ngà ngà, hai ông bước ngay ra sân, đưa chiếc lao của hào trưởng cho Thiều Hoa ném thử. Thiều Hoa đứng cách xa cây chuối 100 bước chân, nghiêng mình vung tay, mũi lao cắm phập ngay vào chiếc hoa chuối. Mọi người đều kinh ngạc.

Khách mời ông hào trưởng vào gò chơi, mở cuộc săn ở rừng Hạ Khê. Hào trưởng cho Thiều Hoa theo. Khi săn, Thiều Hoa bước thoăn thoắt, vung lao ném theo một con cáo lông vàng. Cáo chạy vụt đi, Thiều Hoa xua chó dượt đuổi theo, chỉ chốc lát đưa cáo về nộp hào trưởng. Cũng từ ngày ấy, hào trưởng không dám coi thường Thiều Hoa như trước. Các phường săn mỗi lần mở cuộc săn lớn lại nói với hào trưởng cho Thiều Hoa theo sau. Cô gái 16 tuổi bây giờ nổi tiếng là một tay săn giỏi.

Bọn quan quân Hán ở vùng này rất nhiều dân và hống hách. Thiều Hoa nhiều lần được thấy những cảnh bọn quan lính Hán cướp của đánh người, phá phách ngang ngược. Các nhà giàu thường bị chúng quấy nhiễu, đòi ăn uống, đòi tiền gạo. Thấy con gái có nhan sắc, chúng xúm lại chòng ghẹo, hành hạ, Thiều Hoa tức sôi cả ruột gan.

Có ngày Thiều Hoa đứng trên gò cao nhìn xuống bãi sông thấy mấy tên lính đô hộ nắm râu một cụ già lôi đi xềnh xệch. Thiều Hoa quắc mắt mím môi, nhặt lấy chiếc gậy đánh cầu chạy thẳng xuống bãi, chợt nghe có tiếng gọi nghiêm nghị : " Thiều Hoa kia, chớ chạy nữa ! ". Thiều Hoa giật mình ngoảnh lại thấy sư thầy chùa làng vẫy tay gọi mình, mới dừng chân và chạy tới ôm lấy bà sư mà khóc lên nức nở, nước mắt ướt đầm cả áo nhà chùa. Hai người đến ngồi dưới gốc đa trên gò cao. Sư thầy nói : " Con tuy cũng là người có tài có chí nhưng tiếc rằng còn xốc nổi lắm. Những việc con làm chẳng có ích gì cho dân Nam ta cả ! ". Thiều Hoa cuối đầu xin sư thầy chỉ bảo cho. Sư thầy nói : " Đẹp bết tính nóng nảy hiếu thắng, biết nhìn xa nghĩ sâu, không chỉ lo gỡ cho một người khỏi bị đánh mà nghĩ chuyện gỡ cho cả nước khỏi bị đàn áp. Đó mới là tính chất người hào kiệt trong thời buổi này ". Thiều Hoa chợt tỉnh ngộ, thưa với sư thầy : " Thật quả một lời sư thầy dạy đã đưa con ra khỏi chỗ tối tăm. Từ nay con xin ghi nhớ lời thầy, suy nghĩ chín chắn, tính việc lâu dài, dốc lòng nuôi chí cứu sinh dân ra khỏi cảnh lầm than, khỏi chốn tù ngục. Xin thầy cho con theo thầy để được sự dạy dỗ ". Sư thầy cười và nhẹ nhàng nói : " Ta là người tu hành, tuy tâm niệm cõi Nát Bàn vẫn không quên nghĩa vụ cứu sinh linh đang cơn trầm

luân nơi bể khổ. Nếu con có chí lớn hãy theo ta về chùa ". Bà sư đến nói với hào trưởng xin cho Thiều Hoa về ở với mình, hào trưởng vui vẻ nhận lời. Từ đó, Thiều Hoa về hầu hạ sư thầy, quét chùa, thắp hương và làm các việc vặt. Sư thầy dạy Thiều Hoa học chữ, lại bảo Thiều Hoa tìm rủ những người bạn tin cậy đến chùa, tối tối cùng nhau luyện tập các môn võ nghệ. Cũng từ ngày đó, vườn chùa đã trở nên nơi rèn luyện của những người có nghĩa khí, có lòng yêu nước thương dân.

Từ ngày Thiều Hoa về với sư thầy, tính nết đã có phần chín chắn hơn. Nàng chăm chỉ luyện tập mong trở nên người hữu dụng cho đất nước, đem chuyện giặc Hán tàn bạo và nỗi cực khổ của nhân dân nói cho các bạn trẻ cùng nghe. Thiều Hoa chọn những người biết cảm phần và có lòng hăng hái, cùng nhau mưu việc lớn.

Một hôm, sư thầy gọi Thiều Hoa đến, bảo cho biết ở Mê Linh có Hai Bà Trưng là con dòng lạc tướng, cháu gái các vua Hùng đã ban hịch đuổi giặc. Thiều Hoa vui mừng xin với sư thầy cho đến Mê Linh. Sư thầy đã giã bánh dày và đóng oản để Thiều Hoa và các bạn làm lương ăn đường. Năm ấy, Thiều Hoa vừa mười tám tuổi.

Đến Mê Linh, Thiều Hoa và các bạn vào yết kiến Hai Bà Trưng, Thiều Hoa kể mọi nỗi khổ cực của nhân dân sông Đà và sông Thao cũng như những nỗi uất hận của mình. Hai Bà nghe Thiều Hoa nói, biết là người có chí, nhà nghèo thân khổ, mồ côi cả bố mẹ, cho nên nung nấu lòng căm thù giặc. Hai Bà khen ngợi Thiều Hoa và giao cho về địa phương mộ quân, dặn rằng phải tụ họp người khổ cực rồi tìm nơi kín đáo cùng nhau luyện tập, chờ lệnh khởi nghĩa.

Thiều Hoa vui sướng trở về Song Quan, đi các làng trong vùng, tìm các bạn mới, rồi cùng nhau tổ chức thành đội ngũ, luyện tập các môn đánh gậy, đánh đao. Mỗi người đều tự kiếm lấy vũ khí cho mình. Thiều Hoa thường cho quân đeo gổ xoan làm quả cầu, lấy gậy tre đeo vát gốc mà đánh qu

cầu, gọi là đánh phết. Đó là trò chơi của Thiều Hoa cùng các bạn nghèo khổ chẵn trâu ba năm về trước. Khu rừng Hạ Khê hoang vắng giáp châu Thanh Xuyên, cách Song Quan chỉ có ba dặm đường là nơi Thiều Hoa cùng các bạn ẩn mình tụ nghĩa.

Lệnh khởi nghĩa ban ra, Thiều Hoa dẫn đầu năm trăm trai gái sông Thao về Mê Linh. Hai Bà giao cho Thiều Hoa chức Tiên Phong hữu tướng, cầm quân bản bộ tiến đánh Luy Lâu, dặn rằng phải cẩn mật mưu trí, không được khinh địch.

Trong trận vây hãm thành Luy Lâu, Thiều Hoa lập được nhiều công lớn.

Đuổi xong giặc, Bà Trưng lên ngôi vua, phong Thiều Hoa là Đông cung công chúa (1) .

Chú thích:

(1) - Trang Song Quan trong truyện Thiều Hoa này là xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, Vĩnh Phú, có đền và miếu thờ Thiều Hoa và chùa Phúc Khánh là chùa làng cũng có thờ. Miếu Thiều Hoa dựng ngay bên bờ sông, theo truyền thuyết là nơi thuở chẵn trâu, Thiều Hoa thường ngồi vá quần áo. Trong miếu, trên bàn thờ có bày một cái mủng sơn son thếp vàng trong có vài mụn giẻ rách tượng trưng cho thời niên thiếu khổ cực của Thiều Hoa. Hàng năm, trong các ngày hội làng kỷ niệm Thiều Hoa, dân đều tổ chức đánh phết, diễu quân để tưởng nhớ vị nữ anh hùng.

Nguyễn Khắc Xương
Nữ tướng thời Trưng Vương
QUÁCH A
TIÊN PHONG TẢ TƯỚNG

Bên sông, ngã ba Bạch Hạc, một xóm nghèo với những túp lều nhỏ nằm nép bên bìa rừng, sau lưng là cây, trước mặt là sông. Những người dân xóm nhỏ buông lưới quăng chài kiếm cá, được cá nhỏ họ đổi lấy gạo ăn, cá to còn phải nộp quan đô hộ.

Xóm ấy có nhà họ Quách, hai ông bà đã cao tuổi mới sinh được một gái nên quý như viên ngọc trên tay, đặt tên là nàng A.

Thuở ấy nhà Đông Hán cai trị nước ta, nhân dân Âu Lạc trăm chiều cực khổ. Bọn quan lại lính tráng nhà Đông Hán ngang ngược hoành hành thu về trong tay chúng biết bao của cải của dân ta, hiếp đàn bà con gái, đánh đập người trẻ người già, cả nước đều oán giận.

Dân xóm nhỏ ở bìa rừng bên sông cũng khổ về quan lại Đông Hán. Chúng bắt nộp cá nộp củi, đi xa đi phu. Con gái có nhan sắc phải buông tóc xõa, bôi lá bôi than lên mặt để giấu sắc đẹp. Cả xóm sống cực nhục. Cả xóm căm thù bọn giặc cướp nước.

Quách A không chịu buông tóc che mặt, bôi lá giấu mặt. Ngày ngày Quách A dang lưới thả chài, bắt được cá to giấu đi dành cho bố mẹ. Bọn lính Hán tuần sông bến nạt nộ. Chúng nói : " Một hai năm nữa, chúng ta sẽ bắt con bé này nộp quan lấy thưởng ".

Quách A muốn giết hết bọn giặc Hán cho dân được hồ hởi làm ăn, cho con trai không phải trốn tránh, con gái không phải giấu mặt. Hỏi các người già cách đuổi giặc, các người già lắc đầu, hỏi các bạn trẻ, các bạn trẻ không biết trả lời thế nào. Và ngày ngày Quách A vẫn quăng chài lưới cùng bố mẹ nhưng bụng Quách A không ở cái lưới con thuyền. Quách A nghĩ cách đuổi

giặc nước.

Khi Quách A mười sáu tuổi, bố mẹ đều chết. Lo việc tang lễ bố mẹ xong, Quách A bèn gọt hết tóc. Cả xóm tiếc mái tóc xanh dài, phủ kín lưng của Quách A, mắng Quách A là nhút nhát. Quách A nói : " Con không giấu sắc đẹp đâu. Con chào các già, chào dân làng, con đi tu đây ! ". Cả xóm đều tiếc nhớ và khuyên can Quách A không nghe, bỏ nhà, bỏ xóm, bỏ lưới, bỏ thuyền mặc áo nâu chít khăn nâu ra đi.

* * *

Đi hết vài tuần trăng, qua nhiều rừng nhiều bến, nhiều xóm nhiều làng, Quách A tìm về vùng ngã ba Bạch Hạc. Tới một nơi rừng rậm gần sông, cảnh vật hoang vắng, thấy những dân ở đây cũng đánh cá kiếm củi, cũng nghèo khổ như bà con quê nhà, với những túp lều trống trải mọc ở bìa rừng, Quách A bèn nghỉ lại. Nàng hỏi dân làng nơi đây có chùa hay miếu nào không ? Dân làng đưa Quách A đến một tòa miếu cổ ở sâu trong rừng, không rõ được dựng lên từ bao giờ. Dân làng nói : " Nơi đây lâu lắm không có ai ở, mà cũng chẳng ai đi lại, thật là vắng vẻ, vả lại hươu nai vẫn đến, hổ dữ thường về, ni cô ở đây sao được ? ". Quách A không đi nữa, nói với dân xin ngả cây dọn lối, ở lại tòa cổ miếu thắp hương niệm Phật. Dân vừa lạ vừa mừng. Người già và con gái thường đến thăm ni cô.

Ni cô dặn dân làng đừng cho khách qua lại biết miếu có đèn nhang. Dân đã khổ vì cống nạp phu phen cho giặc, lại khổ vì rừng có cọp dữ, sông có thường luồng, mới đem các nỗi khổ đó nói với ni cô. Ni cô Quách A ở lại đó tu hành, lấy đạo hiệu là Khâu Ni. Khâu Ni tìm thuốc chữa cho người ốm, niệm Phật cầu cho người mất, dân tin và yêu Khâu Ni. Khâu Ni tập hợp con trai con gái dạy cách phóng lao, cách đánh giáo, lại dạy múa kiếm bản cung, trước nói là để chống thú dữ, sau mới nói chuyện là đuổi giặc. Trai gái tin theo Khâu Ni được vài chục người. Từ Nhật Chiêu trang nơi Quách A tu hành tới quê đẻ Quách A đi chưa hết nửa ngày đường, Quách A giữ mình thật kín không về thăm. Một lần cho người về quê mình, nói

chuyện giặc nước hiệp đáp, người làng nghe nói đều nghiêng rãng chảy nước mắt. Người ấy rủ vài người con trai, con gái đi theo, tới tòa miếu cổ. Gặp Quách A, mấy người đều mừng rỡ. Từ đấy các trang các bản vùng Bạch Hạc đều có người mài kiếm cho sắc, đánh dao thật bén chờ thời cơ.

Một đêm, gió rừng thét rợn người, tòa miếu cổ đóng cửa im ỉm. Trong miếu, ni cô Khâu Ni đang cùng với vài người con gái đàm ấm chuyện trò. Chợt có tiếng hổ gầm vang. Mọi người đều nói là động rừng. Tiếng hổ mỗi lúc một gần. Gió táp tiếng gầm nghe càng rõ sau tòa miếu cổ. Tiếng hổ gầm nghe như đau đớn mà không dứt tợn, lại nghe như tiếng hổ đang quần nát cả cây cỏ sau miếu. Mọi người đều lạ. Khâu Ni đốt đuốc, mở cửa miếu, mấy người con gái cũng theo ra, tay cầm giáo.

Trước ánh đuốc hiện ra một con hổ cái cực lớn, miệng đỏ lòm nhả rớt rãi, thân hình nặng nề quần quại trên mặt đất. Thấy người, hổ không chạy cũng không vồ, vẫn nằm vật vã. Khâu Ni chợt hiểu bèn nói với hổ : " Người chớ sợ, ta sẽ để cho người yên ổn. Theo đức hiếu sinh của nhà Phật ta đã cứu người, từ nay người không được bén mảng tới vùng này ". Con hổ gầm lên ba tiếng lớn vang động núi rừng, rồi tha con đi.

Từ đó uy danh và đạo đức của Khâu Ni lừng lẫy khắp nơi, các tráng sĩ nức lòng tìm đến, xin được cặp giáo đi theo. Ni cô không giấu mãi tông tích được, bèn dựng cờ tụ nghĩa, cho làm sáu chiếc trái lớn, mỗi chiếc sáu mươi tay chèo để tập luyện thủy quân, lại mở võ trường thi vật, thi chạy, đánh cầu, tập kiếm, chờ dịp nổi dậy.

Trưng Trắc và Trưng Nhị truyền hịch từ Mê Linh đi khắp 65 thành trong nước, kêu gọi các hào kiệt và nhân dân ứng nghĩa cứu nước. Khâu Ni nhận được hịch, phấn khởi vô cùng, sai quân làm một cái trống lớn thân bằng gỗ mít, mặt bịt da trâu, lòng trống người chui vào đi lại không phải cuối đầu. Mỗi lần lực sĩ gõ trống, tiếng như sấm động. Khâu Ni họp các sĩ tốt ở bên sông, lập đàn tế trời đất, nổi trống báo lệnh khởi nghĩa. Dân các trang các

động dắt trâu gánh gạo về khao quân.

Các lực sĩ đấu vật, cướp cầu, còn các nữ quân thi bắn cung, đọ kiếm. Bên sông hiện ra một quang cảnh nhộn nhịp khác thường, hùng tráng không kể xiết.

Khâu Ni lệnh cho nổi ba hồi trống, tiếng trống rền vang truyền tới các làng bên sông Thao, sông Đà, tới các bản các động, trống vang tới đâu giáo dựng tới đó. Giặc nghe tiếng trống ngỡ ngác bàng hoàng. Khâu Ni lại truyền sắp thuyền trận, dong buồm lớn, cùng các chiến sĩ về Mê Linh yết kiến Trưng Vương. Thuyền sắp hàng một, xuôi dòng mà đi. Trên thuyền thứ nhất để trống lệnh đặt tên là trống Thiên Lô có 8 lực sĩ hộ vệ. Trên chiếc thứ hai là các nam binh cắt tóc ngắn, bịt khăn xéo. Chiếc thứ ba là thuyền " Soái " dựng ngọn cờ lớn màu vàng viền đỏ, bay tung hai dải xanh và đen, Khâu Ni mặc áo vàng và đỏ, uy nghi ngồi giữa các nữ binh thân tín. Các thuyền sau đều gươm giáo sáng choang. Sáu chiếc thuyền lớn với tám trăm nghĩa quân cùng Khâu Ni về hợp mặt với các tráng sĩ cả nước ở Mê Linh. Năm ấy Khâu Ni vừa mười tám tuổi.

Trưng Trắc thấy Khâu Ni đến, cả mừng, dắt tay Khâu Ni cùng duyệt đoàn quân Bạch Hạc, vui mừng khen ngợi, mới phong Khâu Ni làm Tiên phong tả tướng quân, giao cho thống lĩnh quân bản bộ đi đường thủy qua Hát Môn, đến Luy Lâu trước mở đầu trận đánh phá quận trị của Giao Chỉ sào huyệt của thái thú Tô Định.

Sau khi dự tế cờ ở Hát Môn, Thiệu Hoa nương ở trang Song Quan bên sông Thao lĩnh ấn Tiên phong hữu tướng dẫn quân bộ thẳng tới Luy Lâu còn Khâu Ni dong buồm cho thuyền xuôi dòng theo Thiệu Hoa. Cả hai nữ tướng đều lập được công lớn, đánh tan quân Tô Định mấy trận, vây hãm thành trì không cho giặc chạy thoát, Hai Bà Trưng đem đại quân tới, hết lời khen ngợi các tướng Tiên phong. Nghĩa quân mở trận tấn công, chẳng bao lâu thành Luy Lâu tan vỡ, Tô Định phải bỏ giáp cắt râu quẳng cả ấn tín


chạy thoát thân.

Đánh đuổi xong giặc ngoài thống trị, Bà Trưng Trắc lên ngôi vua, xưng là Trưng Vương, phong Trưng Nhị là Bình khôi công chúa. Tất cả các tướng đã theo đuổi giặc cứu nước đều được luận công ban tước. Quách A được phong là Khâu Ni công chúa, được phong đất Nhật Chiêu làm thực ấp. Khâu Ni về Nhật Chiêu, lập đồn lũy, dựng dinh trại, treo trống ở miếu, từ đó miếu có tên là Huyền cổ tự (miếu treo trống).

Khâu Ni mở mang thực ấp, trồng trầu trồng dâu, đắp bờ cấy lúa, được hai năm thì mất (1).

Chú thích:

1. Nhật Chiêu nơi Khâu Ni tu hành và khởi nghĩa nay là thôn Cựu Ấp xã Liên Châu huyện Yên Lạc, thời Hậu Lê tên là Nhật Chiêu trang, thời Nguyễn đổi là Nhật Chiêu. Ở đây có đền thờ Khâu Ni công chúa, còn đạo sắc phong từ thời Đinh Tiên Hoàng.

Tục truyền rằng khi Đinh Tiên Hoàng đi đánh sứ quân Kiều Công Hãn ở Phong Châu  Bạch Hạc, có nghỉ ở Huyền cổ tự, mộng thấy Khâu Ni xuất hiện đến, xin âm phù và tự, xưng là " Chuyển phàm tử Khâu Ni ". Sau khi dẹp xong các sứ quân, thống nhất đất nước, Đinh Tiên Hoàng phong cho Khâu Ni làm thượng đẳng phúc thần, giao cho trang Nhật Chiêu làm hộ nhi giữ việc cúng tế.

Lê Đại Hành năm Thiên Phúc phong " Công chúa huệ gia trinh phục phu nhân ". Lê Thái Tổ cũng có sắc phong, cho kiêng bốn chữ " A nương Khâu Ni ". Khi vua Trần Thái Tông đánh giặc Nguyên ở sông Lô, nói là Khâu Ni báo mộng âm phù nên sau cũng phong cho Khâu Ni.

Cầu sinh ngày 15 tháng hai, bàn trên cỗ chay.

Cầu hóa ngày 10 tháng chạp, bàn trên cỗ chay.

Kiêng mặc quần áo màu vàng đỏ khi hành lễ vì khi ra quân, Khâu Ni mặc y phục vàng đỏ. Các ngày cầu tế trên có tiệc trâu thui cả con, dân làng và

người qua đường không phân già trẻ lớn bé, mỗi người một dao xéo thịt ăn ngay tại chỗ. Ngày mùng 6 tháng giêng có tục cướp cầu, cướp cờ, bơi trải.

Nguyễn Khắc Xương
Nữ tướng thời Trưng Vương
VĨNH HOA
NỘI THỊ TƯỚNG QUÂN

Ở đạo Hồng Châu (thuộc tỉnh Hải Hưng bây giờ) trang Mao Điền có người con gái họ Phùng tên Vĩnh Hoa. Từ nhỏ được học tập võ nghệ lại ham đọc sách ngâm thơ, người người biết tiếng. Vĩnh Hoa tính tình hoà nhã, đoan trang. Tuy là gái, Vĩnh Hoa chỉ ham thích ruồi ngựa bắn cung, và thường nói : " Lưỡi kiếm trong tay phải có ngày quét sạch giặc Hán ra khỏi bờ cõi, chí lớn của ta là như thế ! " .

Năm Vĩnh Hoa mười tám tuổi, bố mẹ lần lượt qua đời. Vĩnh Hoa trao cả gia sản cho ông cậu, một ngựa một kiếm ra đi.

Ngày đi đêm nghỉ, đến đạo Sơn Tây, phủ Tam Đái, huyện Yên Lạc, Vĩnh Hoa thấy trang Tiên Nha địa thế rất đẹp như con rùa lớn nổi lên bên dòng sông Nguyệt Đức, phong cảnh thật hữu tình, có bến có chợ, làng xóm đông vui. Vĩnh Hoa cho rằng nơi đây có thể lập được chí mình, mới nghỉ lại ở đó, bỏ tiền ra làm nhà mua ruộng, tìm người cày cấy để có dịp chiêu mộ sĩ tốt. Lại nghĩ nơi đây thuyền buôn các nơi qua lại, chợ búa sầm uất, có thể liên kết được với các hào kiệt bốn phương, mới mở ngôi hàng nước tự mình bán hàng để tìm kiếm những người cùng chí hướng.

Phụ lão trang Tiên Nha biết Vĩnh Hoa không phải người tầm thường, rủ các trai đình đến gặp Vĩnh Hoa, đều xin quy phục, tôn Vĩnh Hoa làm trưởng trang, Vĩnh Hoa vui lòng nhận lời vì nghĩ đó là điều hay, có thể xây dựng nền móng để tụ nghĩa. Từ đó Vĩnh Hoa chiêu dân lưu tán các nơi, đón những kẻ vì bị ức hiếp mà phải rời quê hương bán quán, mở rộng trang ấp, ngầm rèn đúc khí giới, chứa cất lương thực để đợi thời cơ. Các hào kiệt về ngày càng đông, cùng cày ruộng, cùng múa giáo. Thanh thế Vĩnh Hoa ngày càng lừng lẫy, Vĩnh Hoa chọn mười cô gái giỏi võ nghệ có mưu trí làm vệ

sĩ, ngày đêm gần gũi bên mình. Lúc ấy nam nữ đã có tới ngàn người. Vĩnh Hoa mới cử các đầu mục, chia thành đội ngũ cày ruộng lấy lương ăn, tự rèn lấy gươm sắc giáo dài, tự chế lấy nỏ bèn tên cứng. Các phụ lão đều nói : " Chúng ta may ra còn thấy được cảnh tượng thái bình. Chắc cái ngày ấy cũng gần tới rồi ! " .

Phủ quan Hán thấy thanh thế trang Tiên Nha như lửa đã bốc, mới giật mình kinh sợ, phái quân đánh dẹp. Vĩnh Hoa biết lúc này không thể chần chừ được nữa, vả lại các phụ lão, các đầu mục đều xin đánh giặc Hán, khí thế như dầu sôi lửa bốc. Vĩnh Hoa bèn cho giết lợn mổ trâu, cáo tế tổ tiên, khao thưởng quân sĩ thối sáo đánh trống, múa hát làm vui, rồi đào hào đắp lũy cự địch với quân Hán.

Phủ quan đánh không nổi trang Tiên Nha, cấp báo tin dữ về cho Tô Định. Tô Định lúc này cũng đang lo lắng, hốt hoảng vì tin tức các nơi đồn dập báo về, quận Giao Chỉ đang như nồi nước bắc trên bếp sôi lên sùng sục. Tô Định truyền lệnh cho các châu, các huyện phải cố thủ thành trì, phòng giữ cho nghiêm cẩn đề phòng nghĩa quân tiến đánh.

Một hôm Vĩnh Hoa đang coi quân tập bắn nỏ chợt có nữ tốt vào báo có người lạ đến xin ra mắt để bàn việc lớn. Vĩnh Hoa truyền lệnh mời vào rồi chỉnh tề y phục thân tiếp khách. Khách là một người đứng tuổi, mặt vuông miệng rộng, mắt sáng, đi đứng khoan thai, có vài người cùng đi theo, mặc áo vải quần nâu, không mang khí giới gì. Vĩnh Hoa biết khách không phải người thường, cung kính mời trà nước. Sau một tuần nước, Vĩnh Hoa hỏi khách tên họ gì, từ đâu tới, có điều gì dạy bảo. Khách thông thả nói : " Khoan hỏi họ tên. Tôi nghe nói Vĩnh Hoa nương là anh hùng ở đời này, muốn đến cho được biết người, nay mới biết tiếng đồn quả không sai ". Vĩnh Hoa nhún nhường lại xin khách bảo cho điều hay lẽ phải. Khách nói : " Nàng có thể chống được đại quân của Tô Định chăng ? Nàng có thể đóng giữ một trang này mà làm lay động được cả Giao Châu chăng ? Nếu Tô Định đem quân các nơi về cùng đánh, nàng có thể giữ được cái trang Tiên

Nha nhỏ bé này chẳng ? ". Vĩnh Hoa ngẫm nghĩ giật mình, xin khách mách bảo cho kế lâu dài. Khách nói : " Giặc Đông Hán tham tàn, Tô Định lại là một tên thái thú ham của khát máu, cho nên bốn phương anh hùng đều đã nổi dậy. Nàng không nghe nói Lê Chân ở miền biển, Bát Nạn ở Tiên La đã từng đánh quân Tô Định thất điên bát đảo hay sao ? Ở biên giới có Bạch Nương, Vân Nương, vùng núi rừng Thiên Sơn có nàng Hồ Đê tự xưng đại vương, châu Đại Man có Xuân Hoa đã tự nghĩa. Ở đồng bằng sông Bồ Đề có Triệu Tam Trinh, nơi ba sông lớn giao nhau có Quách A nương...Nói ra còn nhiều không xiết. Chính vì thế mà Tô Định mới không động được đến cái trang nhỏ này. Và lại Tô Định tham bạo nhưng lại nhút nhát, nay nó cho lệnh cố thủ thành trì các châu huyện, đó là dịp may cho nghĩa quân các nơi. Nhưng nếu cứ mỗi người một cỏi thì đuổi sao được giặc ? Nếu có người mách Tô Định kế bẻ dũa từng chiếc thì nhân dân nước Việt Nam ta bao giờ mới thoát được cảnh chìm đắm lầm than ? Tôi chính là Nguyễn Tiến Cơ, là người thân cận của Hai Bà Trưng ở Mê Linh, được lệnh Hai Bà cho đến để bàn kế cùng nàng, cùng nhau hợp sức đuổi giặc ". Nói đoạn, hai tay cung kính đưa hịch của Bà Trưng cho Vĩnh Hoa. Vĩnh Hoa đón lấy đọc. Đọc xong nét mặt tươi cười, nói rằng : " Hai Bà là con quan lạc tướng, dòng dõi các vua Hùng, là chúa trong đám anh hùng, có trí lự sâu xa, chúng tôi không đáng cặp giáo theo hầu ! ". Lại ngoảnh bảo các người thân tín đang đứng quanh rằng : " Nay cả nước phải hợp sức lại dưới cờ của Hai Bà cùng đánh răn dập đầu mới mong lấy lại được giang sơn, giành lại được cơ nghiệp tổ tiên để lại, cứu dân thoát khỏi vòng nước lửa ", bèn giữ Nguyễn Tiến Cơ ở lại vài ngày nhờ giúp đỡ việc chinh đốn quân ngũ. Nguyễn Tiến Cơ từ chối, lại nói rằng : " Chỉ nội ngày mai, sớm tối thế nào Quách A nương cũng kéo quân qua đây về Mê Linh hợp mặt với hào kiệt các nơi dưới cờ đại nghĩa của Hai Bà. Nàng cũng nên nhanh chóng đem quân đến, không nên chậm trễ ".

Quả nhiên sáng hôm sau, mặt trời vừa tới ngọn cây, giữa dòng sông có một đoàn thuyền đang rẽ sóng, sáu chiếc thuyền lớn dong buồm đi một hàng thẳng tắp, xung quanh có hàng chục chiếc thuyền nhỏ cùng xuôi. Trên

thuyền đi đâu có một chiếc trống cực lớn, các lực sĩ đứng quanh, đầu chỉ chấm tang trống. Chiếc thuyền đi giữa có dựng một ngọn cờ đại sắc vàng quắc, hàng chục mái chèo cùng khua sóng, bọt nước tung toé như hoa. Vĩnh Hoa cùng các đầu mục ngắm mãi không chán. Vĩnh Hoa than rằng : " Hàng ngũ chỉnh tề, quân uy hùng tráng ! Ta thật còn thua kém. Những người nhu thế này mà cùng đứng dậy, giặc Hán tất phải ôm đầu cuốn cờ chạy khỏi đất nước Nam ta ". Bèn truyền lệnh mổ trâu giã bánh khao quân, giao mọi công việc trong trang lại cho các phụ lão, sáng hôm sau đem hơn một nghìn sĩ tốt về Mê Linh yết kiến Hai Bà.

Hai Bà Trưng thấy Vĩnh Hoa diện mạo khác thường, lại văn võ kiêm toàn, nên cũng mừng phần yêu mến, phong cho làm nội thị tướng quân, được theo Hai Bà ở đạo trung quân dự bàn mọi công việc. Quân của Vĩnh Hoa cũng được phiên chế lại.

Hai Bà đem quân về nghỉ ở Bạch Hạc một ngày, cưỡi ngựa ngắm xem địa thế, biết đây là nơi hiểm yếu, là cửa ngõ thành Bạch Hạc, nghĩ nhớ tới tổ tiên, lại nghĩ tới vận nước, trong dạ bồi hồi. Bà Trưng chị quay lại bảo Bà Trưng em : " Nay mai em phải về đây xây dựng thành nơi cứ hiểm phòng giữ lâu dài cùng là gìn giữ phần mộ ông cha ". Hôm sau Hai Bà về núi Hùng làm lễ cáo tế tổ tiên xin phù hộ cho dẹp yên giặc Hán, lấy lại được nghiệp cũ. Sau đó Hai Bà kéo quân về Hát Môn.

Từ đó lệnh khởi nghĩa truyền đi cả nước, khắp các châu, các huyện, các làng, các động gươm giáo dựng lên. Các thành trì của giặc Hán lần lượt rơi vào tay nghĩa quân. Thủ phủ Luy Lâu của Tô Định tan vỡ trước sức tấn công mãnh liệt của đại quân Hai Bà. Chưa đầy một năm, Hai Bà thu hồi được 65 thành trì cõi Lĩnh Nam, lên ngôi vua, đóng đô ở đất Mê Linh, không chịu thần phục nhà Hán.

Trưng nữ vương mở tiệc khánh hạ, khao thưởng ba quân, phong cho các tướng có công. Vĩnh Hoa được phong công chúa, cho phép lấy trang Tiên Nha làm thực ấp, cho xây dựng đồn trại bên sông.

Ba năm sau, Mã Viện thừa lệnh vua Hán cầm quân sang chiếm lại nước ta. Nhiều trận đánh lớn diễn ra ở các miền sông Đuống, sông Mã, sông Hồng. Vĩnh Hoa ngày đêm nghiêm ngặt tuần phòng. Một hôm Vĩnh Hoa tiếp được lệnh Vua Bà cho gọi về triều theo đạo quân của Vua Bà đi đánh giặc. Mã Viện hai lần thua lớn, xin vua Hán cử gấp viện binh sang, rồi mở trận đánh quyết liệt. Hai bên giáp trận, đánh nhau rất lớn ở Lãng Bạc. Hai Bà túng thế rút về Mê Linh. Mã Viện là một tên tướng quý quyết, thường dùng mưu kế xảo trá, quân ta cự không lại, vỡ tan dần.

Hai Bà Trưng thế cùng lực tận, tuấn tiết ở sông Hát.

Vĩnh Hoa rút về trang Tiên Nha cố sức cầm cự, nhưng biết là không giữ nổi nữa, mới cùng quân lính lên ngựa xông vào trại giặc chém giết một trận rồi tử tiết theo Hai Bà ở sông Nguyệt Đức. Hôm đó là ngày mười bốn tháng chín (1) .

Chú thích:

(1) - Vĩnh Hoa công chúa được thờ ở đình Nghênh Tiên, Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc. Tiên Nha trang nói trong truyền thuyết trên chính là Nghênh Tiên có thể gồm thêm một số thôn lân cận

(2) - Vua Lê Đại Hành phong là " Vĩnh Hoa nương linh hiển nữ quốc công chúa ", lại phong là " Hằng Nga uyển mị trinh thực phụ nhân tôn thần ", Lê Thái Tổ (Lê Lợi) phong là " Đức hạnh đoan trang trinh tiết phu nhân ".

Nguyễn Khắc Xương
Nữ tướng thời Trưng Vương
LÊ NGỌC TRINH
ĐẠI TƯỚNG

Hai chị em Ngọc Thanh và Ngọc Trinh là con gái của ông bà Lê Hoàn, người ở xã Lũng Ngòi. Ông bốc thuốc, bà làm ruộng. Ông Lê Hoàn là người có đạo đức, lấy nhân làm nền, lấy nghĩa làm gốc, giúp đỡ chạy chữa cho những người nghèo không cần hỏi tiền nong, coi mạng người là quý mà không ham lợi. Vì ông đã hay thuốc lại nhân đức nên mọi người đều kính trọng, không ai gọi tên cái mà chỉ gọi là ông lang Lũng Ngòi.

Hai ông bà một hôm ngồi nghỉ chân bên đầm sen ở Đàm Luân, một thôn của Lũng Ngòi. Lúc đó trời đã quá chiều, cánh đồng bát ngát không một bóng người, đầm ruộng gió đưa hương sen thoang thoang. Những bông sen thắm xoè cánh phô đĩa nhị vàng khê lay động trên gương nước biếc. Mấy chú chim sâu nhỏ tí, đỏ xẫm, nhảy nhót xập xoè bắt nhện trên những bông sen. Những cây liễu bên đầm nghiêng mình soi gương, bóng chiều tha thướt vàng cành. Lê Hoàn và vợ say mê với cảnh không nở rời chân. Ông buột miệng than thở : " Giang san Âu Lạc ta thật là gấm vóc của trời, tiếc rằng bao lâu nay bị giặc ngoài giày xéo, đau khổ biết chừng nào ". Bà vẫn biết ông có tâm sự nên chỉ nói : " Ông ạ, tối mãi cũng có lúc sáng, mưa mãi cũng có lúc nắng. Biết đâu đến đời con chúng ta lại chẳng được thấy những sự đổi thay to lớn ! ". Bà nói xong lại chột buồn vì nghĩ đến chuyện con cái. Vợ chồng làm bạn với nhau kể cũng đã lâu thế mà...

Bỗng trời nổi gió, một đôi chim phượng từ đâu bay tới lượn cánh trên đầm, sắc lông như ngọc rực rỡ toả sáng. Đôi phượng múa lượn mấy vòng rồi lại sải cánh bay đi, chốc lát đã không thấy đâu nữa. Ông vui mừng nói : " Ai ngờ hôm nay lại được nhìn thấy chim phượng. Đây là loài chim quý, mấy ai đã được nhìn thấy. Hân chúng ta có niềm vui mừng đây ! ". Bà cười, nói khê với ông : " Điềm vui gì cũng chẳng bằng có một đứa con ông ạ ". Sau

hôm ấy, bà có thai, sinh đôi được hai con gái, đặt tên cho cô chị là Ngọc Thanh, cô em là Ngọc Trinh, tục thường gọi là Á Chàng và Á Chạ.

Á Chàng và Á Chạ đều xinh tươi như đôi bông sen thắm, nhưng từ nhỏ hai chị em đã thấy nhiều phần khác nhau về tính nết -, mà vẻ đẹp của hai người cũng không giống nhau.

Lê Ngọc Thanh là chị, dung nhan đảm thắm, tính nết hiền lành, chăm chỉ việc đồng ruộng vá may, thật là một cô gái nết na thùy mị.

Cô em Lê Ngọc Trinh trái lại dung mạo sắc sảo, đôi mắt lóng lánh, môi như hoa lựu đỏ tươi, không bao giờ yên chân yên tay, cười nói hóm hờ, ưa chạy nhảy thích đánh gậy ném đá.

Khi chẵn trâu, Ngọc Trinh thường bày trò đánh quân chia các trẻ chẵn trâu làm hai phe, gậy đá đánh nhau, có khi sút đầu mẻ tai. Nhiều người thường phàn nàn với ông bà Lê Hoàn về cái nết nghịch ngợm của Ngọc Trinh.

Năm Lê Ngọc Thanh mười chín tuổi, một viên quan đô hộ cho người đến dạm hỏi. Ông bà Lê Hoàn không thuận. Viên quan đô hộ ức hiếp, bắt Lê Ngọc Thanh về làm tiểu thiếp. Vài tháng sau, Lê Ngọc Thanh đau buồn quá qua đời.

Hai ông bà Lê Hoàn căm giận kẻ ngoại tộc thống trị, xót thương con gái, uất ức sinh bệnh, lần lượt qua đời. Khi sắp mất, ông cầm tay Á Chạ, ứa nước mắt nói : " Con có khí phách của người anh hùng, không như hạng nhi nữ thường tình. Vì nước mất nên nhà mang nhục, con hãy ghi nhớ lấy ! ", lại ngoảnh nhìn ông em vợ, chỉ vào con gái, lại chỉ vào bụng mình, kêu to lên một tiếng rồi mất.

Lê Ngọc Trinh ghi nhớ lời cha, nung nấu thù nhà nợ nước, mới bàn việc với ông cậu, cùng mưu việc báo quốc.

Có lần Lê Ngọc Trinh hỏi ông cậu : " Kết bạn với người tuấn kiệt, tìm gặp những kẻ anh tài, việc đó là quan trọng nhất lúc này, có phải thế không cậu ? ". Ông cậu đáp : " Phải ! ". Trinh hỏi tiếp : " Khi có vây cánh rồi thì phải xây dựng lực lượng, ngày đêm luyện tập, có phải thế không cậu ? ". Ông cậu đáp : " Phải ! ". Nàng lại hỏi : " Có nghĩa binh rồi, lúc ấy sẽ dựng cờ đại nghĩa, chống phu chống thuế, giặc đến thì đánh có phải thế không cậu ? ". Cậu đáp : " Phải ! ", và nói : " Này cháu, cháu hỏi ta ba câu, ta đều cho là phải. Sự việc phải như thế. Đó chính là những bước đi của chúng ta đấy. Nhưng cậu muốn nhắc cháu một điều : bước vội thì dễ vấp, cháo nóng muốn ăn ngay sẽ bị bỏng. Vả lại quân cần có lương, có lương mới đánh được lâu dài. Cho nên cần tích thóc trữ ngô phòng khi đói kém hay bị giặc vây hãm. Có lương chưa đủ, lại nên chia quân thành đội ngũ, hiệu lệnh nghiêm minh, kỷ cương chặt chẽ, có thế mới tránh khỏi là quân ô hợp. Vậy chúng ta không nên ham luyện tập mà lơ là việc cày cấy, lại nên cử các đầu lĩnh, đội ngũ rõ ràng, cháu nghĩ thế nào ? ". Lê Ngọc Trinh vui mừng mà rằng : " Lời cậu dạy bảo làm cháu sáng ý ra nhiều. Lúc này sức chúng ta còn mỏng, ta nên giữ kín hình tích, khỏi bị giặc kia dẹp non ".

Một ngày cuối thu, trời đã chớm lạnh, Ngọc Trinh đi viếng phần mộ cha mẹ và chị, nghĩ cảm động trong lòng, thầm khẩn rằng : " Cha mẹ hãy về giúp sức cho con sớm diệt kẻ thù, cho thỏa chí nguyện của cha mẹ và rửa hờn cho chị ". Khẩn xong, nước mắt ướt đầm đôi gò má. Chợt Ngọc Trinh nghe có tiếng chân bước mé sau, nàng ngoảnh lại, thấy ông cậu rảo bước tới, theo sau có hai người lạ mặt. Ngọc Trinh vội gạt nước mắt. Một người lạ số sàng nói : " Thù nhà nợ nước, khóc có ích gì. Nước mắt đuổi sao được giặc ? ".

Ngọc Trinh nhìn ngắm người vừa nói, thấy người ấy đã đứng tuổi, mặc áo vải thô rách vai, người thấp và đậm, trán dô, miệng rộng, mắt sáng lóng lánh. Cùng đi với người đó là một người còn trẻ, gương mặt gầy và xanh, vai đeo một bọc nhỏ, lưng thắt dây thừng có gài con dao ngắn. Ngọc Trinh

cúi đầu chào hai người rồi nói : " Tráng sĩ nói rất phải. Chẳng qua là lòng con nhớ cha mẹ nên mới có những giọt nước mắt thương tình. Các tráng sĩ tới đây, vôai vĩa ra nơi tha ma mộ địa này gặp tôi, chắc có điều gì khẩn cấp ? ". Người lớn tuổi thấy mình cố tình nói sỗ mà Ngọc Trinh không hề giận, cử chỉ lại khiêm nhượng, nên lấy làm khâm phục, nói rằng : " Người ta vẫn nói Ngọc Trinh quý người, nhún nhường, lễ độ, quả cũng không sai. Chúng tôi ghé thuyền cập bến đúng là có việc cần gặp nàng ". Bấy giờ ông cậu mời mọi người về nhà, cùng bàn việc.

Họ là những người chở đò dọc sông Hồng, đều là người có tài chí. Họ biết có một đoàn thuyền lương của giặc sẽ đi từ sông Đáy ra sông Hồng, một tên tướng là Lưu Ứng Khâm áp tải, nên đến bàn với Ngọc Trinh việc cướp lương. Ông cậu nói : " Bác Nguyễn Hiền đây muốn lấy đoàn thuyền lương ấy để ra mắt chúng ta đấy ! ". Mọi người đều cười. Nguyễn Hiền và Nguyễn Thái Nhạc cho biết nếu Ngọc Trinh vui lòng nhận " món quà ra mắt " ấy, hai người sẽ tụ hợp các bạn chài đón đánh đoàn thuyền và Ngọc Trinh sẽ cho quân phối hợp. Hai ông cho biết đoàn thuyền lương sẽ nghỉ ở bến làng Cao, chỉ cách Đàm Luân năm dặm và cách đại đồn quân Hán ở Ngã ba Hạc ba dặm.

Ngọc Trinh nói : " Ta đánh bất ngờ, chắc là được. Nhưng đánh xong thì giặc sẽ đánh phá từ làng Cao tới Đàm Luân, các xã bên sông sẽ bị lung sục, bắt bớ. Vậy phải tính thế nào ? ". Nguyễn Hiền hăng hái nói : " Dân chài bị giặc ức hiếp quá quắt, chỉ muốn vùng dậy. Còn nói giặc đánh vào Đàm Luân và bắt bớ các xã ven sông ư ? Thì chúng chẳng vẫn bắt vẫn đánh và giết dân ta đó sao ? nào phu, nào thuế, nào cống phẩm, nào nô tì...dân bị vắt kiệt cùng, còn sợ gì nữa ! Ta sẽ thừa thắng dựng cờ khởi nghĩa, rào làng đắp lũy, ra mặt chống giặc. Tình thế sôi sục lắm rồi. Đặng tướng công chủ trương châu Bạch Hạc bị giặc sát hại vì đồng mưu với Thi Sách lật đổ nền đô hộ. Phủ Thái thú đưa quân Hán về cai trị châu Bạch Hạc khi khắp nơi hào kiệt đều dưỡn mình đứng dậy. Người bị bắt cũng nhiều, người bị giết cũng có, nhưng nào có ai nhụt chí ! ". Ông cậu nói : " Từ chuyện cướp

lương thực ra chuyện khởi nghĩa, đó là việc lớn không dễ coi thường, chúng ta phải bàn cho kỹ mới được ". Mọi người bàn bạc hồi lâu, quyết định thừa dịp này khởi nghĩa trong vùng, cướp lương giặc để gây thanh thế, bắt tướng giặc lấy máu tế cờ. Lập tức Ngọc Trinh cho mời 18 trang chủ kết nghĩa đến cùng họp bàn cắt đặt công việc.

Hai ngày sau, đoàn thuyền lương của giặc đến đỗ ở bến làng Cao. Vào hồi canh ba, khi giặc đang say giấc ngủ, nghĩa quân nổi lửa, trên bộ dưới nước người mang đao, người cầm gậy, ào ào xông tới vây kín đoàn thuyền. Nguyễn Hiền hai tay hai đao nhảy lên thuyền tướng đánh bắt Lưu Ứng Khâm. Tướng giặc trong lúc bất ngờ trở tay không kịp bị Nguyễn Hiền bắt sống trói lại. Ngọc Trinh cho dân binh lên thuyền chuyển lương, còn các bạn chèo giáp chiến với lính Hán. Những người dân chèo đoàn thuyền lương lúc này cũng vui mừng hợp sức với nghĩa quân đánh giết giặc Hán, chuyển vận lương lên bờ. Ông cậu chặn đường từ Bạch Hạc, đề phòng đồn Hán có quân cứu viện, nhưng đến khi lương đã chuyển xong, thuyền giặc đã bị đánh chìm hết mà vẫn không thấy bóng quân Hán cứu viện, ông cậu cũng rút quân về.

Ngay sáng hôm sau, Ngọc Trinh tế cờ khởi nghĩa chém đầu Lưu Ứng Khâm lấy máu bôi cờ và bôi mặt trống. Mọi người tôn Lê Ngọc Trinh làm nữ chủ soái, tôn ông cậu là phó soái trưởng lĩnh quân cơ, đặt soái sở ở Đàm Luân, tự lập một giang san riêng, không tuân theo chính lệnh của Phủ thái thú.

Quân ta tế cờ hôm trước thì hôm sau giặc đến đánh, nhưng nhờ đã đoán trước tình thế, phục binh đánh một trận, giặc thua phải rút chạy. Sau trận thắng ấy, nhân dân càng thêm tin tưởng và hăng hái.

Một hôm ông cậu hỏi Lê Ngọc Trinh : " Nếu giặc thù đến vây bốn mặt, ta làm sao mà chống lại được ? ". Lê Ngọc Trinh hỏi kế, ông cậu nói : " Giặc tất đến đánh ta để dẹp cái lo của chúng. Nếu ta tập trung cả quân tướng vào

một nơi, lương thảo dồn một chỗ, có thể bị vây tuyệt đường bên ngoài, bị hãm vào thế cô lập. Nay ta nên tổ chức các trang trại xung quanh cùng đào hào đắp lũy. Đàm Luân như nhị sen, còn các làng xung quanh là cánh sen, một trang bị vây thì các trang khác cùng tiến đánh, như thế mới là kế lâu dài ". Ngọc Trinh khen phải, đi bàn với các trang chủ, các trang chủ đều nghe lời. Quả nhiên, quan quân đô hộ mấy lần đến đánh Đàm Luân đều bị trong đánh ra ngoài đánh vào, phải lui quân.

Hồi đó, tráng sĩ khắp quận Giao Chỉ đều mài giáo rèn gươm, chỉ trông đợi có dịp quét sạch giặc Hán ra khỏi bờ cõi. Hào kiệt theo về với hai vị nữ anh hùng họ Trưng ở Mê Linh như nước chảy về chỗ trũng. Lê Ngọc Trinh đem nghĩa binh về với Hai Bà, trình bày mọi công việc của mình ; Hai Bà đẹp lòng, khen ngợi, giao ấn Tả tướng quân. Ngọc Trinh nương lĩnh quân theo Hai Bà về Hát Môn dự lễ cáo tế trời đất rồi tiến quân đánh Tô Định. Lê Ngọc Trinh gắng giời bày mưu định kế, dũng cảm hăng hái thống lĩnh tả quân lập nhiều công trạng. Sau trận đánh thắng Tô Định, Ngọc Trinh nương được Trưng nữ chủ thăng phong là Đại tướng quân.

Đại tướng quân Lê Ngọc Trinh rong ruổi ở Tây Vu, lấy cờ thêu chim phượng làm cờ hiệu, vó ngựa tới đâu, giặc tan tới đấy. Một vùng lưu vực các sông Lô, Gầm, Cháy, chẳng bao lâu đều sạch bóng giặc, hàng chục thành lũy quy về với nghĩa quân. Trưng nữ chủ khen Lê Ngọc Trinh là " Quân thoa hào kiệt, dũng lược tuyệt trần ", ban cho nàng một chiếc trống đồng làm lệnh.

Đẹp xong giặc nước, Bà Trưng chị lên ngôi vua, xưng là Trưng Vương, phong Lê Ngọc Trinh tước công chúa. Lê Ngọc Trinh nghĩ nhớ câu chuyện bố mẹ nhân chơi mát ở Đàm Sen, thấy chim phượng hiện mà sinh ra mình mới xin được đặt hiệu là Ngọc Phượng. Vua Trưng ưng chuẩn, lại cho về xây dựng cung sở ở Đàm Luân.

Hán Quang Vũ lo sợ, cử thêm quân sang cho Mã Viện. Có lần Mã Viện hạ

lệnh cho phó soái Lưu long thân đem quân tiến đánh đồn trại Đàm Luân, nói rằng : " Người phải gắng sức, vì thành Đàm Luân là cái lá chắn bên sông vùng đồng bằng phía Tây và Nam Mê Linh, che chở các đồn trại thành lũy trung tâm của Trưng tặc. Phá được thành Luân, người tiến quân thật nhanh về Mê Linh, hợp với ta từ Lãng Bạc dồn về, ắt Trưng tặc phải nguy khốn ! ". Lưu Long vâng lệnh điểm quân mã rầm rộ tiến đánh Đàm Luân.

Giặc mở trận bất ngờ, đánh rất gấp vây chặt Đàm Luân. Quân của Ngọc Phượng công chúa Lê Ngọc Trinh cố sức phá vây. Hai quân giáp chiến từ lúc gà chưa gáy sáng cho tới khi tiếng gà đã báo ngộ mà vẫn chưa nghỉ. Trận đánh lớn diễn ra ở Gò Mây. Trống nổi vang trời, giáo đâm dao phạt. Ngọc Trinh quyết phá trận giặc, tả xung hữu đột. Đang lúc trận đánh diễn ra quyết liệt, nữ soái lỡ đánh rơi gươm, liền cởi ngay dải yếm bọc đá mà đánh. Nữ tướng càng đánh càng hăng hái, chiến mã hí vang, dựng bờm tung vó. Giặc khiếp hãi oai thần phải rạt cả ra không tên nào dám lại gần. Tiếng trống đồng nổi lên oai hùng thúc giục, cờ phượng dương cao, quân Nam cùng hô một tiếng dậy đất tiến theo nữ tướng, nức lòng xông xáo. Lưu Long giáp đấm mồ hôi, mặt như chàm đỏ, vội hô quân tháo chạy, vượt sông rút về bên sông Đáy.

Đại tướng quân Lê Ngọc Trinh cầm cự với quân Mã Viện ròng rã một năm trời, giặc không sao đánh vào được nội địa.

Mã Viện bị Hán Quang Vũ quở trách, thúc giục, liền hợp với các tướng, bàn cách phá cửa ải Đàm Luân. Mã Viện cho rằng dùng đại quân không thể thắng Lê Ngọc Trinh được, mới tìm cách dùng kỳ binh, cho quân rút hết, trong ba tháng không quấy nhiễu Đàm Luân một trận nào.

...Một hôm Lê Ngọc Trinh đang tắm ở đầm sen, chợt có cấp báo quân giặc đã ập đến. Ngọc Trinh chỉ kịp mặc áo mỏng, lên ngựa ra giao chiến. Giặc dùng nỏ cứng bắn như mưa. Ngọc Trinh múa kiếm đón đỡ, mong chờ quân

tới cứu, nhưng Mã Viện đích thân cầm quân vây kín các ngã, lại đánh làm nhiều mũi nhỏ, cắt xén quân Nam làm nhiều mảnh. Quân Nam bị chặn đánh khắp nơi không ứng cứu nhau được. Mã Viện xông thẳng vào nơi Lê Ngọc Trinh bị vây hãm, thấy nàng quả là tiên nữ giáng trần, hai tay múa kiếm, khí phách anh hùng. Mã Viện bất giác cũng sinh lòng kính phục liền thét quân phải tìm cách bắt sống. Ngọc Trinh biết đại sự đã hỏng, nói rằng : " Cha mẹ ta thấy chim phượng ở đầm sen mà sinh ra ta, nay ta lại gửi thân ở Đầm Sen này ", nói đoạn liền nhảy xuống đầm sen tử tiết.

Lê Ngọc Trinh hai mươi tuổi dựng cờ tụ nghĩa làm chủ một phương. Hai mươi một tuổi theo Trưng Vương cứu nước lĩnh ấn Tả tướng quân, phá tan các thành trì của giặc ở một dải đất trung du mênh mông, quét sạch giặc thù. Hai mươi hai tuổi được phong công chúa, dựng thành đắp lũy lo kế chống giặc lâu dài, một trận đánh ở Gò May làm giặc Hán kinh hồn vỡ mật, chống nhau với Mã Viện là danh tướng của nhà Hán trên một năm trời. Đại tướng quân Lê Ngọc Trinh thật xứng với lời ban khen của Trưng Vương : " Quân thoa hào kiệt, dũng lược tuyệt trần ", nêu cao tấm gương anh hùng cho muôn đời sau vậy (1).

Chú thích:

1. Trang Lũng Ngòi, Gò May và Đầm Luân nay là xã Lũng Hòa, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phú, có thể thời Lê Ngọc Trinh căn cứ Đầm Luân còn gồm cả xã Bồ Sao ngày nay. Khu căn cứ này nằm ở gần Cầu Việt Trì, ngã ba Bạch Hạc, mé Hà Nội về và đường quốc lộ 2 chạy qua ngày nay.

Nhân dân địa phương thờ Lê Ngọc Trinh với lòng tưởng nhớ anh hùng ở miếu Lũng Ngòi, đình Lũng Ngòi và đình Hòa Loan. Trong các ngày cầu tế có tục hú đáo, kéo co mang tính chất kỷ niệm dựa theo truyền thuyết.

Hú đáo thôn Lũng Ngòi (hay Lũng Ngoại : (traoi gái lấy đá ném vào một cái cọc chôn cách mười bước chân, cứ trúng cọc là được. Kéo co, trai gái chia làm hai phe thi nhau kéo co bằng một chiếc dây song. Các cụ nói rằng hú đáo và kéo co ở đây không phải là trò chơi hội làng mà là để nhắc lại kỳ tích anh hùng của Ngọc Trinh nương, khi nương bị giặc vây hãm lấy dải

yếm bọc đá để đánh giặc. Sau hòn đá rơi về địa phận Lũng Ngòi nên Lũng Ngòi hú đáo còn dải yếm bay về địa phận Hòa Loan nên Hòa Loan kéo co.

Nguyễn Khắc Xương
Nữ tướng thời Trưng Vương
LÊ THỊ LAN
TƯỚNG QUÂN

Ngọn cờ đại treo cao trên một cây mai (tre mai) lớn chôn trước cột đình, phồng gió căng ra như một cánh buồm, lòng cờ đỏ thắm có chữ " Nghĩa " nổi bật, đen nhánh. Hàng chục lá cờ nhỏ nhiều màu sắc cũng đang hớn hờ vẫy mình trước gió.

Khu đình làng Mía sớm nay nhộn nhịp người. Trên nhang ánh đèn nền sáng choang, khói hương nghi ngút. Những cánh cửa nhỏ chạm rồng phượng hoa lá ở thượng cung mở rộng. Ông từ, miệng bịt khăn điều, leo lên một cái thang tre nhỏ xếp đặt hương hoa ngũ quả bày trên thượng cung rồi lại xuống thang túc trực cạnh nhang án.

Tiếng loa cất vang nhắc lại rành rọt : " Nữ chủ tướng truyền lệnh cử hành đại lễ khởi nghĩa diệt thù ! "

Trống chiêng nổi lên ba hồi chín tiếng. Hàng ngàn con người bỗng im phăng phắc.

Nữ chủ tướng nghiêm trang bước lên đàn, một nền đất cao hình chữ nhật có cắm một chiếc cờ vuông. Hàng ngàn con mắt long lanh nhìn về chủ tướng. Không một tiếng nói, một tiếng động, chỉ còn nghe thấy những hơi thở mạnh và tiếng phần phật những ngọn cờ bay trước gió.

Môi chủ tướng hơi run và mắt nàng nhòa ướt.

- Ta và giặc Hán không thể cùng đội trời chung ! Chúng ta phải khởi nghĩa để đánh đuổi giặc Hán ! Tôi, Lê Thị Lan, nữ chủ tướng nghĩa quân, tôi cử em tôi là Lê Anh Tuấn làm phó tướng. Chúng ta sẽ phiên chế đội ngũ và sẽ

kéo quân về Hát Môn hội với Trưng nữ chủ. Mọi người hãy nghe mệnh lệnh của tôi và của em tôi !

Lê Thị Lan và Lê Anh Tuấn là hai chị em ruột sinh đôi, quê ở làng Mía, xứ Đường Lâm, trấn Sơn Tây.

Ở làng Mía có vợ chồng ông Lê Tuân và bà Đặng Thị Sách, ông bốc thuốc bà làm ruộng, ăn ở hiền lành, cuộc sống đầy đủ, chỉ hiềm vì nỗi muộn con. Nghe người nơi xa đến xin thuốc mạch bảo, hai ông bà cất công qua bến lặn rừng ngày đi đêm nghỉ tìm đến trang Văn Lang xứ Thao Giang để cầu tự.

Trang Văn Lang nằm bên sông Thao, dựa lưng vào núi, dân cư đông đúc có bến có chợ, là nơi các xứ qua lại để trao đổi hàng hóa, nào thóc lúa, lợn gà, móc mây, củ nâu, gỗ v.v... Đây là một trạm kiểm soát của giặc Hán, với một viên đầu mục, một viên quan thuế, hai viên lại và mười hai tên lính để kiểm soát đường sông và quản lý bến chợ v.v... Vợ chồng Lê Tuân tìm vào các xóm chân núi ven rừng, nhờ người địa phương chỉ giúp, mới thấy một tòa miếu nhỏ tường gạch mái lá nằm ẩn dưới bóng đa cổ thụ. Cứ theo dân đây kể thì miếu này thờ một bà chúa là người đã lập ra trang Văn Lang này, chỉ biết bà họ Hoàng, còn tên húy không ai nhắc đến. Ông bà Lê Tuân đem lễ vật đến cúng và nghỉ ngay tại miếu. Đêm thứ ba bà mơ thấy một em gái xinh xắn tươi cười chạy đến đưa cho bà một cành lộc non. Em gái vụt biến đi, cành lộc non trong tay bà nở ra một đóa hoa lan trắng muốt và một trái đào đỏ tươi. Mùi hương sức nức làm bà tỉnh giấc.

Ở chơi trang Văn Lang vài ba ngày, hai vợ chồng lại trở về Đường Lâm.

Ngày tháng trôi qua, bà Đặng Thị Sách sinh được một gái, một trai, tiếng khóc vang như tiếng chuông. Hàng xóm láng giềng đến thăm hỏi, ai cũng mừng cho hai ông bà, và đều cả quyết là ông bà đã sinh được quý tử sau này sẽ làm rạng danh cha mẹ. Làng có tục mỗi người đến thăm trẻ mới sinh

đều gánh cho gia đình một gánh nước và biếu một nắm gạo. Nhà ông bà Lê Tuấn tấp nập người xa gần đến chia vui. Nguyên hai ông bà đều là người phúc hậu, ông lại mát tay hay thuốc, cứu chữa được nhiều người, nên không những người làng mà người trong quận hạt đến thăm hỏi cũng đông.

Ông bà đặt tên cho hai con là Lan và Tuấn. Hai chị em đều đẹp đẽ, khỏe mạnh và thông minh. Cha mẹ cho con học chữ của một thầy đồ ở làng bên, lại chiều theo ý con, đón thầy về cho con học võ. Ngày thì múa côn, tập đánh thiết lĩnh, tối lại thắp đèn ôn luyện văn bài, hai chị em Lan, Tuấn học hành tấn tới, các thầy đều khen ngợi, ông bà Lê Tuấn cũng mừng lòng.

Vào năm hai chị em mười bảy tuổi, trời làm đói kém hạn hán tiêu khô, ruộng nẻ chân chim, lúa nghẹn mong nước. Nhiều nơi dân đói bỏ làng đi tìm ăn đây đường đây chợ. Xứ Đường Lâm cũng là một trong những vùng bị đói kém nghiêm trọng.

Mặc cho đói kém mất mùa, bọn quan lại người Hán cùng một số tay sai bản địa vẫn bóc lột nhân dân thậm tệ, lại nhân dịp này mua rẻ nhà cửa ruộng vườn. Không những vậy, chúng còn bắt nhân dân vét thóc giống ra để nộp cho đủ tô đủ thuế. Dân Đường Lâm cũng đói như các vùng, ai cũng cau mày nghiến răng, chỉ những muốn ăn tươi nuốt sống bọn bóc lột kia cho hả giận.

Ông bà Lê Tuấn cũng phải bán bớt ruộng vườn để nộp thuế cho giặc. Tới khi giặc cùng bọn tay sai đến các nhà bắt nộp thóc giống, ông bà bất bình kháng cự. Thế là ông bị chúng quát mắng đánh đập. Bát hương thờ tổ tiên là vật thiêng liêng của gia đình cũng bị chúng hắt xuống đất rồi lấy gậy đập tan. Cuối cùng thóc giống vẫn mất, thân lại bị đòn, cửa nhà bị phá phách, ông nghĩ uất giận, thổ máu liên mấy ngày rồi mất. Bà chôn cất cho ông xong cũng vì quá ưu phiền nên lại nổi gót ông ra đi. Lê Thị Lan và Lê Anh Tuấn nhân ngày giỗ bố mẹ mời các bậc già cả và đàn anh trong họ đến, bàn việc rửa hờn cho gia đình, gỡ nổi thống khổ cho nhân dân. Mọi người đều

gật đầu nói rằng việc nên làm. Từ đó, Lan và Tuấn bắt đầu giao du hào kiệt, tụ họp bè đảng, tựu nghĩa ở xứ Đường Lâm.

* * *

Sau khi về Hát Môn hội quân dưới ngọn cờ tiết chế của Hai Bà Trưng, Lan và Tuấn được giao nhiệm vụ đem quân bản bộ quét sạch giặc ở hạt Thao Giang. Hai chị em vui mừng nhận lệnh, thủy bộ cùng tiến, quân đi tới đâu giặc tan tới đó, chẳng bao lâu đã tới trang Văn Lang. Giặc đóng ở đây chỉ có một đồn nhỏ đã tan chạy trước khi nghĩa quân kéo tới.

* * *

Lê nữ tướng quân họp với các tướng, ban lệnh bố phòng. Nữ tướng đóng trên núi Ao Giời, trong rừng cọ, phó tướng đóng ở thung lũng chân núi. Mé ngoài là một dãy đồi, có hai trại quân để giữ lối vào thung lũng.

Từ rừng tới bến, bốn quân doanh : Nam, Bắc, Đông, Đoài, ngày đêm tuần tiễu, có đồn kiểm soát thuyền bè xuôi ngược ở bến sông, cho dân họp chợ như cũ. Nữ tướng quân thấy thung lũng nằm giữa núi đồi nên cho phát quang cấy lúa, đặt tên là Đồng thóc. Nàng điều quân giúp dân đánh gốc bóc trà ở một dải đồng hoang ngoài khu đồi, rồi đặt tên cho nơi đó là Đồng phi nhiêu. Xong đâu đấy nữ tướng quân mở hội lớn, giã gạo nếp làm bánh dày, mổ trâu lấy da căng làm nồi nấu thịt. Ngày mười hai tháng giêng, trời đẹp, nắng ngọt, Lê nữ tướng đại duyệt quân sĩ ở bến Cát Lớn.

* * *

Nữ tướng quân nhận được lệnh của Trưng nữ chủ triệu về bàn kế hoạch đại phá Luy Lâu. Được lệnh đánh giặc, ai nấy đều phấn khởi, quân sĩ đánh trống múa nháy, nhân dân đem gạo và rượu đến mừng. Việc giao cho một vị tùy tướng họ Nguyễn, trấn giữ vùng thượng châu Thao Giang. Còn nữ tướng quân cùng phó tướng Lê Anh Tuấn đem đại quân về gặp Trưng nữ chủ nhận lệnh.

Trận đánh Luy Lâu kéo dài nửa tháng. Hôm đó Trưng nữ chủ được tin đạo quân Đông Bắc của giặc về cứu viện Luy Lâu theo đường thủy đã bị Lê Chân nữ tướng đánh tan, còn đạo quân Tây Bắc do tên tướng nổi danh Lâm

Thiệu Hưng cầm đầu theo đường bộ tiến về Luy Lô cũng bị chặn đứng ở Bắc Yên Phong. Trưng chủ bèn cho bắn các tờ cáo yết nêu rõ hai việc đó trong thành kêu gọi nhân dân trong thành nổi dậy đánh giặc. Tô Định nhận được tin dữ hai đạo quân cứu viện bị tan, tâm thần hoảng hốt, các tướng Hán cũng đều sợ mất mật, bọn lính thì nháo nhác hoang mang. Đêm đó, quân ta vây thành rất gấp, tiếng reo dậy đất, lửa sáng rực trời. Nữ tướng quân Lê Thị Lan và phó tướng Lê Anh Tuấn được lệnh đem quân bản bộ đánh mé sau thành, cả hai hăng hái dẫn quân đi. Lê nữ tướng hạ lệnh cho quân lấy rơm ướt bện vào ván làm mộc, lấy dây mây làm thang, đắp đất làm ụ, bỏ giáo cầm đao mà nhảy vào thành. Bấy giờ Lê nữ tướng tự tay đánh trống, Lê phó tướng hai tay hai đao dẫn đầu quân xông lên thành, quân sĩ đều gắng sức. Lần đánh thứ nhất, giặc từ cao ném đá đổ vôi xuống, quân ta không vào được thành. Lê phó tướng bị trúng tên. Lê nữ tướng một tay phất cờ hiệu, một tay vung kiếm báu, cất mình nhảy lên ụ cao. Chỉ một chốc ngọn cờ hiệu đã bay trên mặt thành, đỏ rực trong ánh đuốc (1)

Chú thích:

1. Thần tích xã Văn Lang huyện Hạ Hoà, Vĩnh Phú chép rằng trận hạ thành Luy Lô, hai chị em Lê Thị Lan, Lê Anh Tuấn được phong ấp ở Đường Lâm và có trở lại trang Văn Lang rồi cả hai đều mất ở đó vào ngày 25 tháng tám âm lịch.

Núi non địa thế miêu tả trong trận trên, được kể lại theo truyền thuyết địa phương. Dãy núi này là nơi ba huyện Hạ Hoà, Cẩm Khê, Yên Lập tiếp giáp nhau, và ngọn núi cao nhất có Ao Giời sau này được đặt tên là núi An. Theo lời các cụ thì nàng Lê Thị Lan đã mất ở đó. Các địa hình và địa danh Ao Giời, Tiên mẹ Tiên con, khe Nước chồi, Đồng thóc, Đồng phì nhiều đều là có thật.

Nguyễn Khắc Xương
Nữ tướng thời Trưng Vương
PHẬT NGUYỆT
TẢ TƯỚNG THỦY QUÂN

Chuyện trò hồi lâu, bà goá nói với cô con gái đang ngồi vót nan bên chõng tre : " Tôi đi dỡ mấy củ khoai về luộc ăn cho vui miệng ! ". Người con gái vẫn đều tay đưa lưỡi dao, ngược mắt nhìn người đàn bà mái tóc đã điểm bạc và nói : " Thôi mẹ! Nói chuyện một lát rồi ta đi ngủ thôi mẹ ạ ! ". Bà goá bước ra khỏi cửa, quay lại cười : " Đã khuya khoắt gì đâu. Vớt lại vườn khoai cũng gần nhà đây thôi mà ! Chờ tôi một lúc ! ". Người con gái sắp những chiếc nan tre vót trắng bóng, óng mượt cho gọn lại, rồi hai tay chắp vào đầu gối, mơ màng nghĩ ngợi.

Bà goá đẩy cửa bước vào, tay cặp rễ khoai, nói với ra ngoài : " Các bác, cứ vào cả đây, nhà có ai đâu ! ".

Người con gái ngạc nhiên khi nhìn thấy có ba người đàn ông lạ bước vào căn nhà lụp xụp. Cả ba đều cao lớn lực lưỡng, làm cho gian nhà như thấp hơn, bé hơn.

Quần áo họ rách rưới và gương mặt họ xanh xao. Tóc họ bờm xờm rủ trước trán. Một người trạc bốn mươi tuổi, đeo một cái dây nhỏ bên vai, còn hai người kia trẻ hơn có đeo dao ngắn bên sườn.

Người con gái không nói gì, chăm chú nhìn những người mới đến và tất cả im lặng một lúc. Bà mẹ nói với người con gái : " Nàng hãy sắp nước mời các bác đi. Tôi ra vườn dỡ khoai thấy các bác nằm bên luống khoai, thế là tôi đưa các bác ấy về nhà ".

Người con gái rót mấy bát nước chè xanh bốc khói đưa mời. Những người mới đến đón bát, uống thong thả. Họ đã tươi tỉnh hơn và đưa mắt nhìn

quanh nhà.

Bà goá lại nói : " Để tôi đi luộc khoai cùng ăn. Các bác cứ ngồi chơi và nói chuyện với... à, nàng đây là... ".

Người con gái đỡ lời :- " Mẹ luộc hộ con, để con tiếp chuyện các bác ấy ".

Sau đây là những lời trao đổi giữa người con gái và ba người mới đến :

- Các bác ở đâu đến đây ?
- Chúng tôi từ xa đến, mỗi người một nơi, và chúng tôi đã gặp nhau.
- Sao các bác lại nằm ở vườn khoai của bà mẹ ?
- Chúng tôi không thuộc đường và... đói !

Một người nói cho rõ hơn :

- Đói, không đi được nữa, nằm tạm đây !

Im lặng một lúc.

Người đứng tuổi nói :

- Tôi bị chúng nó hành hạ khổ quá, làm gỗ ở rừng. Quán trên thượng nguồn đây. Còn các anh này là dân chài, chúng nó bắt đóng bè mảng đưa gỗ về xuôi. Chúng tôi rủ nhau trốn.

- Các bác định về đâu ?
- Nghe nói ở vùng này có nàng Phật Nguyệt. Nàng chiêu mộ dân xiêu dạt các nơi về làm ăn. Chúng tôi muốn tìm theo nàng Phật Nguyệt.

Người con gái chột cười. Ba người mới đến lúc này mới để ý ngắm kỹ cô gái.

Nàng tuổi độ đôi mươi, da ngăm đen, gương mặt trái xoan rất tươi, mắt nhỏ và dài. Khi nàng cười, má lúm đồng tiền. Nàng mặc váy ngắn, áo cộc tay nhuộm nâu non, yếm tơ mỏng mịn. Họ để ý thấy áo nàng không có miếng vá nào nhưng nàng lại không đeo vòng tai, vòng tay hay chuỗi vòng cổ.

Bà goá từ trong bếp bước ra :

- Để vui khoai một lúc ăn mới ngon. Chỉ tí nữa là được thôi. À, các bác nói muốn tìm nàng Phật Nguyệt à ? Thì nàng chả là...

Người con gái cắt ngang lời bà goá :

- Mẹ ơi, mẹ dọn khoai cho các bác ấy ăn, còn con, con về đây mẹ ạ. Sáng mai mẹ đưa các bác ấy đến gặp nàng Phật Nguyệt, mẹ nhé ! "

Làng Yển bên sông Thao có ông Đinh Văn Bôn làm nghề bốc thuốc là người nhân hậu, hiền lành, được nhân dân yêu mến và quý trọng. Không những ông mát tay hay thuốc mà lại sẵn sàng giúp đỡ người nghèo khó, nhiều khi chỉ chữa hộ không cần trả công. Có những đêm trời rét như cắt da, ông vẫn ra đi theo lời mời để chữa trị các con bệnh cấp cứu hiểm nghèo. Nhà ông thuộc vào loại khá giả trong vùng, có của ăn của để. Tuy vậy ông vẫn không được vui vẻ, thường vẫn phàn nàn " dao sắc không cửa được chuôi ", vì làm bạn với bà Phí Thị Vang đã mười năm mà vẫn hiếm muộn không được mụn con nào. Tới năm ba mươi tuổi, bà Phí Thị Vang mới có mang, sinh được một gái. Hai vợ chồng mừng rỡ đặt tên con là Phật Nguyệt. Nguyên chữ Đinh là họ ông và chữ Phí là họ bà đặt bên nhau thành chữ Phật, ý ông muốn nói con gái là vàng mặt trăng của của cả hai vợ chồng.

Chẳng may Phật Nguyệt mười lăm tuổi thì bố mẹ lần lượt qua đời, Phật Nguyệt mồ côi cả bố lẫn mẹ, nhưng với tuổi mười lăm nàng đã sớm biết suy nghĩ và tự do lo liệu được mọi việc gia đình. Và lại họ hàng làng xóm đều giúp đỡ nàng mà chẳng ai có bụng lẩn át hay có ý coi thường nàng.

Cơ nghiệp của bố mẹ để lại có một nếp nhà gỗ năm gian, ba sào vườn và vài mẫu ruộng. Vườn trồng dâu để nuôi tằm. Tháng năm kén tằm vàng óng phơi trước sân trước ngõ mọi nhà. Cả làng Yển đều nuôi tằm kéo tơ bán cho lái các nơi về ăn hàng. Ruộng làng Yển là chân ruộng chiêm trũng, lại thường ngập nước sông nên cũng chẳng được bao nhiêu hạt lúa.

Phật Nguyệt có những suy nghĩ khác người. Và những suy nghĩ ấy nàng thường bày tỏ với một người đàn bà goá đã có tuổi mà cả làng đều quen gọi là " bà goá ", ở một túp lều nhỏ bên sông. Người đàn bà này có lẽ là một

người khổ cực nhất trong những người khổ cực của làng Yên và của cả châu Thanh Hoa này nữa. Khi mới sinh ra, người đàn bà ấy đã không biết bố mẹ là ai, vì là con đẻ rơi bỏ góc vườn, người ta nhặt và nuôi làm phúc. Người đàn bà ấy suốt đời lam lũ vất vả, làm đầy tớ các nhà giàu, làm nô tì cho những nhà quan đô hộ. Bốn mươi tuổi mới lấy được chồng thì chồng lại bị giặc bắt đi phu chết dấp dúi nơi ma thiêng nước độc. Bà đẻ được mụn con gái lại bị dịch sốt mang đi. Bà góa thường than thở : " Giặc cướp chồng, trời cướp con, tôi ăn ở hiền lành, ăn ngay nói thật mà sao khổ thế này hờ trời ! " .

Bà góa ở một mình trong túp lều lụp xụp mặc dù Phật Nguyệt vẫn mời bà về ở với mình, bà vẫn cứ khư khư ra vào túp lều lụp xụp.

Phật Nguyệt suy nghĩ và bất bình khi nhìn các cảnh trái ngược, những tên quan đô hộ và bọn tay sai thì vàng bạc đầy kho, thóc lúa đầy bịch, no nê phê phởn, đầy tớ nô tì hàng chục hàng trăm, còn nhân dân thì hầu hết chui rúc trong những túp lều lụp xụp, ăn đói mặc rách.

Nàng càng căm phẫn khi thấy những cô gái trẻ xinh tươi và làm lụng chăm chỉ bị bán vào các cửa nhà quan, cửa nhà giàu, phải kéo dài một cuộc đời đầy đọa máu hòa nước mắt.

" Ruộng chiêm là chiêm bao ", cả vùng đất đồi gò bên sông Thao này khổ vì nạn nước, nước sông nước đồng. Có làm mà chẳng có ăn. Nhưng mặc dân mất mùa đói kém, giặc vẫn thu cho đủ thuế đủ lương, vẫn bắt người đi phu đi tráng, dù cho nước ngập trắng đồng, dân sờ không thấy lần không ra một hạt gạo. Bà góa nói với nàng : " Dân mình lành quá, chịu khổ nó quen rồi. Với lại cũng là cái số cả ! " .

Tới năm vừa rồi, giặc vét thóc gạo tở lượ các làng các chợ, làng Yên gần như mất trắng tay. Nhân dân khắp nơi đều xôn xao phẫn uất.

Phật Nguyệt nói với bà góa : " Chúng ta có làm mà không được ăn, giặc kia

ngang ngược quá chừng ! Chúng coi dân ta như chó lợn ! Không lẽ cứ sống mãi trong cảnh địa ngục trần gian này sao ? " Bà góa nói : " Dân thì muốn đuổi giặc đấy, nhưng phải có một người tài giỏi đứng lên mới được. Nàng thử xem như mẹ góa này, như dân chạ ta đây, làm gì được kia chứ ! ". Phật Nguyệt muốn đem thân mình mà cứu dân báo quốc mới tìm đến ông chú, ngỏ bày tâm sự. Ông chú là một nhà nho không đỗ đạt, ở làng làm thầy đồ dạy học.

Ông chú nghe cháu nói, giật mình, không ngờ cháu lại có những ý nghĩ táo bạo như vậy. Cháu nói một lần cháu nói hai lần, nghe nói mãi chú cũng lạ lùng và kính phục cháu. Ông chú nói : " Đây là việc lớn, không phải chuyện đùa. Đã làm phải kín đáo kiên trì. Nay cháu ơi, dòng nước sông Thao đỏ đặc phù sa chảy êm ả giữa đôi bờ đồng xanh núi biếc. Sông Thao nuôi ta mà ta vẫn khổ. Phải chăng sông ấy là dòng máu hòa nước mắt của dân Nam chảy mãi không bao giờ dứt ? ".

Cháu nói : " Sao chú lại nói những lời buồn chán như vậy ! Cháu quyết đứng lên, chú phải giúp cháu. Sông Thao là mẹ hiền, châu Thanh Hoa người đông, của nhiều, chẳng lẽ không có người hào kiệt hưởng ứng chúng ta sao ? ".

Chú cháu bèn tìm họp người máu thịt được vài ba người, cùng bàn việc đời non lấp biển.

* * *

Ba người ở ruộng khoai về làng Yên ở được sáu tháng vỡ đất làm trại, trồng sẵn cày ruộng. Ông chú đến gặp gỡ, cùng nói chuyện làm ăn và giúp đỡ ba người trong mọi việc, nhưng vẫn kín đáo không nói gì tới những việc chọc trời khuấy nước.

Một hôm ba người đến gặp Phật Nguyệt, nói rằng : " Người có lòng không dám ngỗ cùng nhau, bao giờ mới nên được việc lớn ? Nhà sắp đổ có gỗ tốt sao không dùng ? ". Phật Nguyệt tươi cười nói : " Gỗ có ngâm lâu mới

dùng được bền. Nay cũng đã tới lúc vớt lên dựng cột được rồi, tiếc rằng còn thiếu ". Ba người hăng hái nói : " Chúng tôi đều có thù sâu với giặc, nài cần gì xin cứ sai khiến ! " .

Phật Nguyệt nói : " Còn chờ đợi gì nữa ! Nay đã đến lúc cần đến các tráng sĩ đấy. Tìm người có tài có chí cùng nhau mưu việc, đó là một. Tích lương trữ thóc tính kế lâu dài, đó là hai. Tụ khởi nghĩa binh, rèn đao tập gậy, đó là ba. Học trò của chú tôi có một vài người, nhưng lực còn ít quá, mong các tráng sĩ xắn tay áo cho ! " .

Ba tráng sĩ vui vẻ nhận lời, bèn tìm các bạn cùng chí và những người giỏi đánh đao múa gậy, đưa đến gặp Phật Nguyệt. Các học trò của chú cũng ra sức kết giao hào kiệt, tập luyện võ nghệ. Phật Nguyệt họp dân làm binh, chia thành đội ngũ. Mọi người tôn Phật Nguyệt làm chủ.

Lại nói về ba tráng sĩ ở ruộng khoai. Người cao tuổi nhất là Lê Bảo Hoàn mưu cơ trí lự, vốn chỉ là dân cày nghèo, vì trong một cuộc đấu vật ở làng lờ tay quạt mạnh con một tên cường hào ốm đến ba tháng, sau rồi nó bị què, nên phải bỏ làng ra đi. Hoàn bị giặc bắt đi phu lại tìm cách trốn, trốn đã nhiều lần, nhân một lần thấy tên quản phu người Hán đánh một người đàn bà trẻ bằng roi da đầu bọc đồng, mới xách bổng tên này lên ném xuống chân rừng. Giặc trói Hoàn lại đánh suốt ngày, nửa đêm Hoàn được Vũ Giao và Đào Lộc đến cởi trói đưa đi.

Vũ Giao và Đào Lộc đều là dân chài nòi, bơi lặn như cá, đã có lần hai người hai dao nhọn lặn sông đâm chết thường luồng, người ta gọi là dũng sĩ. Hai người và Lê Bảo Hoàn bàn nhau cùng đi tìm Phật Nguyệt để mong có thể thành được chí mình.

Có ngày nhân lúc bàn việc, Lê Bảo Hoàn nói với Phật Nguyệt : " Nàng là phận gái mà có chí lớn, nay sự nghiệp đã bắt đầu, chúng tôi rất mừng. Nhưng múa đao đánh gậy là việc nhỏ, còn như chém tướng phá thành, đến

giặc không ngờ, đi giặc không biết, một người nghĩ cho trăm người, đánh thì được, giữ thì vững, đó mới là những việc người nghĩa chủ phải lo ! ". Phật Nguyệt nghe tráng sĩ nói, thấy sáng ra nhiều, mới cùng ông chú và Lê Bảo Hoàn đi xem xét địa thế trong vùng, vẽ bản đồ từ sông vào tới đất giữa, từ ngược về xuôi, định trước thế tiến thế thoái, chỗ đánh chỗ phục. Phật Nguyệt lại lập một đội thủy binh giao cho Vũ Giao và Đào Lộc quản lĩnh, còn Lê Bảo Hoàn thì cùng ông chú lo mọi việc quân lương và huấn luyện sĩ tốt.

Khi lực lượng đã mạnh, Phật Nguyệt đi các trang nói với các trang chủ : " Mọi người hãy cùng đứng dậy ! Các trang hãy dựng giáo lên ! Giặc đánh một thì mười trang đến cứu, giặc kia dẫu khỏe cũng không bằng chúng ta cùng một bụng. Sức chúng ta đã mạnh rồi ! ". Mọi người đều một lòng theo Phật Nguyệt. Từ đó không trang nào chịu đi sâu đi phu cho giặc, không trang nào chịu nộp thóc nộp tơ cho giặc. Giặc về xách nhiều thì dăng dai chống lại, đánh trống làm hiệu tiến, đánh mõ làm hiệu lui. Quả nhiên giặc không còn lòng sục hoành hành được như trước.

Một hôm nhân lúc thư thả, ba tráng sĩ nói với Phật Nguyệt : " Chúa anh hùng đã ra đời, nàng đã biết chưa ? ". Phật Nguyệt ngạc nhiên hỏi lại. Ba tráng sĩ nói : " Ở Mê Linh có cháu ngoại Vua Hùng là Trưng nữ chủ đang mưu cứu nước, hào kiệt bốn phương đều theo về, nàng còn chờ gì nữa ! ", nói rồi đưa cho Phật Nguyệt tờ hịch cứu nước của Trưng nữ chủ. Phật Nguyệt xem xong mừng rỡ nói : " Những điều Trưng nữ chủ nói thật trúng ý ta, nay phải làm gì ? ". Các tráng sĩ đều vụt đứng dậy, nói : " Thời cơ đã đến, còn chờ gì nữa ! Ta hãy đến gặp nữ chủ in người dạy bảo cho ". Ngay hôm sau Phật Nguyệt và vài chị em thân tín đi cùng Lê Bảo Hoàn về gặp Trưng nữ chủ.

Ngày Trưng nữ chủ làm lễ tế cờ ở Hát Môn, Phật Nguyệt dẫn đầu hai nghìn nghĩa quân nam nữ sông Thao về hội với các anh hùng cả nước.

* * *

Trong cuộc khởi nghĩa chống Tô Định, Phậ Nguyệt được phong là Thao giang thượng, tả tướng thủy quân. Nàng lập nhiều công lớn nên khi bình xong giặc được phong là công chúa.

Phậ Nguyệt lấy làng Yên làm thực ấp, mở bến mở chợ, từ đó Yên trở nên một nơi sầm uất đông vui.

Theo lệnh của Vua Trưng, Phậ Nguyệt cùng các tùy tướng đi tìm đất hiểm yếu để lập đồn trại, mới vào vùng đất giữa, trang Thanh Cù nghỉ lại đêm ở một toà miếu nhỏ. Hôm sau, Phậ Nguyệt chọn tuyển ở trang Thanh Cù mười lăm người làm bộ hạ, lại bàn với các cụ sửa lại cổ miếu, cử người trông nom đèn nhang. Phậ Nguyệt đặt ở đây một đồn quân gọi là đồn Gò Voi. Phậ Nguyệt lại cho đào một con ngòi từ Yên vào Thanh Cù gọi là ngòi Cài để tiện việc đi lại.

Vài năm sau, Mã Viện theo lệnh vua Hán cầm quân sang xâm chiếm lại nước Nam. Sông Thao là đường tiến quân chiến lược của Mã Viện tiến đánh Bạch Hạc, vì thế Mã Viện giao cho phó soái Lưu Long tiến theo đường này. Phậ Nguyệt chống cự với Lưu Long ở mạn ngược sông Thao nhiều trận đẫm máu, giặc bị kìm chân không xuôi về nam được. Ngày mồng mười tháng hai năm Quý Mão, Lưu Long dùng kế phục quân đang đêm bao vây phá vỡ đại đồn của Phậ Nguyệt. Phậ Nguyệt tả xung hữu đột thoát được vòng vây, chạy theo bờ sông một thoi đường, ngoảnh lại quân tướng không còn ai, sau lưng lửa bốc rực trời, giặc lại chặn đánh ở phía trước. Phậ Nguyệt kêu to một tiếng, phóng ngựa xuống sông, nước réo lên âm âm, tự nhiên xoáy thành vực lớn (1).

Phậ Nguyệt được thờ ở các xã Thanh Vân, Phương Lĩnh huyện Thanh Ba, Vĩnh Phú.

Đền thờ Phậ Nguyệt ở Phương Lĩnh có đôi câu đối :

" Tích trù Động Đình uy trấn Hán

Phương lưu thanh sử lực phù Trưng "

Nghĩa :

" Sự tích hiền hánh còn lưu ở Động Đình, uy trấn nhà Hán. Danh thơm lưu truyền sử xanh, sức mạnh phù vua Trưng ".

Chú thích:

1. Phật Nguyệt công chúa là một người con gái anh hùng của sông Thao, vì bất bình trước cảnh lầm than của nhân dân mà tuốt gươm đứng dậy, kiên trì mưu trí, thu phục được hào kiệt, làm nên được công trạng hiển hách.

Nguyễn Khắc Xương
Nữ tướng thời Trưng Vương
PHƯƠNG DUNG
NỮ TƯỚNG

Trang Vĩnh Tế huyện Lang Tài có Nguyễn Trát vũ dũng và ngang tàng nổi tiếng. Nhà Nguyễn Trát đã bốn đời là dân cày thuê, đất một thước một tấc cũng không có. Tới Nguyễn Trát cũng chỉ có một chiếc khố và hai bàn tay trắng, mồ côi bố mẹ từ nhỏ, tự kiếm lấy mà ăn.

Nguyễn Trát mày rậm mắt tròn, miệng rộng mặt vuông, mỗi bữa ăn hết một đấu gạo, ăn bằng ba người, cày bằng mười người, nên nhà giàu nào cũng muốn giữ Trát ở với mình. Trát không chịu ở đâu lâu, mỗi vụ một nơi, chỉ cần được ăn no, không bao giờ bận tâm tới chuyện vườn ruộng vợ con này nọ.

Trát rất khỏe, vác chiếc cối đá lớn, miệng rộng ba gang tay đi ba vòng quanh sân đình mà nét mặt vẫn không thay đổi. Tính nết Trát cũng khác thường, thấy việc gì trái mắt là tóc dựng lên không chịu bỏ qua, tuy thân phận là tôi tớ nhưng chưa bao giờ chịu chấp tay cúi đầu với ai bao giờ.

Một hôm, Trát đang cày vỡ thấy dân làng xô xao, bèn bỏ cày về, thì thấy cường hào họ Đặng cậy thế giặc Hán bắt hiếp vợ người ta, đang thét bọn gia nhân lôi kéo một thiếu phụ xinh đẹp đầu tóc rũ rượi. Người làng chỉ kêu gào mà không ai dám cứu gỡ cho người đàn bà. Người chồng bị trói vào gốc cau, bị đánh đập đến nát da chảy máu. Nguyễn Trát lập tức trợn đôi mắt hổ, duỗi cánh tay vượn nắm lấy cổ cường hào họ Đặng nhấc lên rồi dầm đầu hẳn xuống đất. Cường hào họ Đặng chết tươi. Từ đó, Trát phải bỏ làng.

Nhân năm đói kém, Trát họp dân đói được mười người nổi lên đánh cướp các nhà cường hào cho thỏa lòng căm tức. Trát thường cầm cây sào tre mà đu mình vào cướp phá các trang trại, không kể gì hào rộng lũy dày. Bữa ăn,

kẻ giàu thì ngồi xếp chân bằng tròn, người nghèo thì ngồi xồm, riêng Trát bao giờ cũng chân duỗi chân quỳ mà ăn, vì thế hơi động là trở tay đánh đờ ngay được. Có lần Trát bị đuổi tới một con ngòi rộng, Trát vỗ đùi nháy qua nhẹ như chim liệng. Dân đói theo về với Trát mỗi ngày một đông. Huyện quan là người Hán nhiều lần vây đánh Trát nhưng cũng không dẹp nổi.

Huyện quan sợ để Trát hoành hành mãi thì mình cũng bị mất chức mới tìm cách chiêu dụ Trát.

Vùng vậy được hơn hai năm, Trát đã có thanh thế. Nhưng cứ lang bạt mãi cũng không được, nhân dịp huyện quan chiêu dụ, Trát xin khẩn đất hoang mở trang trại bên sông.

Trát lấy một người con gái ở Cối Giang làm vợ, xây dựng cơ nghiệp, nghiêm nhiên trở thành một hào trưởng ở huyện Lang Tài. Vợ chồng Trát sinh được ba trai khôi ngô tuấn tú, Trát đặt tên là Nguyễn Tất, Nguyễn Hiễn, Nguyễn Minh. Tuổi ngoài năm mươi, Trát lại sinh được một cô gái út đặt tên là Phương Dung. Vợ chồng Trát yêu quý nâng niu Phương Dung như hòn ngọc trên tay. Phương Dung càng lớn càng đẹp, hay lam hay làm, không ai là không mến.

Trát từ khi mở trang trại, càng nung nấu cái chí chuyển lay thời thế, mới chiêu mộ dân lưu tán, những người tù tội được về, những kẻ ngang tàng từng chọc trời quấy nước, những người giỏi nghề đấu gậy, nghề đánh khiên, những người bị cường hào áp bức mà phải bỏ làng, những người có nợ máu với giặc Hán. Nhà Trát kẻ ra người vào rậm rịch. Oai danh Trát mỗi ngày một lớn. Kẻ nào đi ra ngoài mà tự xưng là người nhà của Nguyễn công ở Vĩnh Tế thì ai cũng phải nể, kẻ có quyền thế cũng không dám hà hiếp. Mỗi khi Trát đi chơi, cưỡi con ngựa lông tía cao lớn, ba con trai mang đao cưỡi ngựa đi theo, đàn chó dữ lực lưỡng chạy giỡn bên chân, ai trông thấy cũng phải tránh. Bọn cường hào tuy căm ghét Trát nhưng vẫn sợ, lại lấy việc được Trát đến nhà chơi làm hãnh diện.

Tô Định nghe tiếng Trát rất lo ngại, bèn gọi cho Nguyễn Trát một chức quan nhỏ coi việc đốc phu trong thành thái thú. Trát từ chối, rồi nói với các con rằng : " Con cáo già muốn xích chân ta đây ! ". Từ đó, Tô Định càng để ý tới Trát và sức cho huyện quan phải luôn luôn giám sát Trát, và năng đi lại thăm hỏi cho Nguyễn Trát yên tâm khỏi nghi việc kia, sau rồi sẽ tìm dịp diệt Trát cho dứt mối lo.

Nguyễn Trát xuất thân là người dân cày bị hà hiếp nên biết thương yêu những người cùng khổ và thường nhắc nhở các con không được quên gốc. Vì thế, các con Trát không chỉ thạo côn quyền, giỏi đao kiếm mà việc cày bừa thổ mộc ba anh em Tất, Hiến, Minh cũng thành thạo không chịu kém ai. Phương Dung là người có hoa tay, đan đồ rất khéo, quán xuyến việc nhà, vào các ngày mùa lại cùng các chị em người làm đi cấy gặt...

Năm ấy được mùa, cánh đồng tháng mười vàng rộ lúa mới, tấp nập người gặt hái. Phương Dung mặc váy ngắn đi gặt với chị em, chỉ khác chị em cùng gặt có chiếc yếm bằng lụa màu hoa đào. Lưỡi liềm nàng sáng như bạc, cong như mặt trăng mỏng sáu, mảnh như mặt trăng mỏng ba. Nàng đưa liềm như múa, lúa chắt đặng trước, lúa rước đặng sau, lúa múa lao xao dưới tay nàng rồi nằm xuống nghỉ bên chân nàng. Nàng làm không biết mệt, gặt không biết mỏi, nàng nói nàng cười như con chim khuyên, con chim sẻ, nàng bé người mà tươi xinh và cả đồng lúa ngày mùa vui lên hơn nhiều vì có nàng gặt hái.

Nhưng kìa, một đoàn người nhốn nháo đi trên đường qua khoảnh ruộng Phương Dung và các bạn nàng đang gặt. Tên thủ bị người Hán vênh váo trên mình ngựa lắc lảo nhìn ngang nhìn ngửa. Những tên lính Hán tay đao tay gậy lạng xãng lôi kéo hơn chục người Việt, trai có gái có. Họ cố chống lại bọn lính nhưng không nổi vì đều bị trói thành một xâu.

Phương Dung vụt chạy lên đường, đuổi theo tên lính Hán, giật chiếc roi từ

tay nó và cầm lăm lăm trong tay mình.

Vụt, vụt, vụt, chiếc roi mềm bằng song đầu bít đồng hình đầu rắn ba cạnh từ tay Phương Dung quật như mưa vào tên lính. Bọn lính tức giận múa đao xông lại vây lấy Phương Dung. Chị em ở khắp cánh đồng hàng chục người cầm liềm và đòn gánh chạy ùa tới. Tên thủ bị quất tháo cả bọn lính lẫn những người đi gặt đang xúm lại mỗi lúc một đông.

Mọi người vây kín lấy những tên giặc. Những người bị trói đã lăn đi từ lúc nào cũng không ai để ý.

Phương Dung múa ngọn roi. Cả bọn lính gần hai chục tên không cự nổi với người con gái mười sáu tuổi, lùi lại và hét như bầy chó dại.

Tên thủ bị loay hoay trên mình ngựa, bực tức vì mọi người xúm quanh làm nó không có đất dụng võ. Nó cố lia đao gạt mọi người lui ra rồi chỉ đao vào mặt Phương Dung mà quát : " Con kia, mày không sợ tội chết cả ba họ à ? Con gái nhà nào ? ". Có tiếng ai đó cất lên răn ròi : - Con gái út của Nguyễn công ở Vĩnh Tế đấy !

Thủ bị gườm mắt nhìn Phương Dung.

Phương Dung quắc mắt nhìn lại.

Hắn cúi đầu rồi thét bọn lính rút về huyện sở.

* * *

Một trăm làng mạn ngược, một nghìn làng mé xuôi đều biết tiếng Nguyễn công giàu mạnh. Bãi giữa sông ngô mọc san sát như lau, khoai mọc xanh rờn như cỏ, những cánh đồng cò bay mỏi cánh. Buổi chiều trâu tắm chen chặt bến, con trai con gái đi về chặt đường. Nhà Nguyễn công có một trăm nòi đồng, mười bộ chiêm đồng, trống cái trống con hàng chục chiếc. Người tứ xứ đổi chác hàng hoá thuyền lớn thuyền nhỏ đậu ngoài bến nhiều như ngỗng như ngan.

Trong vòng trăm dặm trở ngược, trăm dặm đi xuôi, không một hào trưởng nào hùng mạnh như Nguyễn công. Năm bố con Nguyễn công đều hùng dũng. Người người đều biết đó là năm con hổ dữ ở rừng đại ngàn tìm về đây, là năm con đại bàng bay lượn chán trên những đỉnh núi cao chạm trời bây giờ tới chọn vùng đất này để nghỉ. Những người mẹ đều ao ước để được con trai như ba anh em họ Nguyễn, sinh được con gái như nàng Phương Dung.

Ba anh em trai giống nhau như đúc một khuôn và đều cường tráng tuấn tú. Phương Dung như vầng mặt trời buổi sớm, như con trăng treo đêm rằm. Cổ nàng đeo vòng bạc, tay đeo vòng vàng. Cổ nàng trắng nõn như hoa huệ, cánh tay nàng nuột nà như ngó sen. Tóc nàng thả xuống dài chấm gót chân, mềm và óng như lụa như tơ. Tóc nàng búi lên cài trâm bạc trâm đồng, tròn trặn như quả bưởi.

Nàng đẹp và khéo chân khéo tay. Nàng đan nong đan nia, đan rổ đan rá, ngón tay búp măng đưa thoăn thoắt. Nàng xếp lá đan nón. Nón nàng đan ai đội cũng thấy nhẹ như đội mây, nắng phải trốn mưa phải tránh.

Một hôm Phương Dung cùng mẹ về thăm quê ngoại để sửa lại phần mộ tổ tiên và viếng họ hàng. Quê ngoại Phương Dung ở bên sông Cối, một làng nhỏ vừa làm ruộng vừa chài lưới. Khi ra đi, Phương Dung nói với anh trai là Nguyễn Minh rằng : " Em theo hầu mẹ về thăm quê quán ông bà ta, anh ở lại trông nom bố cho cẩn thận vì tính nết bố nóng nảy không biết chịu nhịn, lại hay rượu. Anh hãy luôn luôn ở bên cạnh bố. Anh cười rằng : " Ôi, em gái sao lo nhiều như vậy. Em cứ về quê đôi mươi ngày hoặc cả một mùa ba con trăng nữa và khi em trở lại đây thì đình làng ta đã dựng xong rồi đấy ! ". Hai anh em vui vẻ chia tay nhau.

Ôi dòng sông quê hương đẹp thay ! Dòng sông mát rượi đậm đặc phù sa như một dải lụa đào nàng tiên nào lỡ để rơi trên mặt đất. Phương Dung yêu

dòng sông quê ngoại, vì nàng sinh ra ở đây và dòng sông tắm mát tuổi thơ của nàng. Phương Dung yêu dòng nước xuôi nhiều, sóng nước rì rào với làn gió lao xao hương lúa, là những cánh buồm mở ra như cánh bướm không lồ chẳng biết từ đâu đến và sẽ đến đâu.

Lần này, về quê, nàng lại gặp lại Đào Kỳ, người bạn trai từ hồi còn nhỏ tuổi. Nàng ngạc nhiên khi thấy Đào Kỳ đã là một chàng trai đẹp đẽ cũng như các anh nàng và cũng khỏe như thế. Nhìn ánh mắt và nét mặt Đào Kỳ nàng hiểu rằng chính Đào Kỳ cũng ngạc nhiên khi thấy người bạn gái đã lớn bằng này.

Lâu ngày không gặp nhau, nhưng lần này họ nói với nhau ít và khi Đào Kỳ mời trà Phương Dung thì tự nhiên nàng thấy mặt nóng bừng. Đào Kỳ giản dị và chân thực tiếp Phương Dung tại túp lều nhỏ của mình bên sông Cối.

Đào Kỳ ở một mình trong túp lều tre rưng đầy mái và gió sông đầy gian. Lều chỉ có một chiếc chõng tre và vài tấm lưới gai với những chiếc lao cá và cần câu. Đào Kỳ không phải người quê đây. Bố mẹ chàng tránh loạn lạc rồi bỏ trang Nông Cống huyện Lương Giang phủ Thiện Thiên, quận Cửu Chân lần ra ngoài này. Hai ông bà già sống cực khổ vài năm thì qua đời. Đào Kỳ mồ côi cả bố lẫn mẹ, từ năm mười tuổi đã phải tay làm hàm nhai. Phương Dung nghĩ chắc chàng không được học chữ đã đành mà hẳn chàng cũng chẳng được biết một miếng vật, một đường đao. Phương Dung thương Đào Kỳ vì thấy chàng trợ trợ và nghèo khổ.

Phương Dung muốn Đào Kỳ về với bố và các anh mình. Đào Kỳ vội vã lắc đầu. Chàng sống như con chim trời, con cá nước, sống thế quen rồi.

Nửa tháng qua, Đào Kỳ, Phương Dung càng thương nhau và Đào Kỳ thấy buồn khi Phương Dung sắp theo mẹ về Vĩnh Tế.

...Tiếng sấm xuân rền vang trên bầu trời chõng chất mây đen. Chiều cuối

xuân oi bức ngột ngạt rồi mưa trút xuống. Phương Dung lo ngại vì mẹ lại vừa bị mệt, còn nàng cũng cảm thấy trong dạ bồn chồn. Nàng không chớp mắt khi nghe tiếng sét nổ tung trên đầu nhưng nàng thấy lo lắng, ngồi đứng không yên.

Bỗng cửa bị xô mạnh mưa gió thốc cả vào nhà...Ông cậu và Đào Kỳ bước vội vào, liền theo sau là một người mái tóc hoa râm : ông Nguyễn, người hầu thân tín nhất của bố nàng !

* * *

Bảy ngày đã qua...mẹ Phương Dung chỉ nằm khóc, nước mắt ướt hết chiếu giường, và bà tắt thở trong nước mắt. Phương Dung không khóc nữa vì nàng đã khóc cùng mẹ nhiều rồi. Nàng lau nước mắt cùng họ hàng bên ngoại chôn cất mẹ.

Giờ đây, nàng cũng như Đào Kỳ. Bố và các anh nàng đã mất rồi. Bố mẹ, các anh nàng, cả cơ nghiệp nhà nàng, tất cả không còn gì nữa, vụn tan đi như áng mây. Bây giờ thì nàng cũng như Đào Kỳ, cũng mồ côi cả bố mẹ, cũng chẳng còn anh em, cũng một thân một mình như Đào Kỳ. Có khác chăng là nàng vẫn còn chỗ dựa là họ hàng bên ngoại.

Lòng nàng sôi sục căm thù. Nàng nhớ thương bố mẹ và các anh vũ dũng của nàng. Nàng cũng nhớ tới hàng trăm con người nghèo khổ đã theo bố nàng cùng nhau xây dựng nên một cơ nghiệp giàu có. Tất cả đều tan tác hết sau đêm Tô Định vây đánh với hàng trăm quân từ phủ thái thú kéo về, với tất cả bọn tay sai cường hào ác bá trong huyện Lang Tài.

Đêm lửa và máu. Đêm ấy những người anh hùng còn đang mê mệt trong giấc ngủ nồng hơi rượu của cả ba ngày tiệc mừng khởi công làm đình, sau ba ngày hội lớn có đủ mặt từ viên huyện quan người Hán cho tới các hào trưởng trong vùng. Những người anh hùng vô tư không hề đề phòng, và trong đêm thứ ba, đao của họ bị nhấc đi, khiên của họ bị giấu đi, hàng trăm

tên giặc Hán cùng bọn cường hào ồ ạt, hùng hổ, hò hét khoa đao chém giết, hãm hiếp, đốt phá...

Ông Nguyễn nước mắt tràn đầy má nói với Phương Dung :

- Ôi nàng Phương Dung ! Dân làng và bao người cực khổ khác trông chờ nàng, vì nàng là người anh hùng duy nhất còn lại của nhà Nguyễn công. Hãy trả thù !

Đào Kỳ chống sào đẩy thuyền đưa Phương Dung và ông Nguyễn rời khỏi làng Cối nhỏ nghèo, trốn tránh sự truy lùng của Tô Định vì tên này biết rằng Phương Dung còn sống là còn nguy hiểm đối với bọn nó hơn cả Nguyễn Trát và các con của Nguyễn.

Trước khi con thuyền rời bến, ông cậu nói với Phương Dung và Đào Kỳ :

- Nếu các cháu thương nhau, các cháu hãy hứa hôn với nhau và có thể sống với nhau như vợ chồng. Phương Dung hãy nhận ông Nguyễn là bố, ba con ông cũng bị giặc Hán giết cùng với ba anh của cháu đó.

Từ đấy, những người trốn tránh sống trong sự che chở của dân làng quê ông Nguyễn.

Một hôm Phương Dung nói với bố nuôi :- Bố hãy đi tìm những người biết múa đao đánh gậy ở trại ta còn sống sót, tìm những người mang khăn tang trên đầu và mối thù giặc trong lòng, đi tìm những ấy và nói với họ hãy tập hợp lại, theo về với Phương Dung !

Phương Dung lại nói với Đào Kỳ :- Chàng khỏe và khôn ngoan, nhưng muốn trả thù nhà, chàng phải biết múa khiên như anh ba và múa gậy cũng giỏi như anh hai mới được.

Từ đấy, Phương Dung dạy Đào Kỳ múa roi đánh kiếm, bày cho Đào Kỳ cách chống sào mà nhảy như bố mình, bày cho Đào Kỳ múa khiên và đao như các anh mình.

Sau đó hai người lại tập luyện với trai làng, gái làng. Chỉ có vài ba chục người, vì đây cũng chỉ là một làng nhỏ nhoi, hẻo lánh. Họ tập kín đáo với nhau, và cánh đồng chiêm mênh mông nước với lũy tre làng dày đặc đã che chở cho họ.

Những anh hùng của Trưng nữ chủ không nén nổi xúc động khi gặp những người mới đến. Những người này nghiêm trang nhìn về phía trước, chờ đợi Trưng nữ chủ xuất hiện.

Khi Trưng nữ chủ bước tới khoan thai và tươi cười, họ đều chấp tay cúi đầu làm lễ và chủ tướng của họ vội quỳ xuống, thế là họ đều quỳ cả xuống theo.

Hai trăm người mới đến ấy đều chít khăn tang trắng, quần áo bụi bặm. Chủ tướng của họ là một đôi trai gái xinh đẹp như hai quả đào tơ nở đôi bên nhau.

Phương Dung, Đào Kỳ và ông Nguyễn đã cùng hai trăm tráng sĩ tìm đến với Trưng nữ chủ và họ mang khăn trắng để tỏ rằng họ đều có nợ máu và họ quyết sống mái với kẻ thù.

Trưng nữ chủ đưa tay đỡ ông Nguyễn và vợ chồng Phương Dung, Đào Kỳ đứng dậy, miễn lễ cho các tráng sĩ của Phương Dung.

Khi được biết cả hai là một đôi bạn mồ côi, không còn anh em bố mẹ, Thiều Hoa và Vĩnh Hoa đều khóc, còn Bát Nạn và A Nàng thì nhớ ngay đến mối thù của mình. Lê Chân và Hồ Đê nương cũng không cầm được nước mắt. Xuân nương, nét mặt nghiêm trang, bước tới cầm tay Phương Dung nhẹ nhàng nói :

- Em chớ khóc. Chị đây cũng bị Tô Định giết bố và các anh. Nàng Nội ở Phong Châu cũng vậy và còn nhiều người khác nữa mà em sẽ biết. Thù với giặc đâu phải chỉ riêng em.

Nói đoạn, nàng nhìn đoàn tráng sĩ khăn trắng và vẫn nói với giọng dịu dàng :

- Những người đến đứng dưới cờ của Trưng nữ soái đều là những người bị áp bức, nung nấu thù sâu với giặc nước. Cứu nước và giành lại tự do cho nhân dân đó là ý chí của chúng ta khi theo về với Trưng nữ chủ, vợ goá của Đặng công Thi sách.

* * *

Trống trận nổ, như sấm như sét, trống trận ngày đêm rung trời động đất, gầm lên như tiếng núi đổ, rền vang đi khắp nơi. Thành Luy Lôu này tiếng trống vang đi xa mãi tới những rừng đại ngàn và làm nổi sóng bể cả, nơi mặt trời ẩn náu.

Tù và rúc lên trong hang sâu, như gầm bão cuốn đổ tất cả trên đường đi, inh ỏi đêm ngày.

Người đông như kiến, nhiều như ong, kiếm và giáo san sát như lau lấp lánh loáng lên, khiên đồng sáng xoay tròn làm cát bụi bốc lên mù mịt. Mũi tên lòe sáng bay vun vút dày đặc như đàn châu chấu và những con chiến mã chồm lên hí vang, bồm tung trước gió !

Một vạn chiến sĩ cùng với hàng trăm tướng anh hùng, trai có gái có, già có trẻ có, đánh tan tác quân thái thú Tô Định, Tô Định lui về cố thủ ở trong thành, sau hàng rào chông, sau bức tường thành cao vút lờm chờm giáo và nỏ.

Tên từ trên bắn xuống, tên từ dưới bắn lên. Đá từ mặt thành đổ xuống ầm ầm. Thành Luy Lôu quân còn đông, lương thực còn nhiều, vách cao hào sâu, Tô Định cố giữ chờ quân viện từ phương Bắc xuống và từ các trấn mạn bể tiến về.

Vây đánh mười lăm ngày ròng rã mà đoàn quân Việt vẫn không phá nổi

thành, không hạ nổi Luy lâu !

Trưng nữ soái hạ lệnh chia các tướng giỏi đi đánh phá các huyện thành mạnh của giặc để làm tan nguồn quân viện, Lê Chân quét giặc ở các trấn miền Đông, Quỳnh Hoa, Quế Hoa cầm quân tuần tiễu. Một số tướng khác đi về các địa phương mộ thêm quân, lấy thêm lương để vây phá Luy Lâu cho bằng được.

Trống trận vẫn nổi âm ầm. Tù và rúc đêm ngày. Các chiến sĩ Việt hăng hái xông lên, dùng thang tre, thang mây tìm lối vào thành.

Thành Luy Lâu cao bằng tầm cây tre, dày bằng tầm cây nứa, đá xếp như áo giáp. Hàng nghìn quân đứng trên thành đổ cát và đá, ném lửa, bắn tên, phóng lao xuống dưới.

Trưng nữ chủ hạ lệnh ngừng phá thành trong ba ngày và họp với các tướng bàn mưu kế.

* * *

...Bể lặng sóng yên, đất cũ về một mối, non sông hết bóng giặc thù, Đào Kỳ được phong trấn thủ huyện Đông Ngàn, và Phương Dung phong tước Công chúa, cùng chồng chăm lo mọi việc trong quận hạt. Huyện thành được xây dựng ngay nơi thành cũ Cổ Loa của An Dương Vương xưa, trên mảnh đất gọi là làng Ốc. Chính quyền đô hộ Hán chỉ đặt ở đây một một đồn quân. Vợ chồng Đào Kỳ về sửa lại thành quách, lập dinh sở, mở đường làm cầu. Loa thành lại trở thành một nơi đô hộ đông vui. Ngày qua tháng tới, ba năm liền được mùa, dân no, làng vui, những thôn xóm mới mọc lên, dân huyện Đông Ngàn đều ca ngợi vợ chồng quan trấn thủ hiền từ và chăm sóc tới dân.

Bấy giờ giặc Hán là Mã Viện lại kéo sang uy hiếp vùng biên giới. Biết Mã Viện là một danh tướng của triều Hán, Trưng Vương cho lệnh gọi hai vợ chồng Phương Dung, Đào Kỳ về triều, truyền rằng : " Biên giới phải có

tướng tài lên chặn giặc. Nay ta giao các người đem quân bản hộ lên tới trấn Lạng Sơn lấy quân trấn cùng nhau ra sức chống giặc ". Hai vợ chồng Phương Dung, Đào Kỳ hăng hái lĩnh mệnh ra đi.

Hai tướng đánh với giặc bảy trận trong ba ngày, giặc phải bỏ đường Lạng Sơn mà chia làm nhiều đạo mới tiến được sâu vào nội địa. Giặc hợp quân ở vùng Bắc sông Đuống chính là vùng trấn thủ của Đào Kỳ. Vợ chồng Đào Kỳ, Phương Dung nóng lòng được trở về đánh giặc ngay trên đất quê hương. Trưng Vương không cho lệnh gọi về. Hai vợ chồng đành nắm quân chờ để chặn đánh giặc khi chúng bị quét phải rút chạy về biên giới.

Quả nhiên giặc vấp phải sức kháng chiến quyết liệt của quân dân Việt đã phải rút về phía Bắc. Hai tướng chặn đánh. Giặc cầm đầu, quăng giáp mà chạy. Trưng Vương cho lệnh hai tướng vẫn đóng lại ở Lạng Sơn.

Lần thứ hai, giặc tràn sang. Trưng Vương thua, lệnh cho Phương Dung, Đào Kỳ về mở mặt trận Bắc sông Đuống để gỡ thế nguy. Hai vợ chồng đem quân về cứu. Vua lúc đó đang bị khốn ở vùng Lãng Bạc. Trưng Vương rút về Cẩm Khê. Nhiều trận đánh lớn diễn ra ở vùng Bắc sông Đuống. Có lần Phương Dung, Đào Kỳ cười ngửa sóng nhau đứng trên đồi cao nhìn thế giặc đóng quân kéo dài từ đồi nọ tới lũng kia, giáo dựng tua tủa, cờ xí rợp trời, trông chẳng khác một con rắn hoa đang trườn mình, mà không biết chủ tướng giặc đóng ở chỗ nào. Hai người nhìn ngấm một hồi rồi bảo nhau cứ giữa trận mà đánh, bèn ruổi ngựa xuống đồi, quân bốc theo sau, múa giáo hươ đao. Chẳng ngờ quân ta vừa xô nhau vào giữa trận thì từ hai đầu trận giặc cuộn lại vây chặt hai tướng Việt vào giữa. Giặc dồn đến lớp lớp đan dày, tiếng chiêng, trống, tiếng la hét vang trời. Quân của Đào Kỳ, Phương Dung bị chia ra từng mảnh, không còn sức mạnh nữa. Hai tướng biết mình lâm lữ, cố sức mở đường máu tìm lối ra, vợ một nơi, chồng một ngả đều đã bị thương nặng.

Đào Kỳ bị tướng giặc khua đao chém ngang sườn, máu vọt ra ướt hết cả áo

giáp. Đào tướng quân cắt mảnh đai áo buộc vết thương rồi phóng ngựa ra khỏi trận. Lúc ấy quân tan tướng lạc, tướng quân một mình một ngựa phóng đi, chạy tới một gốc đa lớn bèn gò ngựa lại. Dưới gốc đa có một bà lão đang quét lá. Đào tướng quân cất tiếng chào hỏi : " Bà cụ quét lá làm gì đó ? ". Bà già đáp : " Lão quét lá về nấu nước ". Đào tướng quân lại hỏi : " Đây là nơi nào ? " Bà cụ đáp : " Đào tướng quân, đây chỉ cách ba dặm là tới dinh cơ của tướng quân ở trong thành nội kia, tướng quân quên rồi sao ? ". Đào tướng quân xuống ngựa, lúc ấy bà lão mới biết Đào Kỳ bị thương nặng, sợ hãi hỏi : " Tướng quân ơi, thế ra quân ta thua to rồi sao ? Còn nữ chủ tướng đâu ? ". Nói rồi bà nắm lấy tay Đào Kỳ, ứa nước mắt khóc.

Đào Kỳ ngựa mặt lên trời, kêu to một tiếng. Lá rụng rào rào, gió ào ào thổi, một đàn quạ từ đâu tới liệng thành vòng. Đào Kỳ ngã xuống, mũi đao cắm phập xuống đất. Bà lão phục cạnh Đào tướng quân mà khóc.

Phương Dung phá được vòng vây, cùng vài bộ tướng phóng ngựa tìm về Loa thành. Chợt thấy xa xa có bầy quạ lượn đen, tiếng quạ kêu dữ tợn, Phương Dung hồi hộp trong lòng, phóng ngựa chạy thẳng tới nơi. Thấy xác chồng nằm trên đất, đao cắm bên mình, nàng bèn nhào xuống ôm lấy chồng, ngắt đi. Bà lão và các tướng gọi hồi lâu, nàng tỉnh dậy, liền nâng lưỡi đao của chồng trên tay, than rằng : " Quân tan tác hết rồi, chúa mất, chồng cũng mất, ta còn sống sao được nữa ! ". Các tướng chưa kịp can thì Phương Dung đã gục xuống, máu đỏ đao máu. Mọi người đào đất đắp mộ cho đôi vợ chồng anh hùng ngay dưới gốc đa. Hai ngôi mộ của đôi vợ chồng Phương Dung, Đào Kỳ nằm sòng bên nhau dưới bóng rợp mát của cây đa cổ thụ.

Hôm đó là ngày mười sáu tháng tám năm Quý Mão (1).

Chú thích:

1. *Viết theo tài liệu của Vũ Tuấn Sán có dịch thơ cổ và câu đối để vịnh Phương Dung, Đào Kỳ, xin được giới thiệu như sau :*

" Sinh vi tướng, tử vi thần
Vạn cổ cương thường hệ thử thân
Loa địa song đôi thu nguyệt ảnh
Anh hùng liệt nữ tướng quân phần "

Dịch :

" Sống làm tướng giỏi, chết làm thần
Muôn thuở cương thường nặng tấm thân
Đôi nắm thành Loa trăng chiếu sáng
Hào kiệt anh thư mộ tướng quân "

Câu đối :

" Vì lý Phục Ba thi, loan giá lâm lưu không ảm hận. Bất Tiên Trấn giáp,
Loa thành quy mã thượng trì thanh "

Dịch :

" Chưa bọc xác Phục Ba, sống cảnh xa loan còn vang uất hận. Chẳng rời
giáp Tiên Trấn, ngựa về thành Ốc vẫn vọng âm thanh "

Nguyễn Khắc Xương
Nữ tướng thời Trưng Vương
TRẦN NANG
TRƯỞNG LĨNH TRUNG QUÂN

Trang Toàn Liệt có nàng con gái xinh đẹp nổi tiếng tên là Ả Nang. Tóc Ả Nang dài và óng như tơ, đen như mun, buông thành bím sau lưng như tất cả các cô gái chưa chồng khác trong vùng. Da Ả Nang hồng và mát như cánh hoa sen thắm, môi Ả Nang tươi đỏ, mắt Ả Nang láy đen. Ả Nang đứng trong vườn dâu, ngón tay búp măng thoăn thoắt bứt lá, giọng hát mềm mại cất lên hoà tiếng gió rì rào lúc bỗng lúc trầm như cánh én mùa xuân lướt bay trên bầu trời lồng lộng. Người làm vườn cũng phải dừng tay cuốc, người đánh cá trên sông ngơ ngẩn buông chài, con trai chống cày để trong chốc lát lắng nghe giọng hát Ả Nang.

Ả Nang xinh đẹp chính là con gái ông Trần Hậu, một vị hương trưởng. Hai ông bà đều hiền lành phúc hậu, chăm chỉ cần cù. Nhà chỉ có ba người nhưng không quạnh. Trai gái trong làng thường đến chơi với Ả Nang. Các cụ già cũng đến ăn trầu uống nước cùng hai vợ chồng Trần Hậu nên lúc nào nhà cửa cũng đông vui ấm cúng.

Năm Trần Nang mười sáu tuổi, có hào trưởng Đinh Công Dững đến hỏi làm vợ. Đinh Công Dững tuổi đã bốn mươi, mắt như mắt diều hâu, mặt dơi, mồm chuột, nhà giàu bậc nhất trong ba mươi sáu trang bên sông Mê Linh. Họ Đinh nuôi thú hạ trên một trăm tên đầu trâu mặt ngựa. Bọn này lúc nào cũng tay đao tay gậy hung hăng đi các làng thu lúa thu nợ, hăm hiếp dân lành, có khi bắt con gái có sắc về cho chủ, có khi bôi mật bột thuốc cướp phá trang trại các hào mục kinh địch với họ Đinh. Bọn quan cai trị nhà Hán qua lại vùng này đều rẽ vào trang trại Đinh Công Dững nghỉ ngơi chè chén.

Đinh Công Dững đã có mười vợ, nhưng mê sắc đẹp Trần Nang và cậy quyền thế, y mượn người mỗi đến hỏi xin cưới nàng. Mỗi nói với ông bà

Trần Hậu rằng nếu họ Đinh cưới được Trần Nang sẽ tôn nàng làm chính thất, giao cho cai quản dinh cơ điền sản và sẽ hết lòng phụng dưỡng hai ông bà.

Cha mẹ Ả Nang lựa lời chối khéo, nói là con gái mình còn thơ dại, vả lại nhà nghèo, không dám sánh với họ Đinh.

Vài ngày sau, họ Đinh thân chinh đem trâu rượu trầu cau đến hỏi. Cha mẹ Trần Nang cho con gái ra tiếp. Trần Nang cự tuyệt thẳng lời cầu hôn. Đinh Công Dững nuốt giận ra về.

Quá mê nhan sắc Trần Nang, Đinh Công Dững không thể bỏ qua nên lại sang nhà Trần Nang hết cầu khẩn lại dọa nạt. Trần Nang vẫn một mực chối từ. Đinh Công Dững bước ra khỏi nhà Trần Nang, tuốt kiếm chém vào cột cổng, đe dọa sẽ có dịp rửa hờn.

Mọi người đều lo sợ cho ông bà Trần Hậu. Cô gái Trần Nang thưa với cha mẹ : " Xin cha mẹ chớ quá lo nghĩ, con sẽ cùng với các tráng đinh nghiêm phòng thôn xóm, vả lại con cũng biết đôi ba đường đao mũi kiếm, há sợ gì họ Đinh ! ". Trần Nang lại nói với các bạn trai bạn gái : " Đinh Công Dững ngang tàn bạo ngược, mưu cướp tôi, nó sẽ phá trang Toàn Liệt. Chúng ta hãy cùng nhau tuần phòng nghiêm ngặt, sẵn sàng đánh lại bọn hung thần ác quỷ ấy ". Con trai con gái cùng nói : " Không khi nào trang Toàn Liệt ta lại chịu mất Ả Nang xinh đẹp ".

Thời bấy giờ tại bộ Thượng Hồng (nay thuộc Hải Hưng) có bộ chủ Hùng Trọng là người khoan hoà nhân hậu, trọng nghĩa khinh tài, được nhân dân mến phục, làm bạn với bà Vũ Đường. Quê của Hùng Trọng ở làng Thái Lai, bộ Vũ Tuyên, gần làng Toàn Liệt là quê Ả Nang. Hùng Trọng và Trần Hậu là chỗ bạn thân, mỗi khi về thăm quê, Hùng Trọng và Vũ Đường không quên sang thăm ông bà Trần Hậu. Hai ông bà Hùng Trọng và Vũ Đường cũng gặp cảnh hiểm muộn, tuổi đã cao mới sinh được một trai, đặt

tên cho là Hùng Bảo.

Năm Hùng Bảo mười chín tuổi, bố mất, Hùng Bảo được thế tập quyền thay cha. Tuy còn trẻ tuổi nhưng được mẹ bảo ban, được những người thân cận và quan chức dưới quyền tin yêu hết lòng giúp đỡ. Hùng Bảo dần thông thạo công việc, xét đoán sáng suốt, lại nhân hậu và quý người, gặp các cụ già thì chào hỏi, gặp người tàn tật thì nâng đỡ. Dân chúng trong bộ hạt đều ca ngợi. Năm hai mươi hai tuổi, Hùng Bảo cùng mẹ về quê quán ở trang Thái Lai. Về tới quê hôm trước thì hôm sau hai mẹ con Hùng Bảo sang thăm ông bà Trần Hậu. Năm ấy Á Nang cũng vào tuổi mười bảy đang thì con gái tươi đẹp. Ông bà Trần Hậu cũng cùng con gái sang chơi trang Thái Lai, ở chơi từ sáng đến chiều.

Từ lúc Hùng Bảo gặp Trần Nang tự thấy không xa Nang được nữa, còn Trần Nang cũng thầm mến Hùng Bảo lễ độ phiêu cung, khôi ngô đẹp đẽ. Trong lúc mời trà, Trần Nang bọc trà vào khăn thêu trao cho Hùng Bảo, Hùng Bảo giữ lấy khăn không trả lại mà Trần Nang cũng không đòi. Hùng Bảo được biết chuyện Trần Nang cự hôn Đinh Công Dũng càng quý trọng nàng, mới thưa với mẹ cho được hỏi Trần Nang làm vợ. Ông bà Trần Hậu vui vẻ nhận lời mà Trần Nang cũng ưng thuận. Mùa xuân, tháng giêng làm lễ cưới. Trong buổi đón dâu tại Toàn Liệt, đang lúc hai họ cỗ bàn hát xướng, khách khứa ra vào tấp nập, chợt Đinh Công Dũng đem lâu la đến phá đám cưới và bắt cô dâu. Đinh Công Dũng cưỡi ngựa cầm đao, hò hét Hùng Bảo mau mau cúi đầu đem nộp Trần Nang thì được tha mạng. Bọn lâu la đi theo cũng hoa chân múa tay kêu thét ầm ĩ. Hùng Bảo liền cầm đao lên ngựa cùng vài quân thủ túc ra khỏi trại, vừa nhìn thấy Đinh Công Dũng liền múa đao xông tới đánh luôn. Đinh Công Dũng giật mình vội lui ngựa lại quát thủ hạ tiếp cứu. Trần Nang sợ Hùng Bảo bị nguy cũng lên ngựa cầm kiếm ra đánh với Đinh Công Dũng. Các tráng đinh Toàn Liệt gọi nhau mang giáo mác tiến ra các ngõ.

Trần Nang đang giao chiến với họ Đinh thì Hùng Bảo quát ngựa lao tới,

thét to một tiếng, lưỡi đao vừa đưa lên, đầu họ Đinh đã rụng. Bọn lâu la tan tác chạy dài. Sau trận đánh thắng, đám cưới lại càng vui hơn trước. Ngày mồng một tháng tư, mùa hạ, vợ chồng Hùng Bảo, Trần Nang cùng nhau xuôi về Thượng Hồng.

Dư đảng họ Đinh tụ họp nhau theo quân Hán nhiều nhân dân. Chúng thừa cơ Trần Nang đã theo Hùng Bảo về xuôi, biết là trang Toàn Liệt không còn người trí dũng cầm đầu mới kéo nhau đến đánh phá tan hoang giết cha nàng Trần Nang.

Trần Nang ở Thượng Hồng nhận được tin dữ, cấp tốc đem gia đình về Toàn Liệt thì sự đã rồi, chỉ còn biết than khóc kêu trời, rồi đem thi hài cha chôn cất ở Thái Lai. Nàng ở luôn lại đó trông nom phần mộ phòng sự lãng nhục của dư đảng họ Đinh và phụng dưỡng mẹ già.

Hùng Bảo nhân dịp này cũng muốn trở về quê quán mưu sự lâu dài. Chàng vẫn nung nấu trong lòng nhiều nỗi bất bình trước sự lấn lướt của bọn quân Hán. Chàng đã đôi ba lần chống lại những lệnh bạo ngược của kẻ thống trị dị tộc. Hùng công nói với các người thân tín rằng : " Làm kẻ trượng phu mà không gỡ được nạn nước, cứu được sinh dân khỏi cảnh cơ cực, khỏi kiếp ngựa trâu, lại còn vì chút danh lợi mà còng lưng cúi đầu chịu sự sai khiến của kẻ ngoại tộc, hỏi còn đáng sống ở đời nữa hay không ? ". Có bộ tướng người cùng quê là Lê Đức Hoàng nói rằng : " Ta về quê chăng ? Ở đó có thể tính chuyện lâu dài được ". Hùng Bảo bèn bỏ quan, về bản hương.

Một buổi, nàng Trần Nang nói với Hùng Bảo : " Thù cha canh cánh bên lòng, thiệp lễ nào ngồi yên được. Xin chàng giúp đỡ cho thiệp rửa mối thù này ". Hùng Bảo khen rằng : " Nàng tuy là gái mà có chí khí của kẻ anh hùng ", lại nói : " Nàng chỉ nghĩ đến dư đảng Đinh Công Dũng hay sao ? Còn ta lại muốn tuốt thanh kiếm báu, quét sạch giặc Hán, rửa hờn cho cả trăm họ, nàng nghĩ thế nào ? ". Trần Nang mừng mà rằng : " Nay cả nước đều trong cảnh đau thương sầu oán, dân chúng Giao Chỉ như đàn trâu gầy

còng lưng kéo cày nuôi bọn thống trị nước ngoài, đổ mồ hôi, sôi máu cho chúng phè phỡn làm giàu. Các quan ta đều ngậm hờn nuốt giận mà nhìn sinh dân trong cảnh lầm than. Thiếp nghe hào kiệt các nơi cũng đã nhiều người đứng dậy rồi ! Từ khi Đặng công Thi Sách bị bêu đầu ở cổng thành Luy lâu thì đất Giao Chỉ ta đã thấm máu anh hùng mà chuyển động. Nếu chàng tuốt gươm chính nghĩa trừ kẻ bạo tàn, thiếp xin theo chàng làm một viên tù tướng sống chết cùng chủ soái ". Hùng Bảo vui lòng, lại hỏi : " Nếu chúng ta muốn tuốt gươm vùng dậy, nàng có kế sách gì hay thử nói ta nghe ". Trần Nang nói với chồng : " Nay Toàn Liệt đã bị dư đảng họ Đinh phá phách, chợ Toàn Liệt trên bến dưới thuyền là nơi đông vui, tứ xứ về đổi chác cũng bị mất rồi. Theo thiếp trước hết ta hãy cho người đi khắp ba mươi sáu trang báo cho biết ta sẽ mở lại chợ, rồi mở hội bảy ngày. Đó chính là dịp tìm người vũ dũng đấy ". Hùng Bảo khen là kế hay. Hai vợ chồng cùng nhau bàn bạc thật là tâm đầu ý hợp. Mấy ngày sau, vợ chồng Hùng Bảo, Trần Nang đem chuyện mở chợ bàn với các cụ, các cụ đều vui vẻ hưởng ứng, liền cho người mang trâu cau báo cho các lang chạ trong vùng biết sẽ mở hội dựng lại chợ Toàn Liệt, và hội mở bảy ngày bắt đầu từ ngày rằm tháng chín. Tới ngày mở hội, dân chúng các làng nô nức kéo về Toàn Liệt. Thuyền đỗ đầy bến, trai gái chen nhau, nơi này đánh đu, nơi kia đấu vật, có chỗ chạy cướp cờ, có nơi đứng kéo co. Ngày thì vui chơi, tối thì hát đúm. Cứ trời vừa bảng lảng bóng đêm về, ngôi sao hôm hiện ra long lanh trên bầu trời thu trong sáng là con trai con gái lại tìm đến với nhau, hát suốt tới sáng.

Làng Thái Lai có cô gái một buổi sáng ba lần chạy thì đều chiếm được cờ đỏ. Mọi người reo mừng. Trần Nang đích thân trao thưởng, người con gái chưa kịp nhận, chợt có tiếng nói to : " Chớ lấy giải vội, hãy thử sức với ta xem thế nào ! ". Mọi người ngoảnh lại nhìn thì là một chàng nước da như sành, mình beo đùi dế, đóng khố bỏ dải, chít khăn đầu rìu. Trần Nang cho hai người chạy thi với nhau, bốn chân cùng phóng như sao băng gió thổi, vụt chốc cùng đến bên ngọn cờ đỏ, hai cánh tay vươn ra, một cánh tay nâu thẫm gân guốc, một cánh tay trắng nõn nà như ngó sen, cùng giằng ngọn

cờ. Trần Nang can rả rồi cho hai người chạy lại lần nữa. Lần này cô gái bị thua một bước chân, chịu nhỡ ngọn cờ xanh đem về. Trần Nang trao thưởng cho hai người rồi nói với người con trai rằng : " Á Lúa sức không thua người đâu, chỉ vì đã chạy luôn ba bốn lần rồi. Lần thứ tư ả thi với người mới lần đầu chạy mà ả còn giằng lá cờ đỏ, thế chẳng phải là tài giỏi đó sao ? ". Người con trai chịu lời nói của Trần Nang là phải. Trần Nang hỏi tên họ quê quán rồi cho mời tất cả các người đã giật được cờ đỏ cờ xanh trong các lần thi chạy đến gặp Hùng Bảo.

Sau bảy ngày hội, Hùng Bảo - Trần Nang biết được trên ba mươi người đều là gái tài trai giỏi, bấy giờ mới cho người tìm gặp tận làng, đến thăm tận nhà, kết giao với họ. Trong số những người được Hùng Bảo để ý có một người tuổi vừa ba mươi tên là Trương Hoàn giữ giải vật không ai địch nổi. Hùng Bảo tiếp đãi ân cần, sau Trương Hoàn xin ở lại làm thủ hạ của Hùng Bảo.

Từ đó, vợ chồng Hùng Bảo chiêu mộ dân phiêu tán các nơi về, nói là để mở mang trại ấp, kỳ thực là nuôi binh tích trữ lương thực. Trần Nang cũng họp các cô gái khỏe mạnh nhanh nhẹn lập một đội nữ binh. Một năm sau, vợ chồng Hùng Bảo đã họp được vài trăm người, trong đó có 42 người ở Thái Lai, Toàn Liệt là quân thủ túc cấp giáo đeo gươm theo bên chủ tướng. Tiếng tăm Hùng Bảo - Trần Nang từ đấy bắt đầu nổi lên, người các nơi theo về càng ngày càng thêm đông.

* * *

Trương Trắc biết Hùng Bảo - Trần Nang cũng mang thù sâu cùng Tô Định, lại có tài thao lược, có chí xoay chuyển thời thế, mới cử Trương Nhị đem hịch đến vờ, Hùng công và Trần phu nhân tiếp được hịch, vui mừng chinh đốn quân mã. Hùng Bảo chọn tuyển 230 dũng sĩ đặt làm quân nội thị đều là người hai trang bán quán, giao cho Lê Đức Hoàng quản lĩnh. Cử Trương Hoàn và Trần Mãng (là người chạy đua cùng nàng Lúa) làm tướng, chia tám trăm nghĩa binh làm bốn đội, còn đội nữ binh là quân riêng của Trần Nang không thuộc quyền Hùng Bảo. Ngày 11 tháng tám, vợ chồng Hùng

Bảo mở tiệc khao quân, ngày 13 tháng tám cất quân lên đường, Trần Nang đôi mắt long lanh, miệng cười hớn hở, cưỡi ngựa hồng, mang kiếm báu, áo trắng yếm đào, thắt dải xanh thêu chim én đùa mây, cổ đeo vòng bạc, tay đeo vòng ngọc, 24 cô gái xinh tươi khỏe mạnh cưỡi ngựa cầm giáo đi trước, theo sau có 251 nữ tốt hùng dũng oai phong. Trống đóng nhịp nhàng, cờ bay phấp phới, đạo nữ quân từ từ tiến theo quân của Hùng Bảo về hội với Trưng nữ chủ.

Tại thành Bạch Hạc quân các đạo kéo về, khao quân lớn. Trưng nữ chủ tế các vua Hùng ở núi Thấu rồi họp binh ở bãi Trường Sa, phong Hùng Bảo làm tướng quân trưởng lĩnh quân cơ, phó tướng tiền quân theo Bát Nạn đại tướng quân đốc lĩnh tiền đạo, còn Trần Nang được cử làm trưởng lĩnh trung quân nữ tốt. Trưng nữ chủ lại sai Trần Nang đi chiêu dụ nghĩa quân trong 15 ngày về bá mệnh. Trần Nang vâng lệnh chiêu dụ được vài trăm người chia làm hai đội. Sau đó, nghĩa quân về hội tụ ở Hát Môn.

Trưng nữ chủ ra quân đánh Luy Lâu, Tô Định bỏ thành mà chạy. Nghĩa quân tới đâu, giặc tan tới đó. Chưa đầy một năm, Trưng nữ chủ đã thu hồi 65 thành cõi Lĩnh Nam, đóng đô ở Mê Linh, dựng nền độc lập, xưng là Trưng nữ vương. Hùng Bảo được phong Thiên Bảo Hộ quốc công, Trần Nang được phong là Hoàng công chúa; Từ đó, trăm họ được yên ổn làm ăn, hưởng cảnh thái bình, cùng nhau dựng xây đất nước. Người đời sau có thơ ca ngợi Trưng nữ vương như sau :

" Nhất trận phá tan Tô tặc tướng,
Ức niên hương hỏa nữ vương danh.
Anh hùng hào kiệt giai quy phục,
Thế thượng đồng xưng thử nữ anh "

(Tạm dịch nghĩa :

Một trận đánh tan tướng giặc họ Tô,
Danh tiếng nữ vương mãi mãi ngàn đời thờ phụng.
Anh hùng hào kiệt đều kính phục mà theo về,
Người đời một lời tôn xưng nữ vương là bậc quần thoa anh kiệt).

Trưng Vương cho Hùng Bảo lấy trang Thái Lai làm thực ấp và Trần Nang lấy trang Toàn Liệt làm thực ấp, khi sống là nơi nghỉ ngơi, khi chết là nơi thờ tự. Hùng Bảo, Trần Nang về trang trại ở bên sông, giao cho vợ chồng Trần Mãng - Á Lúa lập hai trại hai bên bảo vệ cho nơi quán sớ. Từ đó vợ chồng Hùng công bàn cách làm ăn với dân trang, người cày ruộng người nuôi tằm, dân chúng được an cư lạc nghiệp.

* * *

Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược do Mã Viện cầm đầu, Hùng Bảo được cử về đuổi giặc ở Thượng Hồng, còn Trần Nang cũng về Hải Dương xử cự giặc.

Ngày mồng một tháng mười, Hùng Bảo cử tướng điếm quân rồi mở tiệc khao thưởng tướng sĩ, phụ lão và dân trang. Đang lúc tiệc vui, Hùng Bảo nói với các phụ lão rằng : " Ta với dân trang tình sâu nghĩa nặng như cá với nước, dân trang với ta một dạ thủy chung, nay phải chia tay nhau, ai chẳng thương nhớ. Nhưng nước nhà đang lúc nghiêng ngửa, giặc ngoài đã kéo vào đánh phá các nơi, ta là người tướng không thể ngồi nhìn. Nay vâng lệnh quân vương cầm quân đuổi giặc, ta coi cái chết nhẹ như lông hồng, coi nợ nước nặng như núi Thái. Các cung sớ của vợ chồng ta xin giao lại cho phụ lão và dân trang giữ gìn trông nom. Nếu sau này vợ chồng ta không trở về nữa thì lấy đó làm nơi phụng tự lâu dài ". Các cụ đều vâng lời.

Từ ngày ấy, Hùng Bảo và Trần Nang mỗi người cầm quân một nơi, cùng một lòng tận trung báo đền nợ nước. Cầm cự với giặc được ba tháng. Mùa đông, Trần Nang bị giặc dùng kỵ binh đánh úp. Lúc ấy là trống canh tư. Lửa cháy đỏ một góc trời, giặc hò hét điên cuồng xông vào phá trại Trần Nang. Trại lớn bị lửa bắn bốc cháy ngùn ngụt. Á Lúa cướp giáo, cướp khiên giặc mà che đỡ cho Trần Nang, hai người mở được một đường máu chạy khỏi vòng vây, ngoảnh lại quân không còn một ai. Dừng ngựa nghĩ lại, Trần Nang nói : " Chỉ còn hai chúng ta thôi ! Ta làm tướng mà để quân thua, trại mất, còn mặt mũi nào gặp lại Nhà Vua nữa ". Lúc ấy giặc tìm được tới chỗ hai người. Trần Nang nói với Á Lúa : " Em hãy cùng ta giết

quân chém tướng cho chúng biết đàn bà Giao Chỉ là như thế nào, dù ta có chết chãng nữa cũng phải làm cho giặc khiếp sợ ! ". Nói dứt lời, phi ngựa xông ra, Nang đánh một phía, Lúa đánh một phía, dữ tợn mạnh mẽ như mãnh hổ, thân giặc đổ ngổ ngang, tướng giặc xác nằm dưới vó ngựa. Giặc chạy tan đi. Nang và Lúa chống đao nghỉ, máu ướt đầm mình. Lúc ấy, phương đông mây đã ửng hồng.

Giặc lại ồ ạt kéo đến. Trời sáng rõ, chỉ có hai người con gái áo thắm đỏ máu. Chúng lại hò nhau vây đánh. Ngựa của Ả Nang đã nằm xuống không dậy được nữa. Nang và Lúa đều đi đất, đấu lưng vào nhau mà đánh.

Lúa, tóc xổ tung trên lưng, áo quần đều rách, tay phải cầm đao đã bị chém xệ xuống, còn một tay trái múa khiên che đỡ cho Nang. Giặc khiếp sợ, rã cả ra mà nhìn, không hiểu trước mắt là thần hay người. Một viên tướng giặc nói : " Ta theo Mã tướng quân đánh hàng trăm trận chưa hề gặp tướng nào vũ dũng như hai người con gái Giao Chỉ này, dù Phàn Khoái và Bạch Khởi có giáng sinh cũng không hơn được ! ", bèn gọi hai nàng bảo đầu hàng sẽ được trọng đãi.

Tay trái Lúa nhắc thanh đao cắm bên chân phóng thẳng tới, viên tướng giặc lập tức ngã nhào xuống ngựa. Giặc lại hét nhau xông vào. Chợt sấm sét nổi lên vang đồng, mưa đổ như trút, Nang và Lúa cùng tuẩn tiết. Giặc rút hết.

Ba ngày sau, Hùng Bảo và Trương Hoành cũng đều hy sinh tại trận. Trần Mãng và Lê Đức Hoành cướp xác hai người đem về chôn cất tại Toàn Liệt rồi rút quân về Thái Nguyên tiếp tục chống với Mã Viện(1).

Chú thích

1. Đôi vợ chồng anh hùng Hùng Bảo - Trần Nang được các triều đại trước kia phong là " thượng đẳng thần ", được thờ ở Toàn Liệt (nay về xã Tự Lập huyện Yên Lãng, Vĩnh Phú), và ở Thái Lai (nay về xã Tiến Thịnh, Yên

Lãng). Thái Lai còn thờ cả ông Trần Hậu là cha nàng Trần Nang vì đây là nơi Trần Hậu được chôn cất tại Vườn Quàn.

Nguyễn Khắc Xương
Nữ tướng thời Trưng Vương
NÀNG QUỐC
TRUNG DŨNG ĐẠI TƯỚNG QUÂN

Trên núi Thiên Thai có một ngôi chùa nhỏ. Dân trang Đông Cứu dành cho nhà chùa ba sào ruộng và vài thước vườn để nhà chùa nhang đăng cúng Phật, cầu Phật phù hộ cho dân làng dân khang vật thịnh, thóc lúa dồi dào. Các sư nữ cùng với các vãi hái dâu cấy gặt, còn việc cày bừa nặng nhọc đã có làng lo liệu.

Tuy là chùa nhỏ nhưng Thiên Thai tự lại nổi tiếng trong châu quận. Hàng năm, cứ vào ngày rằm tháng Giêng và ngày mồng tám tháng Tư, các vãi và các cô gái ở các làng trong huyện Gia Bình lại nô nức đến chùa vãn cảnh và lễ Phật, thành ra chùa không mở hội mà hoá ra có hội. Con trai làng tuy không lễ Phật nhưng cũng rủ nhau quần áo mới đi chơi xuân, hát ví với các cô gái từ các làng xa đến.

Chùa Thiên Thai, nổi tiếng không phải vì có một kiến trúc lớn lao tuyệt mỹ mà vì từ xưa tới nay ở đó chỉ toàn sư nữ trụ trì, nhiều ni cô trẻ tuổi xinh đẹp mà chùa vẫn không có điều tiếng gì. Khi các ngài tịch đều được hỏa thiêu và xá lý được dựng vào bình đồng, đặt vào bảo tháp.

Ngôi chùa nhỏ nổi tiếng vì Thiên Thai là núi hoa đào. Những cây bích đào mỗi mùa xuân nở rộ, tòa núi nhìn xa như đảo đảo rực thắm lộng lẫy nắng xuân. Hội chùa dưới bóng hoa đào, già trẻ chen vai, tiếng hát tình tứ xen lẫn tiếng nam mô, ba trăm bậc đá, từ chân núi lên tới cổng tam quan rắc kín hoa đào.

Chùa Thiên Thai có sư nữ họ Đào. Sư nữ họ Đào được sư thầy đặt tên cho là Tuyết Tĩnh. Ni cô Tuyết Tĩnh mặt như hoa bầu, cổ như cuống huệ, khoan thai, yếu điệu, đôi mày vòng cung xanh như sắc núi xuân.

Một buổi sớm xuân, trên núi Thiên Thai mơn mớn hoa đào thơm mát, hai sư nữ mở tam quan để quét hoa đại rơi trắng sân chùa. Bỗng nghe tiếng trẻ khóc oa oa. Các sư nữ vội quay vào thưa với sư thầy. Sư thầy khoan thai cùng các sư nữ bước ra ngoài tam quan. Trước mắt nhà chùa, một em bé sơ sinh cuộn trong bọc vải nằm dưới gốc đào và một cành đào còn nụ đặt ngang mình em bé.

Sư thầy niệm Phật rồi bảo các sư nữ bồng hài nhi vào chùa, lúc đó mọi người mới biết hài nhi là một em bé gái. Em bé gái được nhà chùa giao cho một bà vải đem về gia đình nuôi. Tới năm em bé lên năm, nhà chùa lại đón về để em nương nhờ bóng Phật. Em gái nhỏ đó ngày nay chính là sư nữ họ Đào.

Sư nữ họ Đào nổi tiếng vì sắc đẹp, điều đó lại làm cho sư thầy không vui lòng. Nhưng ai cũng phải mến sư nữ họ Đào vì tính tình Đào thùy mị, kính trọng sư nữ vì tư thế đoan trang. Miệng nàng tươi như hoa mà lại ít cười, mắt trong như nước giếng mà lúc nào cũng nhìn thẳng. Chỉ có một lần sư nữ họ Đào bị sư thầy quở vì ngắt một cành hoa đào đang mãn khai phô hết sắc đẹp, đem về buồng riêng mà cắm chơi. Sư thầy than rằng : " Duyên nợ phù sinh chưa dứt chẳng ? Sắc sắc không không, sao con không biết điều đó. Lòng con ham vẻ đẹp lộng lẫy của vật sắp tàn, ta lo cho con khó thoát được trần ai tục lụy. Ta đặt tên cho con là Tuyết Tĩnh, con không hiểu ý ta sao ? ". Từ đó ni cô Tuyết Tĩnh càng nghiêm trang, chỉ quanh quẩn bên sư thầy, câu kinh tiếng kệ, không mấy khi bước khỏi ba trăm bậc đá núi Thiên Thai.

Sư nữ sinh ra không có bố có mẹ, không có họ có tên, từ thuở lọt lòng, nằm dưới gốc đào, hoa đào phủ bọc cho nên sư thầy đặt họ cho là Đào. Tính sư thầy nghiêm khắc và thường nói ngay. Còn sư nữ họ Đào nét mặt lúc nào cũng phảng phất buồn và ít cười ít nói.

Có một ngày nọ, sư thầy truyền bảo Tuyết Tĩnh và Diệu Hương đem bản

kinh Pháp Hoa đến nhà một tín chủ ở làng bên nhờ tìm hộ thợ khắc mộc bản. Cả hai vâng lời ra đi. Trời hôm ấy oi bức, Tuyết Tĩnh bảo Diệu Hương nghỉ ở bên sông cùng tắm nơi mỏm đá, chìa ra như con rùa ngoi khỏi mặt nước. Diệu Hương không tắm. Tuyết Tĩnh khóa chân vẫy tay như một cành hoa nhài nổi ở nước. Chợt mây đen sập đến, mưa trút ào ào, một tiếng sét nổ như xé toang trời đất. Sóng sông vỗ mạnh. Diệu Hương ngất đi. Tuyết Tĩnh cũng bàng hoàng cả người bập bênh chờ đẫn, mơ màng cảm động, nửa tỉnh nửa mê...

Tạm mưa, Tuyết Tĩnh và Diệu Hương rảo bước về chùa, không ai nói với ai một lời. Tối hôm đó, Diệu Hương bạch với sư thầy mọi việc đã xảy ra đến với hai người ở bên sông.

Chùa núi Thiên Thai từ ấy vắng bóng sư nữ họ Đào. Sau hai tháng kể từ buổi chiều đông tổ bên sông, Tuyết Tĩnh xin thầy cho được hoàn tục. Nàng tự thấy không còn có thể nương mình cửa Phật vì những nỗi lo của một người sắp làm mẹ đã đến với nàng.

Cất mình ra khỏi tam quan, Tuyết Tĩnh lưu luyến và hổ thẹn. Nàng thấy lạ lùng vì cảnh ngộ của mình. Sự bất ngờ tai ác đã làm đảo lộn cả cuộc đời nàng. Nàng tự thấy như có tội với Phật tổ, với nhà chùa. Nàng khóc ướt đầm mảnh áo nâu sòng và thiết tha xin Phật tổ tha tội cho nàng.

Cô gái xinh đẹp bấy giờ đi lang thang trên đường, bụng mang dạ chửa vì nàng không có gia đình. Cô gái họ Đào vai mang một bọc nhỏ gói mấy chiếc áo đổi thay, đi làng này làng khác. Để tóc rối bù và bôi lấm mặt đi vì nàng sợ mọi người nhận ra mình, và nhất là sợ sắc đẹp của mình lại làm cho mình khổ.

...Mùa xuân đến. Núi Thiên Thai đỏ thắm sắc hoa đào. Những cánh đào mịn màng rơi rắc ba trăm bậc đá lên chùa. Hội chùa năm ấy không còn ai được gặp sư nữ họ Đào.

Cũng vào đúng ngày hội chùa Thiên Thai, tại trang Hạ Tồn có một bà cụ già từ sớm tinh mơ đã lần bước tới chùa làng hốt hoảng quay về gọi làng xóm láng giềng. lát sau dân làng đã đến vây quanh cây đào vạu thọt trước mái tam quan : Hoa đào rơi thắm trên thân thể một người mẹ trẻ xinh đẹp nằm thêm thiếp bên một trẻ sơ sinh.

* * *

Mười tám năm qua nhanh chóng, đứa trẻ sinh ra bên gốc đào làng Hạ Tồn nay đã là một cô gái xinh tươi. Cô gái ấy khoan thai yếu điệu, đôi mày vòng cung xanh như sắc núi xuân.

Tên cô là Quốc. Thực ra thì tên cúng cơm của cô là Nước. Mẹ cô và bà con dân làng vẫn gọi cô từ tấm bé là cái Nước. Mẹ cô ngâm mình dưới nước mà được cô nên đặt tên con như thế. Mẹ buồn không mấy khi cười. Nghĩ đến cảnh ngộ éo le của mình, đêm đêm mẹ thường trào nước mắt nhưng lòng mẹ cũng vui mừng vì thấy con mỗi ngày một lớn khôn. Bấy giờ, hai mẹ con ở với bà cụ đã gặp mẹ con nằm dưới gốc đào từ buổi đầu tiên ấy. Có nơi nương tựa, mẹ làm lụng nuôi con, trút hết thương yêu và đặt cả hạnh phúc cuộc đời vào đứa con độc nhất của mình.

Người làng thường khuyên mẹ lấy chồng. Bà cụ cũng dỗ mẹ lấy chồng. Người đẹp như ngó sen nhưng mẹ cứ ở vậy nuôi con, nuôi cho con bây đã lớn đã khôn biết suy nghĩ về tình nhà, vận nước.

Khi con lên năm tuổi, mẹ dắt tới chùa làng, xin sư thầy cho được đặt một bát hương ở chùa, gửi con cho Phật, để Phật phù hộ cho con mẹ. Sư thầy khen ngợi bé Nước và đặt tên cho nó là Quốc. Từ đó mọi người đều gọi bé Nước là Quốc.

Quốc mười tám tuổi không khác gì mẹ khi xưa. Tính tình hiền hậu, khoan thai nghiêm chỉnh, môi thắm như son mà ít cười, mắt trong như nước mà chỉ nhìn thẳng. Nhưng Quốc cũng có nhiều nét về tính tình không giống mẹ.

Mẹ xưa chỉ yên thân nương bóng Phật, không tò mò không suy nghĩ về cuộc đời trần tục xung quanh, coi việc để ý tới cõi đời là một tội lỗi. Còn Quốc thấy cái gì cũng muốn biết, cũng hỏi mẹ. Quốc thân mật với mọi người, tuy ít nói nhưng cất lời lên ai cũng vui lòng nghe theo. Tuổi Quốc trẻ mà các bạn đều kính nể. Quốc ưa bơi lội, lặn nước như thường luồng, một mái chèo với một chiếc lưới, rồi việc đồng ruộng lại làm bạn với sông nước, đó là thú vui của Quốc.

Năm mười hai tuổi, có lần đang chọ thuyền ở bên sông, chợt Quốc thấy một đoàn người kéo một chiếc thuyền lớn ngược dòng. Trên thuyền có cờ, có tàn, có gươm, có giáo, có nhiều người mặc những bộ quần áo lạ mắt. Quốc đếm cờ trên thuyền lớn, và khi những người kéo thuyền đi ngang qua mặt Quốc, Quốc cũng đếm xem bao nhiêu người. Mười hai người tất cả, trong đó có một người đàn bà và một cô gái chỉ khoảng mười ba tuổi. Quốc tò mò yên lặng nhìn ngắm những người kéo thuyền. Tất cả đều gầy gò và gương mặt họ, dáng điệu họ có một cái gì nặng nề u uất làm cho Quốc phát sợ. Họ còng lưng xuống, đầu đưa về phía trước, vai lệch đi, mình nghiêng một bên kéo một sợi dây chèo ròng từ mũi thuyền lớn. Chiếc dây như buộc họ vào chiếc thuyền. Quần áo rách rưới, người nhóp nhúa bần thiu, bàn chân dẫm lên đất rệ sông. Họ cứ thế đi men bờ sông, qua bãi cát, nhảy qua các cửa ngòi, xéo lên cỏ sặc và né các bụi cây dại. Họ đi men sông, lưng còng xuống, đầu cúi xuống, mắt nhắm xuống, chỉ cần có một chỗ đặt chân.

Gió bắc hun hút thổi như dao cứa.

Người đàn bà mặc phong phanh một chiếc áo mỏng, da tái xanh, vú teo tóp, mắt và mũi đỏ lên có lẽ vì rét quá. Cô con gái đi gần mé cuối dây. Người

tím ngắt nhưng chân tóc và quanh vành môi se lại lấm tấm mồ hôi. Tất cả mười hai người đi giữa ban ngày mà như những bóng ma hiện hình. Họ nặng nhọc kéo chiếc thuyền lớn như kéo một cái nợ truyền kiếp, kéo dài số phận nặng nề đè trĩu vai họ.

Quốc không nói được một lời nào tuy cô rất muốn hỏi họ từ đâu đến và chiếc thuyền họ kéo đây là thuyền gì. Sự kinh ngạc và sợ hãi làm cô gái nhỏ nghẹn lời. Và khi người đàn bà kéo thuyền đưa mắt nhìn cô, một cái nhìn buốt lạnh như kim châm, thì cô bỗng thấy xúc động và nước mắt trào ra, cô khóc tức tưởi và chạy về nhà hỏi mẹ.

Mẹ cho cô biết đó là thuyền quan châu úy đi tuần. Quan châu úy là người Hán tộc. Mẹ nói trên thuyền ấy hẳn có biết bao của cải vét được khi qua các địa phương. Trên thuyền ấy, mẹ biết còn có những người con gái xinh đẹp bị chúng bắt giữ làm nô tì phải làm cơm nước hầu hạ chúng, những tên giặc Hán. Có thể còn có một vài người khăng khái nào đã chống lại chúng và bị chúng bắt giữ trên thuyền. Khi về châu, chúng sẽ đem ra trị tội với những hình phạt nặng nề thảm khốc.

Cô gái mười hai tuổi nghe những chuyện ấy thì giận sôi lên và chỗ đó là điều khác nhau về tính tình giữa mẹ cô và cô.

Hình ảnh những con người khốn khổ còng lưng kéo chiếc thuyền lớn cứ ám ảnh mãi nàng Quốc.

Từ nhỏ tới năm mười tám tuổi, nàng Quốc đã làm cho bà mẹ đáng thương phải suy nghĩ rất nhiều trước những câu hỏi của con. Điều gì con cũng muốn hỏi. Những lời giảng giải đã làm cho con gái hiểu được mọi nỗi khổ cực mà dân chúng khắp nơi phải chịu, mọi nỗi khổ cực đè nặng lên lưng mọi người và lên cả mẹ con nàng.

Có lần nàng Quốc hỏi mẹ cả về tên mình. Tại sao mẹ lại đặt tên nàng là

Nước, tại sao sư thầy lại đặt cho nàng tên là Quốc mà không là Thủy ? Người mẹ lúng túng và đành nhờ sư thầy giảng hộ, còn cái tên nôm na là Nước mà mẹ đặt thì mẹ đành giấu kín cái tâm sự nặng nề ấy.

- Bố con bé vì đói đã nhảy xuống nước mà chết cho thoát nợ đời. Đó, mọi người dân làng Hạ Tồn đã hiểu về cuộc đời của ni cô Tuyết Tĩnh là như thế. Và mẹ cũng nói như thế với con : đặt tên cho con là Nước để nhớ tới người đã sinh ra con phải chìm mình ở dưới nước.

Vì đói quá ! Tại sao bố nàng đói đến nỗi phải tự tử ? Phải bỏ mẹ con nàng ? Nàng Quốc tự hỏi.

Nhờ sư thầy, nàng Quốc hiểu rõ thêm sâu sắc điều đã làm nàng suy nghĩ bao nhiêu lần. Đúng, " nước ", chữ là " thủy ". Nhưng còn có một nước khác nữa, nước đó là của tổ tiên xưa để lại, của các Vua Hùng để lại, nước này là xương máu bao đời cha ông khó nhọc xây dựng nên. Nước này đã mất rồi, hay là còn đây mà cũng hoá như mất.

Khói hương mơ hồ tỏa bay. Với cánh hoa đại nhẹ rơi trên thềm chùa. Sư thầy ngồi im lặng, nếp áo nâu buông thả xuống, bất động, cùng với dáng ngồi nhập định không khác một pho tượng tạc bằng đá, mắt nhắm lại như thả hồn yên tĩnh về cõi Nát Bàn. Nàng Quốc quỳ xuống, kính cẩn nâng tà áo nhà chùa lên chùi nước mắt tràn trên má và lặng lẽ lui về.

* * *

Giặc Hán ngày càng ngang ngược. Viên quan Hán thả quân cướp bóc các làng. Bọn chúng thấy con gái đẹp là mắt điều mắt quạ. Có lần giặc về trang Hạ Tồn nhiều. Chúng bắt gặp nàng Quốc bèn hò nhau vây bắt, Quốc chạy vượt lên. Giặc đuổi. Quốc nhảy tùm xuống sông lặn một hơi rồi lại tìm lên bờ, cách làng một quãng khá xa, ngồi nấp một chỗ kín. Khi Quốc trở về làng thấy con gái làng có người bị chúng làm nhục đã đâm đầu xuống giếng mà chết. Máu Quốc lại sôi lên. Trong khi làm tang lễ cho người con gái xấu số, người làng từ già chí trẻ ai cũng bầm gan tím ruột.

Quốc đứng trước huyết, kể tội giặc Hán. Người già nghe ai cũng khóc, còn bọn trẻ thì mím môi nghiêng răng. Lúc ấy, chợt mẹ nàng Quốc nói : " Bây giờ mẹ xin theo con, con bảo làm gì mẹ cũng làm để rửa nhục cho người con gái này ! ". Câu nói đơn giản như lửa châm vào giàn củi khô. Người già người trẻ, con gái con trai đều hăng hái nói : " Chúng tôi xin theo nàng để rửa nhục ! ".

* * *

Mẹ cùng con gái đi tìm người giỏi vật, giỏi múa đao, đánh gậy về dạy con trai con gái ở làng. Các làng trong vùng dần về theo nàng Quốc. Đang lúc tình hình như lửa bắt đầu bốc thì mẹ nàng Quốc ốm nặng. Người mẹ đáng thương lúc hấp hối rất tỉnh. Bà xin sư thầy cho mình được mặc y phục nhà chùa, xin sư thầy làm lễ cầu cho mình được siêu sinh tịnh độ lên cõi Nát Bàn. Mọi người đến thăm bà mẹ không ai không ứa nước mắt. Chợt bà mẹ gắng gượng nói, tiếng nói nhỏ nhưng nghe rất rõ ràng : " Này các người, các người hãy vững lòng theo con tôi ! Nàng Quốc chính là con của Giao Long giang thần đấy ! ".

Bà mẹ nói xong thì tắt thở.

Có lẽ bà mẹ nói mê sáng hoặc cũng có thể bà mẹ đã được Giao Long giang thần ứng mộng ? Nhưng dù thế nào thì mọi người cũng lại càng tin cậy nàng Quốc. Cũng từ đó, khắp vùng đều truyền đi câu chuyện về " Giao Long nữ " ra đời để cứu dân khỏi ách áp bức bóc lột của bọn quan lại Hán tộc. Người theo về với " Giao Long nữ " ngày càng đông. " Giao Long nữ " chọn hai trăm tráng sĩ lập một đội thủy binh dùng bơi thuyền như bay trên mặt nước. Các tráng sĩ đều xâm mình Giao Long ở ngực để tỏ lòng tôn phục " Giao Long nữ ". Đội thủy binh tập bơi lặn, tập thủy trận, tập đánh bằng lao bành lưới. Phép lấy " lưới làm binh khí " mà đánh địch ở thủy trận cũng là do " Giao Long nữ " nghĩ ra.

" Giao Long nữ " nghiêm trang mà dịu dàng, ai có công thì khen ngợi, ai có lỗi chỉ bảo ngay. Vì nàng ít nói cho nên nói câu nào cũng được mọi người

lắng nghe.

Mùa đông, Giặc Hán đến chinh phạt nghĩa quân của " Giao Long nữ ", bị nghĩa quân đánh một trận thủy chiến, giặc thua to. Từ đó, danh tiếng " Giao Long nữ " lại càng nổi.

Năm sau, có tin Lê Chân nổi lên ở vùng biển, Bát Nạn tụ nghĩa ở đồng bằng, Nàng Nội ở Bạch Hạc chém rụng đầu tướng quân của Tô Định. Nàng Quốc cho người đi các nơi để thăm dò tin tức, lại có tin bà Trưng Trắc đã truyền hịch khởi nghĩa nàng Quốc vui mừng bèn cùng nghĩa quân thủy bộ vẫy gươm chỉ giáo quét các đồn trại quân Hán dọc sông Hồng rồi tiến về Mê Linh yết kiến Hai Bà Trưng.

Quét sạch giặc Hán ra khỏi bờ cõi, thu phục lại nước Nam, Trưng Vương lên ngôi báu phong thưởng chức tước cho các tướng sĩ.

Bấy giờ Nàng Quốc tâu rằng : " Thần là một người con gái quê mùa, sinh ra không được biết mặt bố, nhờ mẹ của thần dạy dỗ mới nên người, thần đem chút tài hèn mà ứng nghĩa, may được bệ hạ thương mà cho theo, lập được chút công nhỏ. Thần không dám nhận phong chức tước, chỉ xin bệ hạ cho thần được trở về quê quán làm ăn, lập một ngôi đền nhỏ mà thờ mẹ, thế là thỏa cái chí của thần ". Trưng Vương khen ngợi rồi phong cho nàng Quốc làm Trung Dũng đại tướng quân, ban cho vàng lụa, lại ban phong cho mẹ nàng là Hoa nương phu nhân, truyền chỉ đưa về trang Hạ Tốn cho nhân dân lập đền thờ tự.

Mã Viện đem quân chiếm lại nước Nam. Nàng Quốc lại cầm quân theo Trưng Vương đánh giặc. Trận đánh ở Lăng Bạc, quân Nam không cự nổi Mã Viện. Nàng Quốc phò giá Vua Trưng xông vào trong trận mở đường máu đưa Vua Trưng về Cấm Khê.

Giặc đuổi tới Cấm Khê. Trong trận Cấm Khê quyết liệt và tuyệt vọng, Quốc một tay cầm mộc, một tay cầm đao, nhảy từ thuyền lên bờ tìm đón

Trưng Vương rút theo đường thủy. Ba lần vào trận, ba lần nàng phải lui ra. Các dũng sĩ theo nàng chỉ còn hơn chục người đều liều chết mà đánh. Nàng Quốc ngã lặn xuống đất vì mệt. Các dũng sĩ của nàng vừa đánh vừa dìu nàng xuống thuyền. Lúc ấy nàng Quốc lại thấy hiện ra trước mắt con thuyền lớn với cờ xí và gươm giáo, với những bộ quần áo lạ mắt, và đoàn người khốn khổ còng lưng kéo con thuyền tàn bạo, con thuyền ngạo nghễ đè trên dòng sông quê hương mà lướt tới.

Máu lại sôi lên, nàng Quốc vùng đứng dậy, xông vào trận đánh. Lúc này giặc đã ập đến chặn kín cả mặt sông.

Quốc ngửa mặt lên trời. Trời cao thăm thẳm. Quốc nhìn ra sông. Một chiếc thuyền lớn đầy cờ xí và gươm giáo lừng lừng đè trên sóng : thủy quân của tướng Hán Lưu Long đang quét mặt sông rồi !

Một mình Quốc tả xung hữu đột. Nàng bước tới đâu giặc rạt tới đó. Quân Nam tan rồi nhưng Quốc không chịu nhục. Và Quốc đã chết cái chết của một anh hùng(1).

Chú thích:

1. Theo thần tích nàng Quốc ở đình Hoàng Xá, xã Kiêu Ky, huyện Gia Lâm (ngoại thành Hà Nội) thì mẹ nàng Quốc họ Đào quê ở Kiệt Đặc, Chí Linh, Hải Hưng, tu ở núi Thiên Thai, trang Đông Cửu, huyện Gia Bình nay là huyện Gia Hưng, Hà Bắc. Cũng thần tích này nói nàng Quốc sinh ra dưới một gốc đào khu Hoàng Xá, trang Hạ Tồn (nay thuộc xã Kiêu Ky)

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vũ.

Nguồn: Chimvietcanhnam

Được bạn: Ct.Ly đưa lên

vào ngày: 19 tháng 8 năm 2007